

**BÁCH
KHOA**

19

15 THÁNG MƯỜI 1957

Trong số này :

HOÀNG-MINH-TUYNH . . . Chế độ dân chủ cổ điển : nước Anh.

NGUYỄN-SUNG *Tiền công nghệ gia và các sắc thuế.*

HOÀNG-THÁI-LINH Tự tử.

HU-CHU Vấn đề nhất khí trong lối thơ Đường luật.

NGUYỄN-HỮU-NGU Lê-Lợi: hình ảnh của dân tộc Việt.

J. ROUSSELOT
(do VIỆT-TỪ trích dịch) *Người quét đường.*

ĐÔNG XUYÊN Vũng nước (thơ).

THUẦN-PHONG Đất nước trong ca dao.

CÔ-LIÊU Nhân đọc « Nhập thiên thai » của Vũ-Khắc-Khoan.

VĂN-QUANG Nguyễn (truyện ngắn).

LÂM-NGŨ-ĐUỜNG
(do Vi-Huyền-Đặc dịch) *Khót lửa Kinh thành.*

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh "*Eau de Vie củ*" 40° và 50°
— Rượu Tàu "*Lão-Mạnh-Tửu*"
— Rượu Tàu "*Tích-Thọ-Tửu*"

SI-RÔ "*Vergoud*" :

— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm "*Distarome*"

DISTILLERIES ***DE L'INDOCHINE***



NƯỚC HOA và DẦU THƠM « D.I.C. » :

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin đo :

ở NAM-PHẦN : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
135, đường Pasteur — SAIGON

ở TRUNG-PHẦN : CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ
(S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG
HÃNG RƯỢU NHIÊU-BÁ
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÀNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE



Đi **PARIS** hoặc **HONGKONG**

bằng phi-cơ «**SUPER G**»



SAIGON - PARIS

(chuyến bay «**THANH-LONG**»)

cát cánh 20g20 mỗi thứ tư



SAIGON - HONGKONG

(chung với **AIR FRANCE**)

*cát cánh 9g30 mỗi thứ ba
thứ năm
thứ sáu*

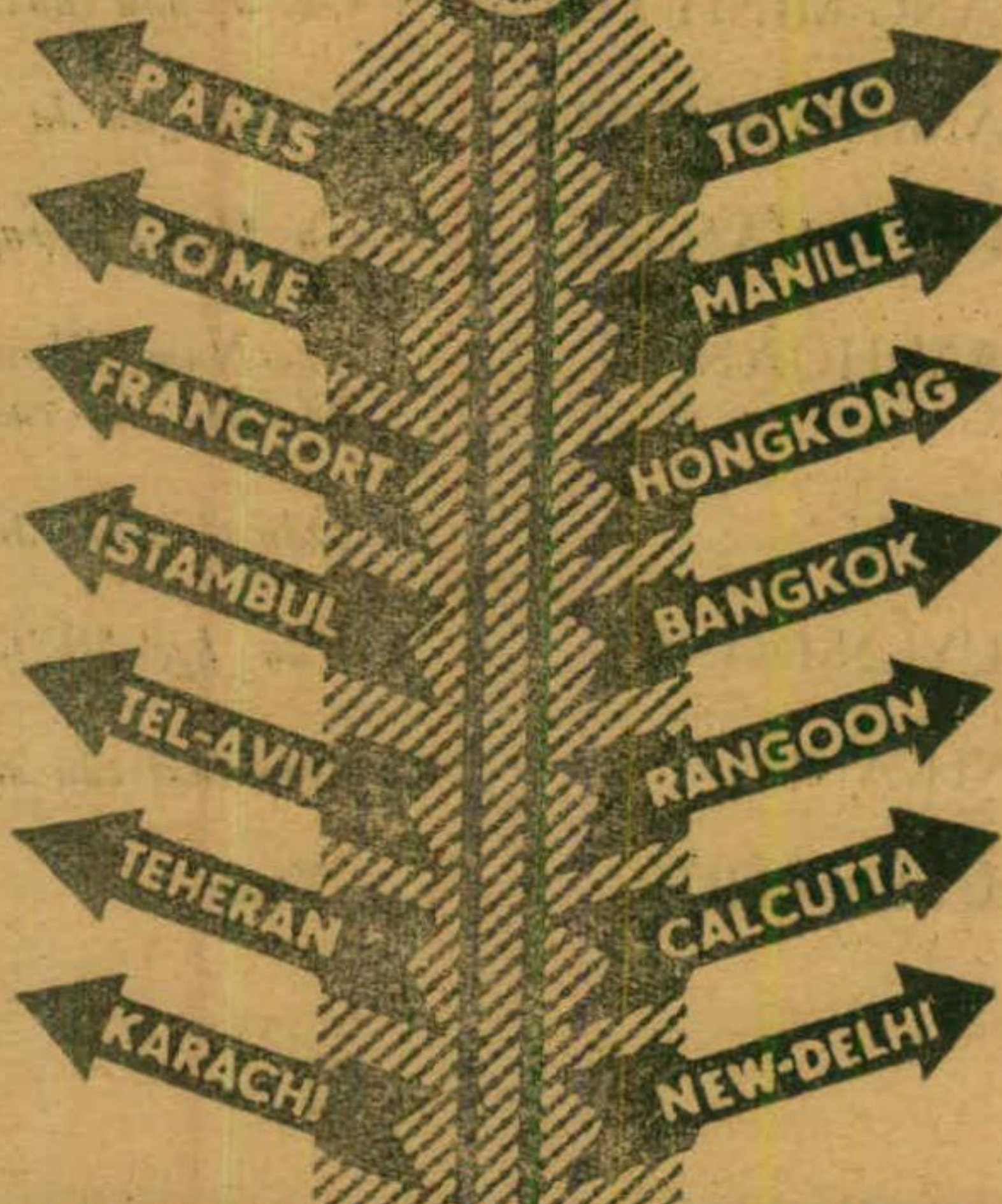


Xin hỏi : **VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG**

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

D. T. 22.446 - 47, 21.624 - 25 - 26

De SAIGON, avec le
Super G
d'AIR FRANCE
vous pouvez aller à



AIR FRANCE

LE PLUS GRAND RESEAU DU MONDE

12, Đại-lô Thống-Nhứt
SAIGON

Tél. 20 981 à 20 984



TẠP CHÍ BÁCH KHOA

Trong những số tới :

- HOÀNG-MINH-TUYNH : *Chế độ dân chủ cổ điển : nước Anh.
Liên Hiệp Anh.*
- PHẠM-NGỌC-THẢO : *Vì sao gan dạ hay nhất nhất tại
mặt trận.*
- NGUYỄN-VĂN-BA : *Cụ Hải-Thượng Lân-Ông.*
- PHẠM-HOÀN-MỸ : *Sào-Nam Phan-bội-Châu, người
đến hơi thở cuối cùng nặng gánh
giaug san.*
- CÔ-LIÊU : *Dân tộc tính văn nghệ.*
- NGUYỄN-ĐỒNG : *Văn học Nhật-Bản.*
- MINH-ANH : *Quy luật của một vài lối thư.*
- NGUYỄN-PHÚC : *Thoát.*



THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : 90\$00 — 1 năm 24 số : 180\$

Giá tiền trên đã tính cả cước phí.

TÒA SOẠN : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Hộp thư 339 — SAIGON

CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ CỔ ĐIỂN : NƯỚC ANH

HOÀNG-MINH-TUYNH

VUA VÀ CÁC TỔNG TRƯỞNG —



HEO nghi thức và các bản văn thì vua nước Anh được rất nhiều quyền hành rộng rãi. Đó là bởi tại vua tượng trưng quốc gia Anh và

nhất là bởi tại vua được thừa hưởng một thế chế vương quyền có từ trước khi có chế độ nghị viện và trước cả thế kỷ XV nữa.

Song trên thực tế, nội những gì thuộc về việc hành sử chức chương quan trọng một chút, vua chỉ có thể hành động theo ý nội các muốn và phải hành động theo như nội các yêu cầu.

I. — Vua

a) Vua đăng quang theo thứ tự kế thừa do hai đạo luật *Bill of rights* và *Act of Settlement* năm 1701 qui định :

Phụ nữ có thể làm vua, nhưng người công giáo thì phải loại trừ : vua chẳng những là chủ thần dân Anh mà lại còn là chủ Giáo phái Anh nữa.

b) Cần phải phân biệt hoàng triều với đức vua. Vua là một thế nhân (đối với pháp nhân) còn hoàng triều tượng trưng quốc gia Anh và thực thụ công quyền, nghĩa là chính thức nắm giữ uy quyền quốc gia.

c) Vua tuyệt đối vô trách nhiệm. Cách ngôn pháp lý Anh có câu : « Đức vua không thể làm xằng ». Mọi hành vi của vua, nội các và riêng thủ tướng phải chịu trách nhiệm, cả về những khinh tội, trọng tội nhà vua có thể phạm được. « Nếu vua giết một ông tổng trưởng, chính ông thủ tướng phải chịu trách nhiệm, còn nếu vua giết ông thủ tướng thì không ai phải chịu trách nhiệm hết ».

d) Tuy nhiên, không phải vì thế mà có thể bảo rằng vai trò của nhà vua trên trường sinh hoạt công cộng nước Anh là không quan trọng. Vai trò của nhà vua không hẳn có tính chất chính trị, tuy nhà vua cũng có thể kín đáo khuyên nhủ các nhân viên trong nội các hay bày giải với họ lập trường của mình. Vai trò của nhà vua có tính chất tâm lý, thiên về tình cảm nhiều hơn. Nhà vua tiêu biểu mỗi thống nhất quốc gia và là mô hình người dân nước Anh. Cho nên khi hoàng gia chung lo, chung vui với dân, khóc khi dân khóc, cười khi dân cười, người dân Anh thường tỏ ra rất cảm động, nhất là trong thời kỳ chiến tranh.

Gần đây, một nhân viên trong chính phủ lao động có tuyên bố một lời chứng tỏ cái lòng mến hoàng gia của người dân Anh rất là sâu xa: « Người ta hầu như ít nói tới sự tiến triển mới của nền quân chủ hiện nay được coi như một định chế đặt trên mọi biến chuyển của thời cuộc và chính nền quân chủ ấy là tượng trưng mỗi thống nhất quốc gia Anh và cả khối Liên hiệp Anh nữa. Nhà vua chẳng những là giây liên kết ràng buộc người Anh trong gia đình Anh quốc, mà còn là giây thắt chặt được các nước rất hỗn tạp trong đại gia đình Liên hiệp Anh nữa ».

2 — Các tổng trưởng

a — Theo luật pháp thì chỉ vua mới có quyền tuyển nhiệm các tổng trưởng.

Về điểm này quyền của vua nước Anh không được rộng rãi bằng quyền

của tổng thống nước Pháp, vì ở nước Pháp có nhiều đảng phái hơn, sự chọn lựa, do đấy, cũng được rộng rãi hơn.

Vua nước Anh chỉ được triệu thỉnh làm thủ tướng vị lãnh tụ đảng chiếm được đa số tại Hạ nghị viện. Rồi thủ tướng đề cử các tổng trưởng trong số đảng viên của đảng mình. Đó là trong trường hợp thông thường.

Trong trường hợp đặc biệt, thủ tướng có thể đề cử các đảng viên của đảng khác, khi cần thiết lập một nội các liên minh hay liên hiệp quốc gia.

b — Thủ tướng chính là vị nguyên thủ, nghĩa là người đứng đầu trong nước.

Do bởi cựu lệ và cũng do bởi địa vị đảng trưởng, thủ tướng Anh được rộng quyền hơn thủ tướng đệ tam Cộng hòa Pháp. Nước Pháp, khi qui định quyền hạn của thủ tướng trong hiến pháp năm 1946, đã phỏng theo nước Anh, đề cho vị thủ tướng nắm được quyền hành thực sự điều khiển toàn thể chính phủ.

c — Cơ cấu chính phủ Anh, phức tạp hơn cơ cấu chính phủ Pháp, và số tổng trưởng cũng nhiều hơn.

Tuy nhiên, không phải tổng trưởng nào cũng được tham gia nội các. Bởi vậy, chỉ một số tổng trưởng giữ những bộ quan trọng được dự vào các cuộc thảo luận định đoạt kế hoạch, đường lối chung của chính phủ. Nhất là trong thời kỳ chiến tranh, nội các lại còn thu hẹp hơn nữa.

Trái với thủ tướng Pháp chủ tọa các phiên nhóm hội đồng tổng trưởng, Anh hoàng không bao giờ tham dự các phiên nhóm của nội các.

d — Bởi vậy, chính nội các và các tổng trưởng thực tế hành sử các chức chương của chính phủ, quản lý các công việc quốc nội và điều khiển chính sách đối ngoại, song nhất thiết đều ở dưới quyền kiểm sát của nghị viện và các tổng trưởng đều chịu liên đới trách nhiệm trước Hạ nghị viện,

e — Tuy nhiên, có điểm này có thể coi là thiết yếu trong chế độ nghị viện Anh. Đó là điểm nội các Anh có những phương tiện để giữ thế quân bình trước uy thế của Hạ nghị viện. Trước hết, ông thủ tướng vừa là người đứng đầu chính phủ, vừa là lãnh tụ nhóm đa số Hạ nghị viện, nên sáng quyền lập pháp, tuy về lý thuyết, thuộc các nghị sĩ trong nghị viện, mà trên thực tế từ năm 1936 lại là món độc quyền của thủ tướng chính phủ.

Ngoài ra, trái với chế độ nghị viện của nhiều nước khác, tại nước Anh, các tổng trưởng chỉ được quyền tham dự và phát ngôn trong viện mình có chân mà thôi. Chính bởi thế, chính phủ buộc phải tăng số nhân viên để có thể giữ vững ưu thế nội các trong cả hai viện.

Song phương tiện hành động mãnh liệt nhất, chính phủ dùng để đối phó với nghị viện chống lại là cái vai trò của ông vua (hay của nội các cũng thế) trong việc giải tán Hạ nghị viện. Ông vua bất cứ lúc nào, cũng có thể giải tán hạ nghị viện, nghĩa là cắt chức toàn thể các nghị sĩ và mở lại tổng tuyển cử.

Theo thủ tục nghị viện thế kỷ XIX thì quyền giải tán là phương tiện dùng để giữ mạch lạc của nhóm đa số ủng hộ nội các, và giữ thế quân bình chống

lại uy thế Hạ nghị viện đối với chính phủ. Nội các khi thấy nhóm đa số nghị viện khởi sự rời rã, muốn nắm vững uy thế của mình, thường phải hăm dọa giải tán và nếu, bị thiếu số, có thể chống lại sự bất tín nhiệm bằng cách giải tán thật sự, để cho cử tri đứng làm trọng tài tối cao giải quyết các khó khăn xảy ra giữa nghị viện và nội các, và cử tri thi hành chức vụ trọng tài bằng cách bầu các nghị sĩ chấp thuận hay chống đối chính sách của nội các.

Lần lần về sau, chỉ nguyên kỷ luật của đảng đa số cũng đủ bảo đảm cho một nội các được vững chắc, việc giải tán hạ nghị viện trở nên một phương tiện không cần thiết nữa. Việc giải tán, ngược lại, trở nên một thủ tục dùng để gây các cuộc tổng tuyển cử trước hạn định thông thường, khi mà có những vấn đề quan trọng xét ra cần phải hỏi ý kiến cử tri, hoặc khi có cảm giác cử tri đã thay đổi thái độ về một vấn đề quan trọng nào.

Sau nữa, thủ tục giải tán nghị viện trở thành một thứ trưng cầu dân ý. Đáng lẽ trực tiếp hỏi quốc dân thuận hay không thuận về một vấn đề, có thể dùng biện pháp giải tán nghị viện để cho cử tri phát biểu ý kiến thuận hay không thuận, bằng cách bầu cho đảng này hay đảng kia. Cách phát biểu ý kiến này tuy chỉ là cách gián tiếp, không có vẻ « triệt đề dân chủ » bằng cách trưng cầu dân ý, nhưng giản dị và thiết thực hơn nhiều.

Sau hết, thủ tục giải tán nghị viện chứng tỏ cái « fair play » (một tiếng rất khó dịch) là yếu tố cốt thiết trong các định chế của người Anh. Theo óc luận

ý của người Pháp, chẳng hạn, thì thủ tục giải tán là một nguy cơ thường trực, phe đối lập có thể dùng bất cứ lúc nào để chống lại chính phủ và một nội các vô lương tâm cũng có thể dùng nó trong những khi thuận lợi cho họ, để củng cố địa vị.

Cố nhiên, phe đối lập cũng như nội các, không phải ngu gì mà không biết rằng có thể lợi dụng tình thế để kéo lợi về mình : phe đối lập thì rình lúc nào chính phủ yếu thế mới yêu cầu giải tán ; còn chính phủ cũng rình

lúc nào cử tri có chiều thuận theo mình thì mới giải tán. Tuy nhiên, phe đối lập cũng như chính phủ chưa bao giờ làm điều quá trớn ; thủ tục giải tán Hạ nghị viện trước sau vẫn được áp dụng đúng đắn và cũng chưa hề có ai lợi dụng nó để làm cuộc đảo chính bao giờ.

HOÀNG-MINH-TUYNH

biên khảo

KỲ SAU : Liên hiệp Anh

Danh - ngôn, danh - lý trong số này quy về ý chính :
LẠC QUAN

★ **T**A phải lạc quan, những kẻ bi quan suốt đời chỉ là những kẻ bàng quan mà thôi.

GUIZOT

★ **N**GƯỜI quân tử chỉ biết chăm lo suy tính công việc của mình, lúc chưa làm được thì vui, vì có ý làm nên việc ; lúc đã làm được cũng vui, vì có trí làm nên việc. Cho nên người quân tử được hưởng vui thú suốt đời mà không phải lo sợ một ngày nào hết.

THUYẾT-UYỀN

TIÊU CÔNG NGHỆ GIA VÀ CÁC SẮC THUẾ

NGUYỄN - SUNG



LONG giai đoạn này, tiểu công nghệ gia cũng góp phần đặc lực vào việc xây dựng kinh tế nước nhà. Nhưng thành tích chưa được rõ rệt là vì trên địa hạt đấu tranh về kinh tế, người tiểu công nghệ gia Việt-Nam luôn luôn gặp phải nhiều sự khó khăn trước làn sóng ngoại hoá.

Nhận thức được hoàn cảnh khốn đốn của tiểu công nghệ gia, nên nhà lập pháp Việt-Nam hết sức nâng đỡ giới này về phương diện thuế khoá.

Nhưng trước khi xem xét sự nâng đỡ của chính quyền, tưởng nên hiểu rõ ràng thế nào là một tiểu công nghệ gia.

1. Thế nào là một tiểu công nghệ gia

Theo bộ luật thuế môn bài và thuế sản xuất thì tiểu công nghệ gia là

người hoặc làm công nơi xưởng mình hay tư nhân khác, không có thợ bạn hay người học nghề phụ giúp, nếu có người học nghề thì người này phải dưới 16 tuổi, hoặc làm ăn công, hoặc làm cho chính họ với nguyên liệu của họ làm ra hay mua sẵn để chế biến ra những thành phẩm. Không thể kể là thợ bạn hay người học nghề, người vợ làm cho chồng, các con chưa thành hôn làm với cha mẹ. Nói tóm lại những người tự đảm nhiệm lấy công việc sản xuất, hoặc có nhờ đến sự trợ giúp nhân lực hay động cơ trong phạm vi luật định được gọi là tiểu công nghệ gia. Định nghĩa như trên cho ta thấy hai điểm chính cần phải xét đến.

A. — TỰ ĐẢM NHIỆM LẤY SỰ SẢN XUẤT

Những hoạt động của người tiểu công nghệ gia trong việc sản xuất hàng hóa sẽ được thấu triệt nếu lần lượt so

sánh với hoạt động của thương gia và kỹ nghệ gia. Nhưng trước khi so sánh với hai giới kia, tưởng nên nói đến người làm công. Gọi là người làm công những người chuyên làm việc tại nhà mình cho người kỹ nghệ gia, hay thương gia, với những nguyên liệu do những thương gia hay kỹ nghệ gia cung cấp. Người làm công không bao giờ có nguyên liệu, mà chỉ nhận nguyên liệu của người khác để chế biến, và khi giao hàng thì nhận tiền công nơi người đặt hàng. Sự phân biệt với người làm công không quan hệ mấy, vì hạng này vẫn được hưởng chế độ ưu đãi về thuế khóa như tiêu công nghệ gia vậy. Duy chỉ cần phân biệt với thương gia và kỹ nghệ gia.

1.— *Tiêu công nghệ gia và thương gia*

Thường thường tiêu công nghệ gia mua nguyên liệu trong hoặc ngoài nước để dự trữ. Nhưng việc mua nguyên liệu không được xem như là một hoạt động thương mại. Vì người tiêu công nghệ gia chỉ mua nguyên liệu để chế biến ra thành những sản phẩm. Người thủ công nghệ gia không ăn lời trên giá nguyên liệu, nhưng chỉ thu lợi tức trên việc cung cấp sức lao động trên việc chế biến mà thôi. Theo thể lệ kinh tế hiện hành thì tiêu công nghệ gia mua nguyên liệu từ nước ngoài về không được bán lại cho người khác.

Lại còn một điểm không kém phần quan trọng. Ấy là việc bán hàng do tiêu công nghệ gia sản xuất ra. Những cửa hàng cùng một địa điểm với xưởng tiêu công nghệ để trưng bày và

bán những sản phẩm của người tiêu công nghệ, được xem như xưởng tiêu công nghệ, vì việc bán hàng là phụ thuộc mà sự sản xuất mới là chính, nên việc bán hàng này không được xem như một hoạt động thương mại. Tuy nhiên, những cửa hàng mất hẳn tính cách tiêu công nghệ nếu sự trưng bày lộng lẫy và tốn kém, có sự quảng cáo rộng lớn để thu hút khách hàng, và như vậy, không được hưởng đặc ân dành cho xưởng tiêu công nghệ. Việc này rất dễ hiểu vì tính cách thương mại đã lấn áp tính cách tiêu công nghệ. Nhưng xét cho thiệt kỹ thì trong giai đoạn hiện tại trước làn sóng văn minh, những sản phẩm có được quảng cáo rộng rãi, sự trình bày có lộng lẫy, mới thu hút được người tiêu thụ và nhờ vậy mà sự sản xuất mới phát triển mau lẹ được. Vì sự tiến triển của trào lưu, chúng tôi ao ước rằng những sự chưng bày lộng lẫy trong cơ sở của tiêu công nghệ gia, sẽ được xem là cơ sở phụ thuộc và được hưởng chế độ đặc ân thuế khóa, để giúp người tiêu công nghệ gia bán được hàng một cách dễ dàng.

2.— *Tiêu công nghệ gia và kỹ nghệ gia*

Các kỹ nghệ gia chỉ dùng những máy móc tự động để chế biến sản phẩm có khi từ nguyên liệu đã được sửa soạn trước hoặc chưa được sửa soạn trước. Những hạng người trên này không cần theo dõi, săn sóc nhiều, chỉ có một hoạt động là xem xét các máy cho đều hoà.

Trái lại, tiêu công nghệ gia, nếu dùng máy móc thì dụng cụ này là phụ thuộc

cho bắp thịt mà thôi. Vì người tiểu công nghệ gia phải theo dõi từng giai đoạn chế biến và nếu thiếu sự săn sóc thì sản phẩm không chế biến theo như ý muốn của người sản xuất.

Tóm lại tiểu công nghệ gia tự đảm nhiệm lấy công việc sản xuất không phải là thương gia khi mua bán nguyên liệu và sản phẩm làm ra và cũng không phải là kỹ nghệ gia khi có dùng đến máy móc.

Tuy rằng tự đảm nhận lấy sự sản xuất, nhưng sự chế biến phức tạp, nên sự trợ lực của một số người đặc biệt liên hệ đến quyền lợi của tiểu công nghệ gia và của máy móc trong một phạm vi nào được pháp luật cho phép.

B. — SỰ GIÚP ĐỠ CỦA NHÂN LỰC VÀ CỦA MÁY MÓC

Theo các sắc thuế thì sự trợ giúp của nhân lực cũng như của máy móc, nếu máy móc là phụ thuộc, thì tiểu công nghệ gia không mất hẳn tính cách căn bản của nó, và vẫn được hưởng sự khoan hồng của các luật thuế.

I — Nhân lực

Trong sự sản xuất, cần phải chia nhiều giai đoạn. Mỗi giai đoạn cũng cần những người chuyên môn mới mau chóng được. Vì vậy, sự hợp tác trong công việc làm là quan trọng. Nhà lập pháp thấu triệt vấn đề, nên cho được xem là gia nhân tiểu công nghệ gia, vợ và các con trai con gái chưa thành hôn. Nhà làm luật không nói đến trường hợp tiểu công nghệ gia có nhiều vợ, có con nuôi, và trái ngược lại vợ là tiểu công nghệ gia thì chồng có được xem là gia nhân không ?

Ở Việt-nam, chế độ đa thê được luật pháp công nhận. Con nuôi nếu chứng minh hợp lệ, thì được xem như con đẻ. Nếu vợ là người phụ của tiểu công nghệ gia đàn ông thì chồng cũng có thể đóng một vai trò phụ thuộc trong việc chế biến sản phẩm mà công việc chính yếu đều do người vợ đảm đương cả. Quan niệm như vậy tưởng không phải không hợp lý. Tuy luật pháp không tiên liệu những trường hợp này, nhưng tưởng có thể xếp những người này vào hạng gia nhân, của tiểu công nghệ gia được.

Ngoài gia nhân, tiểu công nghệ gia được dùng một người học nghề dưới 16 tuổi. Nếu người quả phụ vẫn tiếp tục nghề của chồng thì vẫn được quyền dùng thêm một người thợ bạn và một người học nghề dưới 16 tuổi.

Hiện nay thanh niên đúng tuổi phải thi hành quân dịch, các con của tiểu công nghệ gia cũng tuân lệnh chung. Nhưng khi ra đi thì công việc của xưởng tiểu công nghệ không khỏi khó khăn phần nào. Vậy tiểu công nghệ gia có quyền dùng một người thợ bạn hay không ? Chúng tôi tin tưởng rằng chính quyền hết sức giúp đỡ tiểu công nghệ gia thì việc thay thế này không thay đổi qui chế mà tiểu công nghệ gia được hưởng.

Theo tinh thần của đạo luật thuế môn bài, nếu một gia đình có nhiều vợ, nhiều con chưa vợ chưa chồng, thì số người được kể là gia nhân không hạn định và ngoài ra có một người học nghề dưới 16 tuổi phụ giúp nữa. Đối với các gia đình đông con thì tiểu công nghệ gia

có nhiều người phụ giúp, đối với các gia đình ít con thì tiêu công nghệ gia nhờ ít. Riêng đối với đạo luật về thuế sản xuất, điều thứ 12 buộc rằng người nào tự sản xuất mà dùng một số nhân công dưới 6 người, kể cả người trong gia đình mới được hưởng khoan hồng của luật này. Việc hạn chế này có lợi cho gia đình, tiêu công nghệ ít con, nhưng có thiệt hại cho gia đình đông con. Mà ở Việt-Nam gia đình đông con không hiếm!

Tuy được nhân lực giúp sức nhưng theo trào lưu tiến hóa, phải nhờ đến máy móc phụ lực thì mới cạnh tranh dễ dàng với hàng các nước khác.

2 — Sự trợ lực của máy móc

Những phát minh mới lạ trong sự sản xuất làm cho công việc chế biến sản phẩm của người tiêu công nghệ gia càng thêm gay go, nếu chỉ dùng bằng tay chân không. Nhận thấy tình cảnh khốn đốn của tiêu công nghệ gia trước đà tiến của xã hội văn minh, nhà lập pháp đã cho các tiêu công nghệ gia dùng máy móc để trợ giúp, miễn là máy móc là phụ thuộc mà nhân lực giữ phần chính. Khi nêu lên chữ «phụ thuộc» nhà làm luật không phải chỉ nghĩ đến tình trạng của tiêu công nghệ gia chỉ dùng một hay hai máy, và cũng không phải chỉ xem vào tính cách quan trọng hay thô sơ của máy móc, để định đoạt tính cách tiêu công nghệ gia, mà chính người làm luật đã căn cứ vào trường hợp nào máy móc được sử dụng để định đoạt. Nếu dùng máy móc để chế biến từ nguyên liệu chưa được sửa đổi trước cho đến khi thành ra thành phẩm, thì nếu chỉ dùng một máy nhỏ, người sản xuất phải được liệt vào hạng kỹ nghệ gia. Trái lại người sản xuất dùng nhiều máy, nhưng

qua mỗi giai đoạn cần đến bàn tay khéo sự thông minh, cặp mắt theo dõi của người sử dụng thì người sản xuất ấy được gọi là tiêu công nghệ gia. Vì tuy dùng máy móc thật nhưng phải có sự điều khiển, sự tham gia của nhân lực một cách đầy đủ sản phẩm mới chế biến được. Nhân lực đã giữ một địa vị quan trọng trong việc sản xuất hàng hóa.

Tóm lại những người tự đảm nhận sự sản xuất với sự trợ giúp của nhân lực và máy móc trong phạm vi luật định được gọi là tiêu công nghệ gia và được luật pháp che chở về phương diện thuế khóa.

II. — Thuế khóa áp dụng cho tiêu công nghệ gia

Trong hoàn cảnh khó khăn, các tiêu công nghệ gia phải được bảo vệ thì nghề nghiệp của họ mới không bị mai một. Và lại, nhà lập pháp tôn trọng dân chủ, luôn luôn lấy tiêu chuẩn phân chia công bình số tiền mà mỗi công dân phải đài thọ cho ngân quỹ quốc gia, để trang trải các chi phí cần thiết, tùy theo sức đài thọ của mỗi công dân. Tiêu công nghệ gia, lợi tức ít, nên tha thuế môn bài và thuế sản xuất cho hạng này là hợp với tinh thần nói trên này.

A. — THUẾ MÔN BÀI

Ai cũng công nhận rằng các sắc thuế có ảnh hưởng rất nhiều đến giá cả của hàng hóa, vì khi bán hàng ra phải tính tất cả chi phí và các món thuế phải trả cho chính phủ. Tiêu công nghệ gia sản xuất trong những điều kiện khó khăn hơn kỹ nghệ gia, nên thành giá phải cao hơn thành giá sản phẩm do kỹ nghệ sản xuất. Để có thể bán ra với

giá « phải chăng » nhà lập pháp tha thuế môn bài cho tiểu công nghệ gia. Và lại quan niệm công bình thuế vụ làm kim chỉ nam cho nhà làm luật, nên tình trạng kinh tế của người chịu thuế đáng đặc biệt chú ý đến. Vì vậy tiểu công nghệ gia sống chật vật với lợi tức của những sản phẩm làm ra, được tha thuế môn bài không có gì lạ cả.

Không những chỉ đối với thứ thuế này tiểu công nghệ gia mới được tha mà thôi, hạng này còn được hưởng đặc ân về thuế sản xuất, nếu có đủ ba điều kiện mà chúng ta sẽ nói đến sau này.

B. — THUẾ SẢN XUẤT

Trước khi nói đến thuế sản xuất, tưởng nên xem qua thuế gián thu mà trước kia tiểu công nghệ gia phải nộp mỗi khi bán hàng. Trước hết là tổng số thương vụ đánh lên tất cả việc mua bán, khi việc bán ấy thực hiện trên lãnh thổ Việt-nam. Tiểu công nghệ gia bán hàng ra cũng phải theo số phận ấy, nghĩa là phải chịu thuế tổng số thương vụ và đảm phụ quân nhu, mà người ta thường hay gọi là thuế *bốn phần trăm*. Thêm vào thuế này là thuế tổng nội, là thứ thuế nộp cho cơ quan thuế quán, đánh lên trên hàng nhập cảng cũng như hàng sản xuất tại trong nước. Trung bình người tiêu thụ phải chịu trả độ 10% trên giá hàng mua trực tiếp tại xưởng người tiểu công nghệ gia. Nếu mua tại nơi khác thì người tiêu thụ phải trả thêm một lần thuế tổng số thương vụ và đảm phụ quân nhu. Như vậy, người tiêu thụ vẫn thấy hàng nội hóa ngang giá hoặc cao hơn hàng nhập cảng, nên sự tiêu thụ hàng nội hóa không được mạnh mẽ. Không tiêu thụ được thì người tiểu công nghệ là hạng đầu tiên bị loại ra ngoài vòng sản xuất.

Nhận định sự bất công này, nhà lập pháp đã bãi bỏ thuế tổng nội và thuế tổng số thương vụ, và thay thế bằng thuế sản xuất đánh vào hàng nhập cảng cũng như hàng chế biến tại trong nước.

Theo điều thứ 12 của luật về thuế sản xuất và các thứ thuế gián thu, thì những người tự mình thực hiện công việc sản xuất có đủ ba điều kiện dưới đây được miễn thuế sản xuất :

— không dùng quá sáu nhân công kể cả người trong gia đình,

— nếu có dùng máy móc thì máy móc phải là phụ thuộc mà nhân lực là phần chính,

— tổng số thương vụ hằng năm không quá năm trăm ngàn đồng.

Sự miễn thuế này chứng minh nỗi lo âu của cơ quan lập pháp trong việc phục hưng kinh tế, cố sức giúp đỡ hạng tiểu công nghệ gia. Tùy theo hoàn cảnh kinh tế của người chịu thuế mà đánh thuế. Vì vậy sự tha thuế với điều kiện này chứng minh quan niệm công bình thuế vụ dựa trên sức đảm thọ của người chịu thuế. Và ai cũng nhận rằng lợi tức của tiểu công nghệ gia chịu thu hoạch hằng năm trên công việc làm không được là bao. Nhưng đối với tiểu công nghệ sản xuất nhiều, thu được nhiều lợi tức thì chịu thuế sản xuất là hợp lý.

Tuy nhiên, chúng ta tự hỏi rằng một xưởng tiểu công nghệ dùng trên 6 nhân công mà tổng số thương vụ hằng năm không quá 500.000\$00, có phải chịu thuế sản xuất không. Đề cụ thể hóa vấn đề, xin lấy ví dụ một gia đình tiểu công nghệ có 10 nhân công (toàn là gia nhân) không có máy móc phụ giúp, chuyên làm quạt giấy xi-măng đã bán ba cái một đồng. Chúng tôi tin tưởng rằng tổng số thương vụ hằng

năm không sao quá 500.000\$00 cả, vì mỗi ngày mỗi người không tài nào sản xuất 500 chiếc quạt. Ngược lại một tiêu công nghệ gia chỉ dùng 5 nhân công, có máy móc phụ giúp, nhưng tổng số thương vụ hằng năm quá 500.000\$00, xưởng này có phải chịu thuế không. Đây là trường hợp các xưởng dệt.

Nếu áp dụng điều thứ 12 trên này thì cả hai xưởng đều phải chịu thuế sản xuất, vì cả hai xưởng không đầy đủ ba điều kiện gộp lại để được hưởng khoan hồng của nhà lập pháp. Nhưng nếu áp dụng một cách cứng rắn như vậy tưởng không khỏi bất công. Vì theo tinh thần của đạo luật là đánh thuế dựa lên trên hoàn cảnh kinh tế của người chịu thuế. Nếu áp dụng đúng tinh thần này, thì trường hợp thứ nhất được miễn thuế và trường hợp thứ hai phải chịu thuế. Điều này nhà lập pháp thế nào cũng tiên liệu và sự áp dụng luật lệ mềm dẻo để giúp đỡ kẻ nghèo là nhiệm vụ chung.

Việc miễn thuế cho tiêu công nghệ gia là những biện pháp thiết thực để xúc tiến mức sản xuất hàng nội hóa. Trong tình trạng kinh tế nước nhà, việc kỹ nghệ hóa các cơ sở kinh tế chưa thể thực hiện được mau lẹ, nên việc giúp cho tiêu công nghệ sống để khai thác và phát triển tài nguyên quốc gia là cần thiết và cấp bách. Biện pháp tha thuế này còn giúp giải quyết nạn thất nghiệp, vì thành giá hàng sản xuất trong nước hạ xuống, bán chạy thì nhân công mới có việc làm.

Ngoài hai thứ thuế trên này, người tiêu công nghệ gia còn phải trả thuế lợi tức và

tổng số lợi tức nếu tiền thu vào đem lại cho ngân sách gia đình một số tiền đáng kể. Nhưng đối với tiêu công nghệ gia đã được miễn thuế môn bài và thuế sản xuất, thì họ cũng có thể tránh được thuế lợi tức và tổng thuế lợi tức. Vì số sản xuất của hạng người này không đáng là bao cả. Và lại số miễn trừ vì gia cảnh và gánh nặng gia đình trên lợi tức ròng của người chịu thuế tương đối cũng hơi cao nên lợi tức chịu thuế không còn nữa. (1)

Sau khi xem xét các sắc thuế áp dụng cho tiêu công nghệ gia ở nước nhà, chúng ta phải công nhận rằng có một sự tiến bộ trong việc bảo vệ đầy đủ giới này.

NGUYỄN-SUNG

(1) Sự miễn trừ này đã được định trong điều thứ 20 và điều thứ 72 của luật số 10 ngày 13 - 4 - 53.

GIỚI THIỆU SÁCH

Các bạn nhớ đón xem của nhà xuất bản Tân-Việt những cuốn :

1/ « **TÌM HIỆU TRIẾT HỌC LUÂN LÝ** » của **Nguyễn-Hóa**, một tác giả mà các bạn đã quen với những bài nghiên cứu có giá trị về Epicure, Kant v.v... đăng ở B.K.

Trong sách này, tác giả trình bày một cách rõ ràng, dễ hiểu :

— một vấn đề chứa nhiều quan niệm và ý kiến khác nhau.

— một vấn đề liên quan đến đời sống mọi người.

2/ « **TRÔNG GIÒNG SÔNG VỊ** » văn chương và thân thể **Trần-Tế-Xương**, tác giả **Trần-thanh-Mại**. Giá, 25\$.

3/ « **HÀN-MẶC-TỬ** », thân thể và thi văn, tác giả **Trần-thanh-Mại**. Giá 50\$00.

TỰ TỬ

Chỉ có một vấn-đề triết-lý thực-sự quan-trọng : việc tự-tử. Suy tính xem đời đáng sống hay không là trả lời câu hỏi căn-bản của Triết-học (A. CAMUS) (Le mythe de Sisyphe. Trang 15).

HOÀNG - THÁI - LINH



THỨC là ơn-huệ đặc-biệt của con người đồng thời cũng là mối lo-âu lớn-lao nhứt. « Người là con vật biết rằng

minh sẽ phải chết » (Bergson).

Đã đành tôi không thể hỏi tại sao tôi đã sinh ra ở đời này, vì sự sống là một sự-kiện tồn-tại trước khi có ý-thức. Khi tôi ý-thức được đời sống, nó đã có đấy rồi. Cho nên tôi không thể muốn hay không muốn sinh ra, vì việc tôi sinh ra đã xảy ra ngoài ý muốn tôi. Nhưng tôi có thể chấp-nhận hay từ-chối đời sống đó. Vấn-đề này không ai tránh được : mỗi người đều

phải suy-nghĩ xem cuộc đời mình có ý-nghĩa gì không, vì số-mệnh của mình trực-tiếp liên-hệ đến ý-nghĩa mình muốn gán cho cuộc sống. Nếu đời không có lẽ sống, ta có được quyền tiêu-diệt nó bằng một cử-chỉ điên-rồ hay sáng-suốt không ? Luân-lý trả lời : « Người là một vật có thể tự-sát nhưng không được phép làm ». Vậy tại sao tôi không được phép tự giết

Trước khi bàn-luận về vấn-đề có được phép tự-tử hay không, ta xác-định thế nào là tự-tử. Tự-tử là cử-chỉ của một người tiêu-hủy đời mình. Nhưng định-nghĩa như thế còn mơ-hồ. Người hoa-tiêu khi thua trận hủy tàu

minh điều-khiển đồng thời chết theo nó để tàu khỏi lọt vào tay quân địch, người can-đảm chết cháy khi liều xông vào nhà đương cháy để cứu người bị lửa bao vây trong nhà đó đều là những người tự giết cả, nhưng không thể gọi là tự-tử, vì mục-đích hành-động không phải tự-sát mà là để cứu-vãn một giá-trị luân-lý, hay chu-toàn một bồn-phận. Vậy tự-tử là coi việc tự sát làm cứu-cánh cử-chỉ tự-sát. Trong hai trường-hợp kia, ta gọi là *Hy-Sinh*.

Luân-lý kết án tự-tử và ca-tụng việc tự-sát hy-sinh. Nhưng tại sao người đi tự-tử bất chấp dư-luận kết án. Vì họ nghĩ rằng họ có quyền tiêu-diệt đời sống, khi đời sống đó là của họ. Nếu tôi làm chủ đời tôi, tại sao tôi không được hủy bỏ nó khi tôi thấy nó vô dụng, làm cho tôi đau-khổ. Như vậy, vấn-đề tự-tử liên-quan đến Tự-Do. Sở-dĩ tôi được quyền tự-sát là vì tôi tự-do, có thể quyết-định và lựa chọn theo ý muốn. Cấm tôi xử-dụng đời tôi, tức là phủ-nhận tự-do của tôi, nghĩa là đặt tôi ngang hàng với sự vật phải hoàn-toàn tuân theo những định-luật tất-yếu của vũ-trụ vật-chất. *Con vật không thể tự-tử vì nó không có tự-do.*

Xã-hội sẽ cãi lại: anh không được tự-do tuyệt-đối xử-dụng đời anh, vì đời anh cũng là của chúng tôi. Xã-hội kết án tự-tử vì nó là một lối thoát nợ đời. Cá-nhân từ khi sinh ra đã mắc nợ đời rất nhiều. Xã-hội (cha mẹ nhà trường, tổ-quốc v.v...) nuôi nấng giáo-dục, đào-tạo, là để về sau người được hưởng thụ sẽ trả lại cho xã-hội. Đó là luật vay trả, trả vay. Tự-tử tức là xóa

bỏ khế-ước anh đã ký-kết với xã-hội lúc sinh ra.

Nhưng lý lẽ đó không thuyết-phục được người tự-tử. Nếu ý-nghĩa cuộc đời tôi chỉ thu hẹp vào một khế-ước tại sao bắt tôi trung-thành với nó khi một bên (xã-hội) đã phản-bội nó.

Montesquieu nói giùm cho người tự-tử: tại sao người ta muốn tôi làm việc cho một xã-hội mà tôi không còn ưng-thuận nữa, tại sao tôi bị bó-buộc bằng một quy-ước ký-kết ngoài ý muốn tôi. Xã-hội xây trên nguyên-tắc lợi chung, nhưng nếu xã-hội trở nên thiệt-thòi cho tôi, ai có quyền cấm tôi bỏ xã-hội đó (*Lettres persannes*).

Sở-dĩ tôi phải bỏ xã-hội, không phải vì tôi không muốn cộng-tác với xã-hội. Tôi biết rằng tôi không thể sống ngoài xã-hội. Tôi là con người xã-hội. Nhưng chính xã-hội đã ném tôi ra khỏi Đoàn-thể, đẩy tôi vào tình-trạng cô-đơn tuyệt-vọng. Mà không ai có thể sống cô-đơn được, vì sống là sống thiết-yếu ở đời và với người khác. Do đó, chính xã-hội trách-nhiệm sự thoát-ly của tôi. Những tổ-chức, chế-độ, điều-kiện sinh sống chà-đạp, áp-bức, cá-nhân tôi chỉ còn là một phần-tử, một bộ-phận vô nghĩa lý trong guồng máy xã-hội không-lỗi, vô ngã.

Paul Lansberg, triết-gia Đức, đã nói: « Bao lâu xã-hội còn để ra những làm-than vật-chất, tinh-thần, cho xã-hội quyền kết án những kẻ muốn thoát khỏi sự áp-bức của xã-hội bằng cái chết là một vụng-về, thiếu sáng suốt » (*Essai sur l'expérience de la mort*).

Như vậy xã-hội không thể kết-án tự-tử khi chỉ nhân-danh một khế-ước, vì không có lý gì bắt người bắt-mãn với khế-ước đó rút lui, khi khế-ước đó trở nên thiệt hại. Cho nên, nếu xã-hội muốn kết-án tự-tử, phải đứng trên lập-trường luân-lý cao hơn lập-luận vị-lợi của tinh-thần khế-ước, nghĩa là căn-cứ vào một quan-niệm siêu-hình về con người như sẽ bàn sau đây.

Lý-do thứ hai thường được viện ra để kết-án tự-tử là sự xúc-phạm đến nhân-phẩm con người. Đời sống tốt đẹp, nhất là vì chỉ con người ý-thức được vẻ tốt đẹp đó. Con người là một giá-trị vô song, nếu mất rồi thì không thể lấy lại được. Nhận-thức đó bao-hàm lòng yêu chuộng kính-trọng giá-trị nói trên, đồng thời đòi hỏi nỗ lực phát huy cho nó phong-phú thêm lên mãi. Tự-tử là khinh rẻ giá-trị nhân-phẩm, hơn nữa còn là giết con người phổ-biến, bản tính nhân-loại trong mình như Chesrterton nói: « Cái gì là đối-tượng của tự-tử? Là cái tôi. Nhưng có phải tôi diệt cái tôi không? Không, chính là tiêu-diệt nhân-loại thế-giới ».

Nhưng vấn-đề là xem ngtrời sắp tự-tử có thể nghĩ như vậy không? Thực sự luận-điện trên chỉ là những lời nói đẹp của người đang sống thanh-bình thỏa-mãn về cuộc đời. Nói cách khác, người tự-tử không có những điều-kiện vật-chất và tinh-thần của người bằng lòng với cuộc sống để nhìn thấy vẻ cao-cả của nhân-phẩm, nhân-vị.

Thiết-thực, trong tâm-trạng sắp tự-tử, nhân-phẩm, nhân-vị v.v... chỉ là những danh-từ đẹp, trừu-tượng và trống-rỗng. Tôi không thấy nhân-phẩm trong

tôi, cũng không thấy ở đâu cả, nhưng người ta vẫn nhân-danh nó để cấm đoán tôi. Vậy chỉ có một lối thoát khỏi sự áp-bức vô-lý đó là *tự-ra khỏi thân phận làm người*.

Lý-do thứ ba kết-án tự-tử: sự hèn-nhát vì không dám đương đầu với những khó khăn của cuộc đời. Nhiệm-vụ làm người là phải lướt thắng mọi khó khăn và chinh-phục cả cái chết nữa, vì không còn gì quý hơn sự sống. Chết là một điều xấu. Nhưng sống khó-khăn lắm, vì đời hỏi nhiều cố gắng, gian khổ. Tự-tử tức là sợ gian khổ, chọn một giải-pháp dễ-dãi. Đó là thái-độ hèn-nhát của kẻ chiến-bại. Thua trận là điều nhục-nhã. Nhưng không gì nhục hơn là đang khi giao-chiến tuyên-bố đầu hàng trước khi thua. Những người kinh-doanh to lớn, những nhà chính-trị lăm-liệt một thời phút chốc sa-cơ lỡ thế, nhìn ngắm sự-nghiệp của mình tan như mây khói, đôi khi còn lo âu trước viễn-ảnh nhà tù, trại giam, cực hình chờ đợi. Họ không đủ can-đảm xây lại cuộc đời hay chịu đựng những thử-thách của ngày mai, thế là họ bỏ cuộc, quỳn sinh... Nhưng lý-luận đó chứa đầy tinh-chất trừu-tượng của những kẻ đứng ngoài cuộc. Giả thử đặt mình vào hoàn-cảnh người trong cuộc, có lẽ họ sẽ không dám lên giọng đạo-đức kết-án một cách quá dễ-dàng như vậy. *Đứng ngoài cuộc, bắt người khác anh hùng, ai chả làm được*. Cho nên, dù tự-tử, khách-quan mà nói, có phải là hèn-nhát đi nữa, kẻ biết tôn-trọng sự đau khổ của một người ngay lành oan-uổng hay của kẻ có tội cũng sẽ rất thận-trọng trong việc phê-bình, vì

đặt ta ở vào địa-vị họ, biết đâu ta lại chẳng như họ?

Voltaire lên án những người mô-phạm : « Đủ lắm rồi, những lý-do người ta đưa ra để chứng-minh rằng không được tự-do thôi sống khi đau khổ quá độ, khi phải ra khỏi nhà vì không thể ở được nữa ».

Sở dĩ ta không nên chê trách người đau khổ, là vì ta không bao giờ có kinh-nghiệm của người sắp tự-tử để có thể đo lường cường-độ đau - khổ và xác-định thế nào là hèn-nhát, can-đảm. Kinh-nghiệm của người sắp chết chỉ là độc nhất của đương-sự mà thôi. Trái lại, đôi khi người tự-tử lại trách người sống là hèn-nhát, cố bám lấy cuộc đời không đáng sống vì sợ chết. Phải can-đảm lắm mới làm chủ được sự chết vì trong những trường-hợp khác, người ta đều bị thần chết đưa đi. Nếu cuộc đời không đáng sống, tại sao ham sống một cách nhục-nhã. Vậy chết vinh chẳng hơn sống nhục sao ?



Như vậy, những lý-luận đưa ra trên đều không thuyết-phục hoàn-toàn lý-luận của người sắp tự-tử vì chỉ đặt vấn-đề trong viễn-tượng hạn hẹp nhiệm-vụ đối với xã-hội, chưa đi vào nguồn-gốc việc tự-tử. Không nên đứng ở lập-trường người ngoài để phán-đoán người đương-cuộc. Phải đứng ngay trên lập-trường của đương-sự, nghĩa là coi việc tự-tử trước hết liên-quan đến cuộc đời của họ. Vì dù sao người sắp tự-tử thực sự cô-độc trước số-mệnh của mình.

Vậy vấn-đề là tìm hiểu ý-nghĩa tự-tử để chứng-minh rằng tự-tử thất-bại,

không giải-quyết được những nguyên-vọng của người tự-tử.

Lý-luận xã-hội-học chỉ có giá-trị khi vượt những bó buộc có tính-cách khế-ước, và đặt trên một quan-niệm xác-đáng về con người. Con người đây không phải là một phần-tử xã-hội, như nguyên-tử trong một tổng-hợp sinh-lý-hoá, nhưng là một đơn-vị không thể giản-lược, một nhân-vị có khía cạnh đoàn-thể, liên-lạc với xã-hội trong một tương-quan cộng-tác nhằm mục-đích nhân-vị-hoá. Trong viễn-tượng đó, không phải con người hy-sinh cho đoàn-thể, theo nghĩa hy-sinh là mất cái gì riêng, nhưng là tìm thấy quyền-lợi đích-thực của mình trong việc bảo-vệ, phát-huy quyền-lợi đoàn-thể. Cho nên cứu-cánh cuối cùng cuộc đời vẫn là quyền-lợi của nhân-vị, không phải xã-hội trừu-tượng. Vậy một lý-luận kết-án tự-tử chính đáng là một lý-luận căn-cứ vào quyền-lợi hỗ-tương của nhân-vị và cộng-đồng, không phải vào quan-niệm con người xã-hội phản nhân-vị kiểu Auguste Comte.

Những nhận xét trên cho ta thấy chỉ có một phương-pháp chính đáng là đối-thoại với người sắp tự-tử, đặt mình vào địa-vị họ, thông-cảm tâm-trạng của họ để tìm hiểu đúng họ muốn gì, sau đó mới có thể lập-luận rằng tự-tử không phải là một giải-pháp hiệu-quả. Nhưng trước hết, có thể đối-thoại với người tự-tử được không ? Trong nhiều trường-hợp, người tự-tử là vì bất ngờ gặp một tai nạn làm cho người đó đau khổ vô cùng (thất-vọng vì tình, thi trượt, phá-sản, bệnh tật v.v...). Họ mất tự-chủ, không còn sáng suốt để suy-nghĩ, dẫn-đo theo lẽ phải, và trong lúc đau khổ

đến cực-độ, không chịu được nữa họ buông theo tiếng gọi của tử-thần... Đa số các nhà tâm-lý-học đều công-nhận rằng người ta chỉ tự-tử được khi điên cuồng nghĩa là mất-trí, hoàn-toàn nô-lệ tình-cảm.

Nhưng cũng có những trường-hợp đau khổ xâm-chiếm dần dần, không đột-nhập một cách phũ-phàng, nạn nhân trải qua một thời-gian tính toán cân nhắc lâu dài trước khi quyết-định tự-sát như trường-hợp của những người chịu bệnh hai ba mươi năm chẳng hạn... Tự-tử khi đó ta gọi là tự-tử có ý-thức, tự-ý (*mori volontaire*). Nhưng sự thực có lẽ người tự-tử dù cố-ý, trong lúc thi-hành quyết-định vẫn phải có tâm-trạng điên rồ; sự bình-tĩnh tính toán là ở thời-gian sửa-soạn thôi. Vậy ta thử đối-thoại với họ trong lúc họ còn bình-tĩnh, đủ can-đảm nhận thức lẽ phải.

Trước hết, phải tìm hiểu tại sao người ta muốn tự-tử. Vì đau khổ, thất-vọng về đường tình ái, công-danh không đạt được, đời sống vật-chất làm than, áp-bức tinh-thần; có trăm nghìn lý-do khác nhau, nhưng tựu-trung vẫn ở tại đau khổ không thể chịu được, tuyệt-vọng rồi tự-tử. Vậy ý-nghĩa tự-tử là từ chối đời này, nguồn gốc đau khổ, là phủ-nhận đời này vẫn được coi như phương-tiện tìm hạnh-phúc. Nhưng thái-độ của người tự-tử biểu-lộ rõ-rệt ý-chí muốn sống và nguyện-vọng đạt được hạnh-phúc. Vì nếu không ước muốn cũng không có chán nản, thất-vọng. Thất-vọng chỉ thị một ý muốn không được thỏa-mãn. Nói cách khác, người chán đời chỉ chán đời vì quá yêu đời, nghĩa là không tránh được sự ham

sống trong khi tự-tử. Cho nên tự-tử không phải là từ-chối hạnh-phúc nhưng chỉ là từ-chối một thứ hạnh-phúc để tìm một thứ hạnh-phúc khác, vì con người không thể tránh được hướng về hạnh-phúc, ngay cả kẻ sắp đi thất cô như Pascal đã nói. (*Tout le monde veut être heureux, même ceux qui vont se pendre*). Người tự-tử thất-vọng với cuộc đời này như phương-tiện tìm hạnh-phúc, để đi tìm nó trong đời khác hay ít nhất trong cử-chỉ tiêu-diệt đời này.

Vậy người tự-tử phải công-nhận rằng sợ-dĩ mình muốn chết là vì muốn sống. Như thế then chốt của vấn đề là: tôi không tránh được lòng ham sống, nhưng có thể thực-hiện được ý chí muốn sống bằng cách tiêu-diệt sự sống không? Hủy sự sống có thể thỏa-mãn được lòng ham sống không? Có hai trường-hợp. Nếu người tự-tử không tin có gì sau khi chết, nghĩa là chỉ có sự sống ở đời này là phương-tiện độc nhất để đạt hạnh-phúc, ngoài ra là hư-vô, tự-tử không thỏa-mãn được lòng ham sống, trái lại đã bỏ hết mọi dịp may còn có thể có được ở đời này để tìm hạnh-phúc.

Trong trường-hợp thứ hai, nếu người tự-tử tin có một đời sau, có lẽ sẽ có hạnh-phúc, người tự-tử có dám chắc tự-tử là con đường chân-chính đi vào đời sau đó không? Sự tin-tưởng đời sau bao hàm lòng tin có Thượng-Đế dựng nên ta, vậy tự-tử là cướp quyền sống chết mà ta không phải là nguồn-gốc, có chính-đáng không?

Như thế cả trong hai trường-hợp, tự-tử là một cử-chỉ vô-ích hay có hại. Hơn nữa, nếu đời là khổ-ải, tự-tử không giải-

quyết được những đau khổ đó, vì anh chết đi rồi, đau khổ vẫn còn, anh chỉ tiêu-diệt được cá-nhân anh thôi, không thể tiêu-diệt được *thân-phận con người*.

Vậy nếu chết không giải-quyết được vấn-đề, phải tìm cho đời có một ý-nghĩa đáng sống. Nhưng ta thấy đời đầy khổ-cực, bất-công, áp-bức, hỗn-loạn. Tất cả những sự - kiện đó nói lên cái vô-lý của cuộc đời, nhất là cái chết vô-tội, nỗi đau-khổ của trẻ con, hài-nhi. Nếu có Thượng-Đế, Tình Yêu làm chủ vũ-trụ, tại sao có hỗn-loạn bất-công? Cho nên hoặc là bất-công đau-khổ bộc-lộ sự bất-lực của Thượng-Đế, và vì thế không còn quyền-bính gì ngăn-cản được sống chết, hay chứng - minh không có Thượng - Đế. Trong cả hai trường-hợp, con người được tự-do xử-dụng đời mình, định-đoạt một thái-độ cho mình trước cái vô-lý cuộc đời.

Đã đành đời là vô - lý thật, nhưng không có một liên-lạc luận-lý giữa cái vô-lý cuộc đời với quyền được tự-tử. Đó là lập-trường của A. Camus.

Tại sao ta phải chấp-nhận cuộc đời hoàn-toàn vô thường (contingent) và vô-lý, đồng-thời từ-chối mọi giải-pháp tôn-giáo? Vì ta chỉ biết được cuộc đời vô-lý bằng ý-thức. Ý-thức đi liền với cái vô-lý cuộc đời. Nếu ta tự hủy ý-thức, đời không còn vô-lý nữa. Vật giới tồn-tại mà không bao giờ đặt vấn-đề ý-nghĩa tồn-tại. Vậy nếu ta tiêu-diệt ý-thức, là điều-kiện nhận-thức, không còn vấn-đề nữa.

Cho nên phải sống, chấp-nhận cuộc đời vô-lý vì « vấn-đề là tìm xem cuộc đời có ý-nghĩa gì không, trái lại ở đây

cuộc đời càng đáng sống nếu không có ý nghĩa sống ». (Le mythe de Sisyphe — trang 18 — A. Camus).

Sartre cũng kết-án tự-tử. Theo Sartre, con người là sự mâu-thuẫn đau khổ giữa ý-thức tồn - tại và vô - thức tồn-tại (le pour-soi et l'en-soi). Con người ý-thức, nhưng ý-thức không bao giờ đạt tới được thực-thể của mình là vô-thức tồn-tại. Phải luôn-luôn hướng về nó mà không thể đạt được. Tình - trạng bi - đát đó xác-định thân-phận con người. Nhưng mặc dầu bi-đát, con người không thể xóa bỏ tình-trạng đó, vì tự-tử tức là tiêu-diệt ý-thức tồn-tại trở thành vô-thức tồn-tại, nghĩa là một sự vật.

Heidegger cũng phản - đối tự-tử dù Triết-học của ông định - nghĩa người là *con vật để đi cái chết* (sein-zum Tode). Con người lo âu, sao-xuyến khi ý-thức được tình-trạng bi-đát đó. Nhưng không được phép chấm dứt nhanh chóng thời-gian chờ đợi cái chết bằng một thoát-ly dễ-dãi.

Đời sống đích-thực là ý-thức được chân-lý đó và tự-do chấp-nhận. Vậy tự-tử xóa-bỏ khả - năng đó, nghĩa là tiêu-diệt luôn cả tự-do. Vì thế ta không được tự-do lựa chọn giữa sống và chết, nhưng tự-do lựa chọn trong khuôn-khò sự sống mà thôi. Ta có thể lựa chọn cái này hay cái kia, nhưng không thể lựa chọn được sự không lựa chọn.

Thái-độ căm tự-tử mặc dầu công-nhận đời vô lý và phủ-nhận mọi giải-pháp tôn-giáo của những triết-gia trên có vẻ anh-hùng, nhưng thực-sự biểu-lộ một *luyến-tiếc bi-đát*: thêm muốn chân-lý, một ý-nghĩa đích-thực cuộc đời. Nói rằng đời vô-lý tức là gián-tiếp công-nhận phải có

cái gì khác cái vô-lý mới có cái vô-lý. Cũng như thái-độ chống tôn-giáo, thần-thánh chỉ hiểu được khi gián-tiếp bao-hàm có thần-thánh. Cuộc đời vô-lý bao-hàm có cái lý cuộc đời. Vậy ta có thể đảo lộn câu nói của Camus ; « Cuộc đời càng đáng sống khi tìm được lẽ sống ». Nhưng lẽ sống ở đâu ?

Theo Phật-giáo, ở trong sự diệt-dục, Phật dạy nguồn-gốc đau khổ là ở Dục, lòng ham muốn. Muốn khỏi khổ, phải diệt dục nhưng như thế diệt dục vẫn bao-hàm dục, ý muốn hạnh-phúc, cho nên Phật dạy phải diệt ngay cả lòng ham muốn tránh đau khổ, được hạnh-phúc đề vào một nơi không muốn gì cả tức là Nát-Bàn. Nát-Bàn cũng không vui sướng cũng không sầu khổ, không phải tồn-tại hay hư-vô. Ta không thể xác - định là cái gì khi chưa tự giác-ngộ và chưa vào. Gọi theo một danh-từ công-giáo, Nát - Bàn là một huyền-nhiệm (mystère ineffable). Nhưng sau cùng phải diệt ngay cả ý-muốn vào Nát-Bàn, vì muốn vào vẫn còn là Dục. Nghĩa là phải thực - hiện một thoát-ly tuyệt - đối (viraga) một chán-nản (nirvena) ngay cả con đường đi tới Nát-Bàn. Phật dạy rằng cái Dục vào Nát-Bàn không phải là cái Dục tồn-tại hay hư-vô (soif d'existence ou soif d'inexistence). Con đường đến Nát-Bàn là một trí-thức (jnana) : tất cả mọi ước muốn sống hay không muốn sống đều đau-khổ. Đó là cái nhìn thật sâu-sa của Đức-Phật : Lẽ sống ở chỗ diệt dục, nghĩa là diệt cả ý muốn sống hay không muốn sống để giải-thoát vào một thế giới không phải tồn-tại, hay hư-vô, chưa thể hiểu biết được trước khi giác-ngộ. Như thế không thể chấp nhận tự-tử, vì tự-tử

vẫn bao-hàm ý muốn sống như đã phân tích trên. Cái chán đời của đạo Phật không phải cái chán đời của người sắp tự-tử thất-vọng vì dục không được thỏa-mãn, nhưng là cái chán mọi thứ ước muốn sống, hay hư - vô để thoát khỏi vòng luân-hồi, đến cái thế thanh - bình, viên-mãn, trong sáng còn là một huyền-nhiệm. Sự giải-thoát thực-hiện bằng tu-trì, bát-chính-đạo. Vậy tự-tử không thể đưa đến giải-thoát lên Nát - Bàn được, vì không có tu-trì, tẩy rửa. Trái lại chết mà chưa tẩy rửa, còn ham sống, thì vẫn còn vướng vào cái nghiệp luân-hồi, lại có thể bị đầu thai vào một kiếp sống khác khốn nạn hơn.

Giải-pháp thứ hai là tin rằng đời này tuy có đau khổ nhiều, nhưng cũng có Tình Yêu, Công-chính, Thanh-bình. Nếu chết là hết, tại sao không cố gắng thực hiện thêm sự công-chính, Tình Yêu, thanh bình. Cho nên dù sao, đời này vẫn đáng sống vì có lúc buồn khổ thì cũng có lúc vui.

Nhưng thái-độ thực-tế của phần đông người đời đó cũng bế-tắc khi đặt vấn-đề căn-bản. Nếu những yêu-đương công-chính, thanh-bình chỉ là những khoảnh khắc chớp lát trong cái biến-đổi của thời-gian, những giá-trị đó có nghĩa lý gì trước cái chết, nghĩa là trước cái hư-vô tuyệt-đối. Cho nên lòng tin - tưởng vào những giá-trị nhất thời đó, chỉ là một ảo-tượng, ảo-huyền. Đức Phật đã nhìn thấy chỗ bế-tắc đó, nên mới dạy phải ra khỏi cái biến-đổi, thời-gian, phải hủy-diệt mọi ý-chí muốn sống vì chỉ là ảo-tượng để đạt tới Nát-Bàn.

Nhưng đạo Phật chỉ là một giải-pháp

nhằm giải-thoát cuộc đời đau khổ mà không cắt - nghĩa *tại sao có cuộc đời*. Ở khởi điểm, Đạo Phật công-nhận *đời sống là một sự-khến*, rồi thấy đời đau khổ và nguồn gốc đau khổ là dục. Nhưng Phật không nói tại sao tôi sinh ra. Đã đành có thể nói tôi đâu thai kiếp trước trong vòng luân-hồi. Nhưng cứ đi lên mãi, thế nào cũng phải hỏi tại sao có những sự sống biến-đổi trong luân-hồi? Tại sao có tồn-tại? Phật không trả lời câu đó vì cho rằng không cần cho sự giải-thoát. Người ốm cần được cứu-chữa không cần phải biết tại sao sống đề mà mắc bệnh.

Nhưng như thế là chưa đi đến tận nguồn-gốc. Nhận thấy đời là bể khổ vì dục, nhưng trước khi đau khổ, dục, phải tồn-tại đã. Vậy tại sao có sự tồn-tại. Tự-nhiên mà có hay do ai tạo nên? Không trả lời được vấn-đề đó thì những giải-pháp đề - nghị ra dù sâu xa cũng mất hết giá-trị vì không xây trên một nền tảng vững-chắc nào. Vấn-đề ý-nghĩa sự sống không giải quyết được trong đạo Phật.

Cho nên chỉ còn hai đường lối : một là cho rằng sự tồn-tại là do hư-vô, ngẫu-nhiên mà có. Trong trường - hợp đó, cuộc đời hoàn-toàn vô-thường vô-lý; sống chết đều không có nghĩa-lý gì và

không có nguyên-tắc, quyền-lực nào cấm sống hay cấm chết.

Đường lối thứ hai là công - nhận sự tồn-tại đã được dựng nên. Trong viễn-tượng đó, cuộc đời có ý-nghĩa như một sửa-soạn đời sau đích-thực. Chết là ra khỏi thời-gian vào vĩnh-viễn. Nhưng chỉ có thể vào vĩnh-viễn bằng cách qua thời-gian. Như thế, thời-gian có ý-nghĩa và giá-trị vì xây trên vĩnh-viễn, nghĩa là tất cả những hàng-động, vui sướng, sầu khổ ở đời này đều nằm trong chương-trình cứu rỗi bằng cách chấp-nhận chịu đựng đề tẩy rửa, sửa-soạn vào vĩnh-viễn. Chỉ lòng tin có vĩnh - viễn mới cho thời-gian, nghĩa là đời này, một ý - nghĩa. Lòng tin đó bao-hàm lòng tin có một linh-hồn bất-tử. Vì chỉ có thể vào vĩnh-viễn nếu con người, cũng là một vĩnh-viễn, không phải là một vật thời - gian (être temporel) như Phật dạy. Lòng tin linh-hồn bất-diệt cấm đoán tự-tử. Vì con người có thể giết được xác, mà không giết được linh-hồn. Cho nên tự-tử không phải là con đường đưa vào vĩnh - viễn, vì con đường duy-nhất, chính đạo không phải là từ chối thời-gian, sự sống, nhưng là chấp-nhận, chu-toàn nó trong Tin-tưởng và Hy-vọng.

HOÀNG-THÁI-LINH

Quan-hệ vua tôi hay quan-hệ trên dưới.

MẠNH-TỬ nói với Tề-Tuyên-Vương về *quan-hệ* vua, tôi :

— Vua coi tôi như tay chân, tất tôi coi vua như bụng-dạ ; vua coi tôi như chó ngựa, tất tôi coi vua như kẻ qua đường ; vua coi tôi như đất, cỏ, tất tôi coi vua như quân cướp, người thù.

VẤN ĐỀ NHẤT KHÍ TRONG LỐI THƠ ĐƯƠNG LUẬT

Hu'-Chu



ỘT bài thơ, có phải câu nào cũng hay mà đã đáng gọi hay chăng ? Theo tôi, cái hay của một bài thơ không chỉ

đòi hỏi ở thi nhân sự tài tình của riêng từng câu, mà nó còn bắt nhà thơ phải làm sao cho các câu đó nối liền thành một chuỗi. Nói một cách khác, một bài thơ hay tất phải là một bài thơ nhất khí !

Ta hãy đọc bài Chơi núi An - lão của Yên-Đồ :

Mặt nước mênh mong nôi một hòn,
Tiếng già nhưng núi vẫn là non.
Mảnh cây thừa thớt đầu như trọc,
Ghềnh đá long lay ngấn chứa mòn.
Một lá về đâu xa thăm thẳm,

Nghìn làng trông xuống bé con con.
Dấu già đã chắc hơn ta chữa,
Chống gậy lên cao bước chẳng chồn.

... Rồi ta lại nghe bình giả Hà-Như-Chi phê bình hai câu kết của bài thơ trên, trong tập Việt-Nam thi văn giảng luận :

« ... Sau cùng, bài thơ là tình cảm của tác giả : chống gậy lên núi, tác giả tự hào rằng tuổi cao đường khó, mà bước chưa chồn — ý tự phụ và vững vàng như hình ảnh vững vàng của ngọn núi lúc mở đầu. Bài thơ như thế là hoàn toàn cân đối, không có một cái gì thừa hoặc thiếu, tả cảnh mà kỹ thuật không kém gì kỹ thuật của một họa sĩ lão luyện. ... »

Đoạn phê bình của bình giả trên đây thật là xác lý ở câu đầu. Nhưng ở câu

sau, khen bài thơ « hoàn toàn cân đối, không có một cái gì thừa hoặc thiếu », thì tôi e bình giả đã hơi rộng lượng nếu tôi có thể nghĩ câu này bàn về cách bố cục của bài thơ. Tại sao ? Tại vì nhìn vào phương diện chuyển tiếp, tôi thấy tác giả Chơi núi An-lão đã thiếu hẳn cái hay đại đoạn : từ sáu câu trên bắt xuống hai câu dưới, tác giả đã vụng về gượng gập, không giữ được sự nhất khí cho tất cả tám câu bài.

Nào, xin lại thử ngâm lên :

*Một lá về đâu xa thăm thẳm,
Nghìn làng trông xuống bé con con.
Đầu già đã chắc hơn ta chữa,
Chống gậy lên cao bước chẳng chồn.*

... Bốn câu đó đứng liền nhau mà thi tứ giữa luận và kết thì thật là rời rạc. Đọc chỗ ấy, ai mà chẳng như có cảm tưởng rằng tác giả đã bị túng ý, rồi sau khi phân vân suy nghĩ mãi, mới gượng gượng chấp chành thêm hai câu nữa để cho bài thơ đủ thành bát cú ?

Đến đây, tôi xin nhắc đến Ngô-Tất-Tổ, một nhà Nho đã dày công nghiên cứu thơ Đường. Trong cuốn *Thi văn bình chú*, khi phê bình bài thơ này, ông Ngô có viết : « ... Câu thứ bảy dùng chữ già để chọi với chữ lão là tên trái núi, mới nghe tưởng không quan hệ, kỳ thực chữ ấy rất thần tình, bởi vì chính nó đã làm cho câu thứ tám nối liền với sáu câu trên một cách rất nhanh ».

... Bàn như vậy, ông Ngô tuy hữu lý nhưng chỉ là xét có một mặt. Đã hẳn chữ già kia « chính nó đã làm cho câu thứ tám nối liền với sáu câu trên

một cách rất nhanh », nhưng chính nó nó đâu có tự nối liền được với hai câu ngũ lục ?

*Một lá về đâu xa thăm thẳm,
Nghìn làng trông xuống bé con con.
... hai câu này chỉ tả cảnh ở ngoài núi mà không ở chính núi, nhất là không ngụ ý gì về sự già non của núi cả, thì tại sao liền đó lại tiếp nói : « Đầu già đã chắc hơn ta chữa » ?*

Tôi không phủ nhận rằng câu lục và câu thất, hai câu đều sát ý với đầu bài bài, song tôi đã nghĩ : những vòng răng nhất định của một đồng hồ nhứt định tuy đều hợp cỡ với cái đồng hồ ấy, nhưng không phải bất cứ hai vòng răng nào đó cũng có thể đặt bên nhau. Do đó, câu thất trong bài thơ kia, xét về mặt tiếp liền, tôi cho nó phải đặt ở sau câu thừa, mà nếu cố gượng đi chẳng thì cũng phải ở sau cặp trạng.

✱

Để chứng minh thêm về điều nhận xét ấy, tôi lại song cử ra đây hai bài thơ khác, và xin bạn đọc hãy chú ý vào chỗ chuyển tiếp từ hai câu ngũ lục xuống câu thất của từng bài :

Cái quạt

(Hồ-X-Hương)

*Một lỗ xâu xâu mấy cũng vừa,
Duyên em dính dán tự ngày xưa.
Vành ra ba góc da còn méo,
Khép lại đôi bên thịt vẫn thừa.
Mát mặt anh hùng khi tắt gió,
Che đầu quân tử lúc sa mưa.
Nâng niu uớt hỏi người trong trướng,
Phì phạch trong lòng đã sướng chưa.*

Đường chiều

(Thanh-Quan)

Chiều trời bằng lãng bóng hoàng hôn,
Tiếng ốc xa đưa lẫn trống đồn.
Gác mái ngư ông về viễn phố,
Gõ sừng mục tử lại cô thôn.
Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi,
Dặm liễu sương sa khách bước dồn.
Kẻ chốn chương đài người lữ thứ,
Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn.

... Hai bài thơ đó, nếu chỉ nhìn riêng vào hai câu lục thất, chắc ai cũng phải nhận rằng tác giả bài dưới đã chuyển tiếp khéo hơn tác giả bài trên. Mà tại sao? Chính là vì trong bài trên, ba chữ *ngư ông trong trướng* nó cần đi với cái ý khi tắt gió chứ không ăn nhập gì với lúc sa mưa; còn trong bài dưới, cái ý *dặm liễu sương sa* khách bước dồn nó lại là nguồn gốc, là cội rễ, là nguyên nhân phát sinh ra kẻ chốn chương đài người lữ thứ.

Vậy xét như thế, ta có thể nghĩ rằng bài dưới sẽ giảm mất nhất khí tính nếu tác giả xếp ý theo tác giả bài trên; ngược lại bài trên sẽ quán thông hơn về hơi thơ, nếu tác giả chịu gò theo bài dưới. Chẳng hạn:

*Sương sa dặm liễu dồn chân khách
Gió cuốn ngàn mây mỏi cánh điều
Kẻ chốn chương đài người lữ thứ
Lấy ai mà kể. . .*

(Nhất khí tính bị giảm vì lẽ: ở đây, hai ý nói về người đã bị ngăn cách bởi một ý nói về chim)

*Quân tử che đầu khi dặm nặng
Anh hùng mát mặt lúc phòng khuya*

*Nâng niu ước hỏi người trong trướng
Phì phạch trong lòng...*

(Nhất khí tính được tăng vì lẽ: ở đây hai ý nói về quạt gió không còn ngăn cách bởi một ý nói về che nắng)



Muốn đề bạn đọc tận cảm cái hứng vị của nhất khí tính, dưới đây tôi xin chép ít bài, hoặc theo Đường luật, hoặc theo thể khác, mà tác giả đã đạt được cái kỹ thuật chuyển tiếp hơi thơ:

Tôn phu nhân qui phục

(Tôn-T-Tường)

*Cật ngựa thanh gươm vẹn chữ tòng,
Nghìn thu rạng tiếng gái Giang-dông.
Lìa Ngô bịn rịn chòm mây bạc,
Về Hán trau tria mảnh má hồng.
Son phấn thà cam dày gió bụi,
Đá vàng chi để thẹn non sông.
Ai về nhắn với Châu-Công-Cần,
Thà mất lòng anh đừng bụng chông.*

(Bài này mỗi ý dưới đều gắn liền với mỗi ý trên, nên hơi thơ đi rất quán thông, tuy cả 7 câu trên không có hư từ ở đầu câu để làm tiếng nối)

Bốn tình nhân

(Ng-C-Trứ)

*Tao ở nhà tao, tao nhớ mi
Nhớ mi nên phải bước chân đi
Không đi mi nói rằng không đến
Đến thì mi hỏi đến làm chi
Làm chi tao đã làm chi được
Làm được tao làm đã chán khi*

(Bài này rất đầy đủ nhất khí tính, vì tác giả đã luôn luôn nhái một vài chữ của câu trước làm đầu câu sau)

Câu chuyện thàng Bờm

(Vô danh)

Thàng Bờm có cái quạt mo
 Phú ông xin đòi ba bò chín trâu
 Bờm rằng Bờm chẳng lấy trâu
 Phú ông xin đòi một xâu cá mè
 Bờm rằng Bờm chẳng lấy mè
 Phú ông xin đòi một bè gỗ lim
 Bờm rằng Bờm chẳng lấy lim
 Phú ông xin đòi con chim đồi mồi
 Bờm rằng Bờm chẳng lấy mồi
 Phú ông xin đòi nắm xôi Bờm cười.

(Bài này rất đầy đủ nhất khí tính, vì tác giả đã luôn luôn diễn ý theo cái trật tự, tự nhiên của nó).

Nhớ Hà-nội

(Vũ-Hoàng-Chương)

Ai có nghe chẳng tự Kiểm-hồ
 Vọng về trong mấy dấy vì lô
 Tiếng muôn trùng sóng đang gào thét
 Đòi trả huy hoàng cho cố đô

(Đoạn này, câu nọ gắn với câu kia rất chặt chẽ, vì xét về phương diện văn phạm, cả bốn câu thơ đó chỉ là một câu văn).

HU-CHU

(Trích trong cuốn « Đề hiệu thơ Đường luật » sắp xuất bản)

Lòng kẻ kiêu ngạo

KINH thánh có câu : « Kẻ vô đạo, chẳng bao giờ được hưởng an lạc. Chúng kêu : An lạc, an lạc, mà an lạc chẳng hề đến với chúng. Trọn đời, chúng chỉ gặp những ưu phiền cùng nghịch cảnh. Cả cái an lạc mà chúng tưởng được hưởng thụ cũng đầy những cay chua đắng đót. » Câu Kinh thánh trích trên tuy chỉ kẻ vô đạo, nhưng nếu đem áp dụng cho kẻ kiêu ngạo, tưởng cũng không sai, như thánh Augustin từng nói rằng « Ghét ganh thường đi theo kiêu ngạo và chỉ nguyên hai tính đó cũng đã thừa đủ để tạo thành một satan. Khát khao danh vọng mà bị người ta quên lửng ; khinh bỉ kẻ khác mà cứ phải nhìn kẻ ấy thắng mình, thử hỏi còn có cảnh địa ngục nào hơn.

Kinh thánh đã cực tả tâm trạng thảng thốt của kẻ kiêu ngạo, trong truyện người Aman. Xuất thân từ nơi bần tiện, Aman trở thành một cận thần đắc sủng của vua Assurêus. Được cất cử đứng đầu để coi việc trị nước, quan tể tướng Aman chỉ buồn bực vì một nỗi có tên dân cứng đầu kia không chịu quỳ lạy ngài. Trước mặt vợ con và các bạn đồng liêu, Aman phô bày cái cảnh giàu sang bậc nhất của mình và nói rằng : « Tất cả uy quyền và của cải của ta không có nghĩa gì, bao lâu ta còn nhìn thấy tên Do-Thái Mardochée kia ung dung ngồi trước cung điện. »

Thật quả như lời tiên tri Isaie đã nói : « Lòng kẻ vô đạo giống như mặt biển phải cơn giông tố, không thể gì làm cho yên lặng được. »

LÊ - LỢI :

HÌNH ẢNH CỦA DÂN TỘC VIỆT

NGUYỄN - HỮU - NGU

« *HÌNH* như trong thế gian, không có
« một nước nào trải qua nhiều phen
« vong quốc cho bằng nước Nam mình.

« *Thuở xưa Bắc thuộc ba lần, trước*
« *sau 1050 năm.*

« *Ngày nay, Tây thuộc, chưa biết đến*
« *bao giờ ».*

Đây là những lời mở đầu của cái « *Gọi là tựa* » quyền « *Việt-Nam Tây thuộc sử* », tác giả : Đào-Trinh-Nhất, ngày viết : 1-8-1937.

Biết bao là chua xót và chua chát
chất chứa trong mấy hàng trên. Giờ đây,
sau hai mươi năm quyền « *Tây thuộc sử* » ấy thấy mặt trời, chúng ta đã
biết thời Pháp thuộc hết hồi nào, song
nước Việt rạch đôi sông núi có còn

« thuộc ai » hay « thuộc gì » nữa không,
và « thuộc đến bao giờ », điều đó, chúng
ta xin nhường cho những kẻ đến sau.

Non trăm năm Tây thuộc sánh với hơn
ngàn năm Bắc thuộc, có nghĩa lý gì,
và có nghĩa lý gì sự bóc lột của đám
người thực dân da trắng ăn bánh mì,
cách ta muôn dặm, đối với sự muốn
đồng hóa (hoặc phủ phàng, hoặc êm
thắm) của lớp con trời da vàng ăn cơm ở
sát vách ta.

Và trong mấy phen quần quai dưới
gót dõ hộ của kẻ thù — phải chăng là
là kẻ thù truyền kiếp ? — phương Bắc
đông hơn, mạnh hơn, giàu hơn, giỏi hơn
và quí quýet, và bạo tàn, nòi giống Việt
ta không lần nào ê chề, tủi nhục, xót

xa bằng lần phải bị quân Minh cướp nước. May mà lần « thuộc Tàu » này chỉ có hai mươi năm. May mà mười năm sau họ Hồ bị diệt, bóng người núi Lam hiện rõ ở một phương trời.

Nhìn lại đoạn đời của dân tộc lúc đen tối này, chúng ta cùng chung một ý nghĩ như sử gia quá cố Trần-Trọng-Kim (1).

« May mà sau có một tay đại anh hùng là vua Lê-Thái-Tổ hết sức ra tay trong hơn mười năm trời, cứu vớt được người mình ra khỏi tay quân Tàu, chứ không thì cái khổ làm nô lệ nước Tàu lại biết mấy mươi đời nữa mới giải thoát được ».

Vì thế, ngày kỷ niệm (2) người anh hùng dân tộc « núi Lam sơn dậy nghĩa », tưởng không gì bằng sống lại cái « trường dạ tối tăm Trời Đất » (3). Sống lại để thấy rõ cái đã tâm có một không hai của người lảng diếng phương Bắc đáng sợ muôn đời (mà lịch sử phải chăng là một sự trở đi trở lại hoài hoài ?); sống lại để càng nhớ ơn người đã dám « ĐỨNG LÊN » lúc bấy giờ, nhớ ơn những người đã nằm gai nếm mật với Người, nhớ ơn tổ tiên đã kể trước người sau theo ngọn cờ đào; sống lại để càng chú ý đến Hiện tại sau khi đã quay về Dĩ vãng để vững lòng xây đắp Tương lai.

Cái đêm đen đặc ấy

Nhắc đến cái đêm đen tối dài dằng dặc đến hai mươi năm, chúng ta làm sao quên được buổi tranh tối tranh sáng trước khi vàng hồng tắt hẳn: sáu năm quật khởi của vua tôi nhà Hậu-Trần mà bài thơ « Thuật hoài » của Đặng-Dung

còn ghi lại cho ngàn sau một chí khí, một tấm lòng, và một thời...:

*Thế sự du du nại lão hà !
Vô cùng thiên địa nhập hàm ca.
Thời lai đồ điều thành công dị,
Sự khứ anh hùng ẩm hận đa.
Trí chúa hữu hoài phò địa trục,
Tây binh vô lộ vấn thiên hà.
Quốc thù vị phục đầu tiên bạch,
Kỷ độ long tuyền dài nguyệt ma !*

Dịch :

*Việc đời thêm ngán, tuổi thêm già !
Mấy vạn cao dày, một khúc ca.
Đồ điều dễ nên khi vận lìa,
Anh hùng nuốt giận lúc cơ sa.
Toan xoay cốt đất phò minh chủ,
Khôn với ông trời rửa giáp qua.
Thù trả chưa xong, đầu sớm bạc,
Luống mài gươm báu dưới trăng tà.*

HI-ỨNG

Mà một khi những gươm báu đã mài đi mài lại dưới ánh trăng, rồi cuộc chỉ để giúp mình sang cõi chết, để trọn tiết danh lúc sa cơ thất thế, thì màn đen rùng rợn trùm cả nước non nhà. Máu, nước mắt; nước mắt, máu, cứ chảy cứ tuôn. Thi sĩ Đặng-Phương, trong tập thơ « Hồn Việt », đã đặt giùm cho Trương-Phụ bản hành quân man rợ sau đây :

*Hãy san phẳng những đô thành bị triệt,
Phóng lửa hồng đốt hết những làng quanh,*

(1) Trong « Việt-Nam sử lược ».

(2) 22 tháng 8 âm-lịch.

(3) « Chiêu hồn » của Nguyên-Du.

Cho những vùng phồn loạn phải điêu linh,
Phải đổ nát tan tành trong lửa đỏ !
Bên đám cháy ngất trời kinh khủng đó,
Hãy đốt cho bào lạc đượm than hồng,
Rồi hãy đem những thủ lãnh Tiên Rồng
Buộc vào những trụ đồng phơi đỏ rực.



Hãy vắt vào vạc dầu sôi sục sục
Những tên dân trơng ngành chẳng hàng đầu,
Những lão già ngu dại, bạc đầu râu,
Vào đất chết, đám buông lời thống mạ.
Hãy bỏ lũ trẻ con vào cối giã,
Trói đàn bà cho hồ dử phân thây.
Cho các người được chém giết ngon tay,
Đề tận diệt lũ ngang tàng kháng chiến.



Hãy đập đổ hết miếu môn cung điện,
Và quăng vào ngọn lửa rực trời xanh.
Tất cả bao nhiêu sách vở sử kinh
Của giống Việt tự muôn đời trước tác.
Hãy hủy phá cho trời Nam tan nát,
Cho bao nhiêu dấu vết của thời xưa
Phải tiêu tan trong khói lửa mịt mù,
Cho lạc mất tinh thần và lịch sử...

Trong lịch sử của nhân loại, chưa
từng thấy một cuộc quyết đồng hóa nào
vừa dã man vừa hiểm độc như cuộc đồng
hóa này : dân tộc Tàu không từ chối
một phương tiện nào để xóa hẳn biên
cương, biến nước Việt thành một tỉnh
mới của Trung-Hoa ; hơn thế nữa, đào
cho bật gốc cây Văn hiến mấy ngàn
năm hầu nòi Lạc-Việt mất cội quên
nguồn, để Hán tộc dễ bề « nhai nuốt và
tiêu hóa » như họ đã nuốt nhai và tiêu hóa
biết bao ngành của đại gia tộc Bách-
Việt : Đông-Việt, Mân-Việt, Nam-Việt,
Tây-Việt, Ỗ-Việt...

Bao nhiêu kinh nghiệm thu thập trong
công cuộc « ăn dân » và « trồng dân »
đều lần lượt được tung ra.

Cuộc đối thoại chỉ có một người nói

« Dân tộc Việt, chúng bây không sợ
« oai dân tộc Hán, chẳng lo an phận tôi
« đòi mà còn phản đối, còn chống cự »?

« Thì đây : máu, sắt, lửa. Lửa đốt,
« sắt giết, máu tràn... , chẳng những
« đem ra để đối phó với những lỗ miệng
« hét, rên, nguyện rủa, với những cánh
« tay trai tráng giơ cao phất một lá cờ,
« mà với cả đám già bạc tóc, lũ trẻ còn
« ôm vú mẹ, bọn đàn bà tay yếu chân
« mềm.

« Chúng bây chưa chịu ngồi yên à ?
« Thì đây, địa ngục trần gian : nhà
« tù cửa sắt, trại an trí rào gai, sùu
« cao như Hồng Lĩnh, thuế nặng tợ Thái
« sơn, lên rừng sâu cắt sừng tê, xuống
« biển cả mò ngọc quý ; còn bọn đầu xanh
« tay cứng, thì mang tên vác giáo, đi,
« đi lính cho « nước mẹ » để mà bình
« định những chốn còn cựa cựa.

« Chúng bây còn nghiêng tai nói
« nhỏ : « Giặc đến nhà, đàn bà phải
« đánh à » ?

« Thì đây : đàn bà con gái mạnh
« khỏe, mĩ miều, hãy để lại sau lưng
« nhà cửa, ruộng vườn, cha mẹ, chồng
« con mà lên đường Bắc tiến. Để các
« cô đến nhà ai và đánh ai hay ai đánh.
« Chúng bây chưa chịu lai Tàu à ?
« Thì này : tóc để theo tóc Tàu, ăn
« mặc quần áo Tàu, vái chào, cúng kiến,
« lễ bái y như tập tục Tàu.

« Chúng bây còn chưa thành người
« Tàu à ?

« Thì này : học hành phải theo sách
« vở, phải theo chương trình, phải theo
« cách dạy của chúng ta ; và này, thầy
« tu, và này đạo sĩ từ chánh quốc sang
« đây để truyền kinh Phật, để giảng đạo
« Lão, cho chúng bây thấm nhuần hai
« đạo lớn này, hiểu qua trí óc của
« chúng ta, người Trung-hoa vĩ đại,
« hùng cường và văn minh hơn hết.

« Thế mà chúng bây vẫn không quên
« chúng bây là nội Việt, chúng bây
« vẫn thì thầm : « Người chung một
« nước phải thương nhau cùng » à ?

« Thì hãy xem này : chúng ta đào tạo,
« huấn luyện thêm những Nguyễn-Huân,
« những Lương-Nhữ-Hốt, những Đỗ-
« Duy-Trung — bọn sớm giắc ngộ và thẩu
« lẽ tùy thời đã hàng ngay chúng ta, chỉ
« đường mách kế cho chúng ta, bọn
« đồng bào thấy xa hiểu rộng mà chúng
« bây cho là Việt gian — và chúng bây
« đã trông kết quả : người chung một
« nước đã bóc lột, đã hà hiếp, đã giết
« hại chúng bây còn tàn bạo, còn nghề
« thuật hơn chúng ta gấp bội. Còn những
« kẻ tài ba, thì đã được gọi về Yên-kinh
« « tây nảo », huấn luyện lại, để rồi về giáo
« dục chúng bây cho chóng thành người
« Trung-hoa vĩ đại.

« Ấy mà chúng bây chưa khiếp sợ
« chúng ta, chưa kính phục chúng ta,
« chưa hiểu hảo ý chúng ta, mà cứ quay
« về dĩ vãng, tìm sức sống trong các
« vật tổ (4) của dòng giống chúng bây :
« chim Lạc khôn lanh, chim Hồng cao
« xa, con Rồng hùng mạnh, nàng Tiên
« dju hiền ? »

« Được, những giá trị tinh thần cổ hữu
của chúng bây, bao chúng có của sự
sống tư tưởng, của sự sống tâm linh,
các gia tài văn hóa vô giá mà chúng bây

tự hào và cố giữ, cái nền văn hiến trên
bốn ngàn năm (5) của chúng bây, chúng
bây hãy trở mắt mà nhìn. Nhìn cho
kỹ nhé. Vì nếu con chim Lạc mà tổ
tiên chúng bây thờ làm vật tổ, « con
chim Lạc không lồ ở thời tiền sử,
đại diện cho sự thức thời, khi tuyết
lạnh đến, chống chọi không lại, biết trốn
tuyết, hướng về Nam mà tiến... CHỜ
XUÂN VỀ MÀ CÙNG VỀ VỚI
XUÂN » (6), thì trái lại chúng bây
không bao giờ thấy lại một một mùa
Xuân, cũng như không bao giờ, chúng
bây còn thấy những gì mà chúng ta
mang về Tàu đây ; chúng ra đi mà
không được hẹn ngày về. Sao chúng
bây cứ làm thính ? Nhưng chúng ta nói
mãi ? Thì chúng ta cũng làm phước nốt,
đọc cho chúng bây nghe những gì
chúng ta đem về nước chúng ta, mà
chúng bây và con cháu sau này không
biết tìm đâu cho thấy. Hãy mở rộng
hai tai cũng như đã mở to đôi mắt nhé :

- 3 quyển *Hình thư* của Lý-Thái-Tông
10 — *Quốc triều thông lễ* của Trần-
Thái-tông
1 — *Hình luật* của Trần-Thái-Tông
10 — *Thường lễ*, niên hiệu Kiến-Trung
1 — *Khóa hư tập*
1 — *Ngự thi tập*
2 — *Di hậu lục*
1 — *Cơ cừ lục* của Trần-Thái-Tông
1 — *Thi tập*
2 — *Trùng Hưng thực lục* của Trần-
Nhân-Tông
1 — *Thi tập*
2 — *Thủy văn tùy bút* của Trần-
Anh-Tông

(4) Tiếng Pháp gọi là *totem*.

(5) Xin xem « Cây Văn hiến » của Lê-Văn-Siêu và Tú-Duyên vừa xuất bản.

(6) « *Tương lai văn hóa Việt-Nam* » của Hồ-Hữu-Trường, xuất bản năm 1946.

- 1 — *Thi tập* của Trần-Minh-tông
- 2 — *Trần triều đại điển* của Trần-Dụ-Tông
- 8 — *Bảo hòa điện dư bút* của Trần-Nghệ-Tông
- 1 — *Thi tập*
- 1 bộ *Binh gia yếu lược* của Trần-Hưng-Đạo
- 1 — *Vạn-kiếp tông bí truyền thư* của Trần-Hưng-Đạo
- 1 — *Tứ thư thuyết ước* của Chu-Văn-An
- 1 tập *Tiểu ấn thi*
- 1 quyển *Sâm lâu tập* của Uy-Văn-vương Trần-Quốc-Toại
- 1 — *Lạc đạo tập* của Chiêu-Minh-vương Trần-Quang-Khải
- 1 — *Băng hồ ngọc hác tập* của Trần-Nguyên-Đán
- 1 — *Giới hiên thi tập* của Nguyễn-Trung-Ngạn
- 1 — *Giáp thạch tập* của Phạm-Sur-Mạnh
- 2 — *Cúc đường di thảo* của Trần-Nguyên-Đào
- 1 — *Thảo nhàn hiệu tần* của Hồ-Tôn-Vụ
- 1 bộ *Việt-Nam thế chí*
- 1 — *Việt sử cương mục*
- 30 quyển *Đại-Việt sử ký* của Lê-Văn-Hưu
- 1 — *Nhị Khê thi tập* của Nguyễn-Phi-Khanh
- 1 — *Phi sa tập* của Hàn-Thuyên
- 1 — *Việt-diện u linh tập* của Lý-Tế-Xuyên (7).

Thế là hết. Chúng bây vẫn đứng im, vẫn chẳng một lời. Thôi cũng được. Thôi, vĩnh biệt ».



Chưa quên... Còn nhớ...

Dân tộc ta thời bấy giờ — hơn năm trăm năm về trước — đã im lặng mà vĩnh biệt cái tinh hoa của nòi giống bị kẻ thù hiểm ác đem đi. Nhưng thế hệ chúng ta ở thế kỷ XX này, hơn một người đã lên tiếng. Nhà thơ trẻ tuổi Đăng-Phương đã dùng lối thơ mới để đặt giùm cho Trương-Phụ một bản hành quân mà người Việt chưa quên ; và trước đó cụ Á-Nam Trần-Tuấn-Khải đã mượn lối thơ xưa (8) tả cảnh nước nhà hồi thuộc nhà Minh, một cảnh mà dân Việt còn nhớ :

*Than vận nước gặp khi biến đổi,
Đề quân Minh thừa hội xâm lăng.
Bốn phương khói lửa từng bừng,
Xiết bao thảm họa xương rừng máu sông !
Nơi đô thị thành tung quách vỡ,
Chốn dân gian, bỏ vợ lìa con.
Làm cho xiêu tán hao mòn,
Lạ gì khác giống để còn thương đau !
Thảm vong quốc kẻ sao xiết kẻ,
Trông cơ đồ những xé tâm can,
Ngậm ngùi đất khóc trời than,
Thương tâm nòi giống lắm than nỗi này !*



Nòi Việt

Nhưng nòi giống này là nòi giống bất khuất đã từng quét sạch quân xâm lăng hung bạo mà, từ Á sang Âu, « vó ngựa đi qua đâu là cỏ không ngóc đầu sống lại », thì lẽ nào đâu lại cúi mãi

(7) Trần-trọng-Kim ghi theo sách « *Lịch triều hiến chương oân tịch chế* » của Phan-Huy-Chú.

(8) Trong « *Bút quán hoài* ».

dầu dưới ách nhà Minh, mặc dầu sự tàn phá của quân Tàu chuyển này còn khủng khiếp hơn rợ Vandale ở trời Âu mấy bậc.

Càng rõ cái dã tâm của người Tàu bao nhiêu, càng thấu nỗi khổ nhục, căm hờn của tổ tiên ta thời hắc ám ấy bao nhiêu, ta càng ghi ơn người đã đứng lên giải phóng giống nòi bấy nhiêu.

Nhắc đến những bậc đại anh hùng của dân tộc, có công to đuổi quân cướp nước, ta nhớ ngay ba vị : Hưng-Đạo-vương Trần - Quốc - Tuấn, Bình - Định - vương Lê-Lợi, Quang-Trung Nguyễn-Huệ. Tuy ta đề ba vị ngang nhau, song mới nhìn qua, ta thấy hào quang quanh người quét mạnh quân Nguyên, quanh người cả thắng quân Thanh dường như rực rỡ hơn hào quang quanh người bèn đuổi quân Minh (chỉ có giỗ Trần-Hưng-Đạo thành ngày quốc lễ). Vì Trần-Quốc-Tuấn gọi liền sông Bạch-đăng, vì Nguyễn-Huệ đi liền với Đống-đá, còn Lê-Lợi khiến ta hồi tưởng mười năm đằng đằng giao chiến với quân thù phương Bắc, khi thắng khi thua, lúc hòa lúc đánh ; và sau cùng, tàn quân Minh chậm rãi trở về nguyên quán với nhiều ngựa tốt, rượu ngon, thuyền vững do Bình-Định-vương cấp cho, trong khi bại quân Nguyên, Thanh, hết hồn hết vía cong đuôi chạy về Tàu. Song xét lại, ta thấy Bình-Định-vương, trong cuộc giải phóng quê hương, có kém hai vị nọ về chiều cao, nhưng lại hơn về chiều dài và chiều sâu vậy, lại hơn về nỗi khó khăn, lao khổ.

Quân Mông-cò mới ào sang, quân nhà Thanh mới vừa kéo tới, thì Trần-

Hưng-Đạo và Nguyễn-Quang-Trung đã có sẵn, nào tên tuổi, nào uy quyền, nào binh sĩ, nào tướng tá, nào mưu sĩ và một khối dân, còn Lê-Lợi lúc bấy giờ nghĩa chỉ là một anh nhà nông có tiếng giàu có và hào hiệp, tên tuổi chỉ ở một vùng và có sẵn... mười năm đất nước rơi bời vì lửa binh, vì bóc lột, vì đè nén, vì chương trình đồng hóa khốc hại và khoa học của quân Minh vốn đã nghiêm nhiên là chủ nhân ông trọn giải non sông gấm vóc, đặt nền thống trị vững vàng và tai mắt đâu đâu cũng có. Thêm vào đó, dân tình không bị được thưở kháng Nguyên trước kia, hay lúc chống Thanh sau này. Các vua cuối nhà Trần suy yếu, quân Chiêm mấy lần đốt phá kinh đô, triều đình lung củng, sự thoán đoạt của Hồ-Quý-Ly, những cái cách quá táo bạo của họ Hồ mà nhân dân chỉ thấy phiền hà chớ chưa thấy ích lợi, quân Minh ủa sang, họ Hồ bị diệt quá nhanh chóng, nhà nhà Hậu - Trần vùng lên nhưng vì lòng dân chưa kết được, thế lực còn non, đã chẳng biết lợi dụng cơ hội tốt mà vua tôi lại chẳng đồng tình, sanh ra giết hại và rẽ chia, để rồi đầu lại vào đây, cho cái kềm thực dân càng siết chặt hơn bao giờ, dữ dằn và sâu sắc.

Như thế, ta có trách gì nhân dân lúc ấy một phần đông an phận với số kiếp mình, chỉ biết có nhà mà quên hẳn nước, sống đời con cuốn chiếu bị đung nhiều lần, hết tin tưởng ở một ngày mai tươi đẹp. Còn những kẻ bất khuất, có chí, có lòng, lại đành bó tay, đau xót trong tình cảnh :

Thù chưa trả, hận khôn cùng,
Non sông gấm vóc, anh hùng phương
nao ? (9)



Người anh hùng giống Việt

Người anh hùng ấy vốn nương mình
nơi hoang dã, dư của sống một đời
an nhàn ăn dật, thừa dịp để vinh thân
phỉ gia. Lòng thương mở rộng cho
mọi người nghèo khó, khổ đau, nhưng
tai khệp chặt trước những lời đường
mật, dỗ dành của quan nhà Minh e
ngại người như Lê-Lai bất bình, lên
tiếng.

Người anh hùng dấy nghĩa đất Lam-
son ấy thật xứng đáng là hình ảnh
của dân tộc Việt.

« Làm trai sinh ở trên đời, nên giúp
nạn lớn, lập công to, để tiếng thơm
muôn đời, chứ sao lại chịu bo bo làm
đầy tớ người » !

Lời của Người đã thành lời lịch sử,
vì chính là tiếng nói của dân tộc, một
dân tộc của đại gia đình Bách-Việt từ
xa xưa đã chẳng chịu khuất phục trước
đoàn quân viễn chinh hùng hổ của Tần-
Thi-hoàng, đã bỏ vào rừng sống,
dùng lối du kích đánh quân Tần, giết
được tướng Đồ-Thư và khôi phục lại
nền độc lập.

Chí lớn Người là thế, nhưng Người
đã kín tiếng im hơi, mời người hào kiệt,
đón kẻ bất bình, luyện quân nuôi lính,
mà lú chó săn đắc lực của quân Minh
không hay không biết.

Rồi khi phát cờ khởi nghĩa, biết
bao là khổ thân, nhọc trí, đau lòng.

Chính nghĩa đã có, đã đến giờ gióng
trống khua chiêng, song dân chúng chưa
hết lòng hưởng ứng, nhân tài bị lung
lạc hay bị chuộc mua, tướng sĩ chưa
đồng, lương thực chưa đủ, mà kẻ thù
đang thế mạnh. Nguyễn-Trãi mười năm
sau, trong « Bình Ngô đại cáo » đã
thay người mà nhắc lại :

«... Lại ngặt vì : tuần kiệt như sao
buổi sáng, nhân tài như lá mùa thu.
Việc bôn tẩu thiếu kẻ đỡ đần, nơi
duy ác hiểm người bàn bạc » (10).

Rồi, nào vợ con bị sanh cầm trong
tay giặc, ba lần đành lui về núi Chí-
linh, khi bị dồn vào cửa tử, lúc phải
liều chết để phá vòng vây, bao năm
phải nằm sương gối cỏ, chịu đói khát
là việc gần như hằng bữa.

Bao gian lao là bao thử thách, càng
trui luyện tâm hồn.

Chính Người thường nói : « Hoạn
nạn mới gây nổi nước ! Lo phiền
mới đúc nên tài » !

Cuộc khởi nghĩa đã có tiếng vang,
quân Minh cũng kiêng nể, lại gặp lúc
tướng sĩ quá mỏi mệt, cần nghỉ ngơi
lấy sức. Người thuận việc cầu hòa.
Tướng nhà Minh nhân lúc đó gởi tặng
Người nào ngựa trâu, nào cá mắm,
nào gạo lúa. Người nhận, nhưng chẳng
chịu làm kẻ thọ ân. Người thực hành
cách xử thế của dân gian nằm gọn
trong câu tục ngữ ; « Bánh sáp đi qua,
bánh qui đi lại », cho người đại diện
đem bạc vàng tạ lại.

(9) Trong bài thơ Hậu Nguyễn-Trãi của Xuân-
Tâm.

(10) Trần-Trọng-Kim và Bùi-Kỷ dịch.

Đối với kẻ thù thì minh minh bạch bạch, khiến chúng chẳng thể buộc Người thành kẻ chịu ân, nên chúng thêm phần kính trọng. Còn đối với dân, Người luôn luôn lấy nhân nghĩa mà đối đãi, làm dân thấy Người chết sống vì dân (11), vì sự trường tồn của nòi giống, nên lòng dân ái mộ đều hướng về Người và có dịp là hết lòng ủng hộ.

Như lúc thanh thế lấy lòng, Người đem quân đánh thành Nghệ-an, dân chúng ùn ùn đón rước, đưa trâu và rượu dâng lên, trẻ già tưởng mình sống trong mộng đẹp, ghen ngào thốt : « Không ngờ ngày nay lại thấy uy nghi nước cũ ». Song lệnh cho ba quân lại càng khiến dân k'nh nề, an lòng :

« Dân ta lâu nay đã phải khổ sở về chính trị bạo ngược của người Tàu, quân ta đi đến đâu cấm không được xâm phạm đến chút gì của đồng bào. Những gao thóc trâu bò mà không phải của người nhà Minh thì không được lấy ». Vì thế chẳng những dân cảm phục giúp Người mọi mặt, mà những kẻ nông nổi lỡ lầm ra làm quan với kẻ thù cũng hối ngộ mà đem binh mã, bạc tiền về phụ lực với Người. Cả những người còn ở làm quan với nhà Minh, Người cũng lấy lượng bao dung mà đãi : vợ con, quyến thuộc của họ, Người chẳng giết hại mà ra lệ cho chuộc tội bằng tiền. Và cả quân thù bị bắt làm tù binh hay phải hàng đầu, Người tha chết, cho đưa về các nơi riêng, nuôi nấng tử tế. Lòng nhân của Người càng nổi bật lúc thành công ; có người xui nên đem giết tất cả quân Minh đi, vì chúng tàn ác vô cùng, muôn dân còn căm hờn, Người bảo :

« Phục thù báo oán là cái thường tình của mọi người, nhưng cái bản tâm người có nhân không muốn giết người bao giờ hết. Và người ta đã hàng mà lại còn giết thì không hay. Nếu mình muốn thỏa cơn giận một lúc, mà chịu cái tiếng muôn đời giết kẻ hàng, thì sao bằng đề cho muôn vạn con người sống mà khỏi được cái mối tranh chấp về đời sau, lại đề tiếng thơm lưu truyền thiên cổ trong sử xanh ».

Đức độ Người thật sáng chói, và tình thương dân của Người mới chu đáo làm sao. « Cai trị là tiên liệu », mãi sau này người ta mới nói, riêng Người, Người đã làm trên năm trăm năm trước. Bởi Người dư biết : máu chảy kêu máu chảy, đầu rơi gọi đầu rơi, mà cứ như những ai kia : lấy oán mà trả oán, thì bao giờ mới hết oán ở đời nì, và toàn dân rồi sẽ điêu linh vì oán thù siết chặt. Và lại, còn có cách trả thù nào vừa cao thượng, vừa đẹp thơm, vừa... « đáng sợ » cho bằng : « lấy ân trả oán ».

« Lấy quân nhân nghĩa,

« Thắng kẻ hung tàn.

« Lũ giặc kia hết khỏe hết khôn, bó tay chịu chết,

« Quân ta chỉ dùng mưu dùng kế, cười cồ như chơi.

« Loài hồ lang đà đến lúc sa cơ,

« Lượng trời bề ta cũng tha làm phúc.

(11) Người ra lệnh cho quan : Phải hết lòng đánh giặc và giúp dân cứu dân, không được đối với kẻ trên lừa kẻ dưới, không được hiếp đáp nhân dân; và nếu quân : trộm cắp của nhân dân, hãm hiếp nhân dân, áp bức nhân dân, thì bị tội chém đầu.

« Trước cấp cho Tham tướng Phương-
« Chính, Nội quan Mã Kỳ thuyền hơn
« năm trăm chiếc,

« Qua sông rồi mà còn như mất vía
« kinh hồn.

« Lại cấp cho Tổng binh Vương Thông,
« Tham chính Mã-Anh, ngựa hơn mấy
« nghìn con,

« Về nước đó mà vẫn còn ghê lòng
« sồn gáy.

« Lũ kia đã sợ chết tham sống, mà
« thật bụng xin hòa,

« Ta đi lấy toàn quân làm hơn, để
« cùng dân yên nghỉ » (12).



Nếu, giặc Bắc, Nam, Đông, Tây...

Toàn dân yên nghỉ, toàn dân vui mừng,
toàn dân hưởng thanh bình và sáng ấm
yên vui sau mười năm vất vả, khổ đau,
chịu đựng, cố gắng không ngừng.

Công lớn ấy là của toàn dân, dưới
sự lãnh đạo bền bỉ và khôn khéo của
Lê-Lợi, hình ảnh của dân tộc Việt.

Những lời trời trần mà người chống
quân Thát-Đát thu thập trải bao kinh
nghiệm của riêng mình và bao kinh
nghiệm của giống nòi từ ngày dựng nước,
người anh hùng núi Lam đã nhớ, đã
phát huy và áp dụng một cách linh động,
thông minh và khéo léo.

Chúng ta hãy cùng ôn lại :

— Lấy đoàn binh chống trường trận :
chiến thuật du kích được Lê-Lợi khai thác
tới cùng : đánh úp, phục binh, dụ địch,
quân binh luôn luôn di động, lập chiến khu
lập căn cứ địa ; chỉ dân binh hơn thua với
địch là khi nào sức lực tương đương,
nhưng vẫn dùng lối phục kích, như trận

quyết định Tuy-dộng, trận lấy lưng làm
quân Minh hết hi vọng, sau phải cầu
hòa : trận Chi-lăng.

— Quân cốt giỏi không cốt nhiều :
Lê-Lợi đã dự bị cuộc khởi nghĩa từ
lâu : nghĩa quân được tập rèn thuần
thục, cũng như đã thấm nhuần chính
nghĩa. Khi bị quân Minh và quân
Lào vây chặt trong đồn Khôi-sách, thế
cùng sức kiệt, quân sĩ liều chết mở
một đường máu đưa Bình-Định-vương
ra khỏi vòng vây. Kỷ luật trong bộ đội
lại rất nghiêm minh. Quân đã có chí, có
tình, đã vào sanh ra tử, lại trọng kỷ
luật giúp vua và bảo vệ dân thì sự
thành công chẳng phải là ảo ảnh.

— Tùy lúc mà liệu chiều, nên Lê-
Lợi khi cứng khi mềm với quân địch.
Khi có thể lấy thành Đông-quan để
quân Minh mất chỗ dựa, Lê-Lợi lại
cho quân dưỡng sức để đợi viện binh
địch đến thì đánh vì : viện binh thua
thì quân trong thành như cua gãy càng,
thế phải đầu hàng, thành nhất cử
lưỡng tiện.

— Phải nói lòng sức dân để làm cái
ch ớc rễ sâu gốc vững. Lúc tướng sĩ
quá mệt mỏi, dân chúng cực nhọc nhiều,
Lê-Lợi tạm hòa với giặc. Người rõ
từ lâu việc cứu nước chẳng phải việc
mọi sớm một chiều, và chẳng là riêng
mình Người, hay một nhóm người theo
sát bên Người làm nòi, mà phải là việc
của toàn dân. Nên Người quý dân,
lấy dân làm gốc và luôn luôn vun gốc
cho thêm vững chắc. Chúng ta đã thấy

(12) « Bình Ngô đại cáo » của Nguyễn-Trãi,
Tân-Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu dịch.

Người ra lệnh cho quan và quân đối với dân như thế nào và chính Người đã nêu gương thân dân một cách chân thành.

Bắt dân chịu đựng quá sức, ép dân vào những khuôn cứng rắn không còn xoay trở được, thì có khác nào tự đào huyệt chôn mình.

Và có một kinh nghiệm vô cùng quý giá mà Hưng-Đạo không truyền lại bằng lời, vì đó là truyền thống của dân tộc Lạc-Hồng. Bình-Định-vương đã noi theo: *tha thứ cho đồng bào yếu hèn hay cạn hẹp theo nổi gió cho giặc, tha thứ và hậu đãi quân thù nay xuống ngựa đầu hàng, dầu quân thù ấy đã làm quê hương mình tan nát, đồng bào mình điêu linh, gia đình mình xơ xác, và chính mình cũng ngủ không yên, ăn không no, tánh mạng lăm lức như ngọn đèn trước gió.*

Lượng bao dung, đức hiển sinh ấy làm vinh diệu cho giống nòi không ít và là tấm gương sáng, chung cho dân tộc Việt, và riêng cho những ai có sứ mạng dắt dừ dân tộc đến cõi Trường tồn, đến đỉnh Vinh quang.



Thương mình

Ta kính Người trong hai năm, hai lần đại thắng tám chục vạn quân Nguyên, ta phục người áo vải đất Tây-sơn cả phá hai chục vạn quân Thanh không quá sáu ngày, ta thương người núi Lam mười năm trời vất vả nhọc nhằn mới đuổi được quân Minh ra ngoài bờ cõi.

Ta thương Lê-Lợi bao nhiêu, ta lại

thương nòi giống ta bấy nhiêu. Vì trong ba vị đại anh hùng cứu quốc ấy, chính Lê-Lợi mới là hình ảnh trung thành nhất, cảm động nhất của dân tộc. Cũng như dân tộc, Lê-Lợi đã từ con số không với vô vàn nghịch cảnh mà tạo một sự nghiệp muôn đời sáng ấm, một sự nghiệp tạo bằng chí bất khuất, bằng chí quật khởi, bằng mồ hôi, nước mắt, bằng máu, xương, bằng gan lì, bằng trí chí, gian khổ không khiến nản lòng, thất bại không làm rùn chí, cùng đồng bào chia xẻ đắng cay, luôn luôn tin tưởng ở ngày mai phải huy hoàng của Đất Nước.

Hơn Trần-Hưng-Đạo, hơn Nguyễn-Quang-Trung, Bình-Định-vương Lê-Lợi xứng đáng nhất để tượng trưng cho dòng Hồng-Lạc, cho sức sống của dân tộc Tiên Rồng.

Vì, tự ngàn xưa, sức sống của giống Việt « có một cái gì uyên chuyển sáng suốt, chớ không phải ngây ngô và mù tối. Khi oanh liệt, biết oanh liệt, khi dụng mưu, biết dụng mưu, khi thức thời, biết thức thời, khi tiến, biết tiến, khi thủ, biết thủ, khi cần đòi hình thức và thể chất, biết đòi. Sức sống này không chỉ vì nhu cầu hiện tại, mà luôn ngóng theo sự thắng lợi trong cuộc tranh đấu cuối cùng » (13).

Tiểu thay, sau khi bình định nước non, sau khi khai sáng một triều đại, sau khi phong thưởng những người cùng mình vào sanh ra tử, sau khi cho hai trăm hai mươi bảy công thần cùng mang một họ với mình như con một

(13) * *Tương lai văn hóa Việt-Nam* * của Hồ Hữu-Tường.

cha, sau khi định rằng ngày giỗ người vì đại nghĩa chịu chết thay mình dưới chân núi Chí-linh sẽ là ngày trước ngày mình sẽ gặp lại bạn ở thế giới bên kia (14), sau khi sửa sang bao điều ích quốc lợi dân, Lê - Thái - tổ lại theo dấu chân người sáng lập nhà Hán bên Tàu : quá nghi quá ngờ mà giết hại Thái úy Phạm-Văn-Xảo, Tả tướng quốc Trần - Nguyên - Hãn, hai bậc có công to trong việc mở và dựng nước. May mà Quan-phục hầu Nguyễn-Trái chỉ bị mất tự do trong một thời gian !

Tấm gương trong ấy sau cùng bị một vết hoen, hình ảnh của dân tộc rất cuộc chưa được trung thành toàn vẹn.

Ta lại càng thương Người thêm nữa...

« Nghĩ mình mình lại thương mình xót xa » (15).



Lời người xưa

Nỗi xót xa ấy, may thay, lại dịu bớt phần nào, nhờ mấy lời vàng ngọc Người để lại riêng cho con cháu Người và chung cho cả chúng ta, những lời như trời lại cho người Việt — xứng với tên mình — suy gẫm :

«... Trẫm đối đãi với ai cũng hết lòng thành thực. **Thà người phụ ta, ta chớ phụ người !** Phàm kẻ bất bình một việc nhỏ, mà đem lòng khác, Trẫm thường tha thứ, dong cho có lỗi đòi lỗi. Tuy nhiều khi chúng trở mặt làm thù ngay, nhưng Trẫm thường tin dùng như gan dạ ! Biết đòi lỗi thì thôi, không bới lông tìm vết làm gì ! Ấy cũng là bởi Trẫm trải nhiều lo nghĩ, nếm đủ gian nan, cho nên biết nếm

lòng nhin tức, **không lấy việc nhỏ mà hại nghĩa lớn, không vì ý gần mà nhăng mưu xa.**

Trong khoảng vua, tôi, lấy nghĩa cả mà xử với nhau, thân như ruột thịt, có gì mà ngờ vực. Thế cho nên có thể được lòng người, mà ai ai cũng vui lòng tin theo. Tuy vậy, trong khi hoạn nạn, mười chết, một sống đề lâm vào nguy hiểm là thường ! Ngày nay được thành công, là do Hoàng-Thiên giúp đỡ, mà Tò-Tiên Trẫm chứa nhân tích đức đã lâu, cũng ngấm ngấm phù hộ, cho nên mới được thế. Đời sau, kẻ làm con cháu Trẫm, hưởng cái giàu sang ấy, thì phải nghĩ đến Tò-Tông Trẫm, tích lũy nhân đức đã bao nhiêu là ngày, tháng; cùng công phu Trẫm khai sáng cơ nghiệp, bao nhiêu là khó khăn ! Mặc những gấm vóc rực rỡ, thì phải nghĩ đến Trẫm ngày xưa, áo quần lam lũ, không kẻ đông, hè ! Hưởng những cỗ bàn ngon lành, thì phải nghĩ đến Trẫm ngày xưa hàng tháng thiếu lương, chịu đói nhin khát ! Thấy đèn đài lộng lẫy, thì phải nghĩ đến Trẫm ngày xưa thất thêu quê người, vợ con tan tác ! Nên nhớ rằng mệnh Trời nào chắc được không thương, tất phải suy tính nổi khó khi mưu toan việc dễ. **Nghịệp lớn khó gây mà dễ hỏng,** tất phải cẩn thận lúc đầu mà lo tính về sau. Phải đề phòng đầu mối hỏa hoạn, có khi vì yên ổn mà gây

(14) Dân gian còn truyền : « Hăm mốt Lê-Lai, hăm hai Lê-Lợi.

(15) Nguyễn-Du : « Đoạn trường tân thanh ». Có bản chép : Giật mình, mình lại thương mình xót xa ».

nên. Phải đón ngăn ý nghĩ kiêu xa, có khi vì sung sướng mà sinh sự ! Có như thế thì họa là mới giữ gìn được. Nên Trẫm nghĩ làm ra bộ sách này, thực là rất trông mong cho con cháu đời sau » (16).

Về những bài học của lịch sử, có người nói :

« Lịch sử là cái gương cho người đời, nếu biết tường tận, có thể đoán được việc sau... ».

Ta có thể thêm : « và tránh được bao điều đáng tiếc ».

Lại có người nói :

« Lắm khi lịch sử để lại cho ta những bài học có hại hơn là có lợi... »

Ở đây, có lợi hay là có hại, ta khỏi bàn khoăn, nó rõ ràng ra đấy.



CÂY VĂN HIEN

Chúng tôi vừa nhận được, **Bức tranh CÂY VĂN HIỂN** của ông **Lê-Văn-Siêu** trình bày với sự cộng tác của họa sĩ **Tú-Duyên**, do tác giả gửi tặng.

Bức tranh vẽ cây đa, tượng trưng cho nền văn hiến Việt-Nam, với những danh ngôn lịch sử, những biến chuyển lịch sử cùng tên các danh nhân và danh tác ở mọi mặt sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, chính trị, tôn giáo, v.v..., từ thời Hồng - Bàng tới hiện đại, biểu dương giá trị tinh thần một quốc gia văn hiến, in trên giấy dày, nhiều màu, rất mỹ thuật, khuôn khổ 51 x 77, có kèm theo một bản lược giải (có dịch ra Pháp và Anh văn cho người ngoại quốc).

Vậy xin trân trọng giới thiệu **Bức tranh CÂY VĂN HIỂN** với các độc giả thân mến và xin cảm ơn tác giả.

B.K.

Người nay mơ tưởng...

Đêm nay, sương mờ bao núi Lam,
Cây cỏ chìm trong cõi mơ màng...
Mơ mờ xa xa kia ai đứng,
Ai đứng non Lam giải gió sương...
Hồn Lê-vương canh khuya hóa thân,
Nhìn giang san xưa kia vẻ vang,
Hồn đau thở thon ;
Vì đâu nước non suy tàn... ? » (17)

Từ đó...

Vì đâu nước non suy tàn ?

Mười bốn năm về trước, lúc trời Âu và Phi lửa đạn tới bờ, biển Á sóng găm nước dậy, trên cõi đất Việt nghẹn ngào dưới hai tầng đè nén Pháp Nhật, có một số người trai trẻ khỏi bận bịu vì nợ áo cơm, chẳng chịu nhắm mắt bịt tai vùi đầu trong sách vở, họ gạt qua bên cái mộng thông thường : vợ đẹp, con khôn, nhà sang, chức lớn. Họ là một phần tinh hoa của Đất Nước, một nguồn hi vọng của giống nòi. Họ là sinh viên các trường Đại học, họ truyền sinh khí cho Tổng hội sinh viên, họ truyền bá chữ nước nhà, họ truyền bá vệ sinh, họ phổ thông tân y học. Đồng bào « không giấu nổi vui mừng khi nhận thấy sinh viên đã vứt bỏ sự chia rẽ đau lòng giữa người cùng nước, đã phá đổ bức tường tai hại tự mình

(16) « Lam-sơn thực lục » do Nguyễn-Trãi soạn, Mạc-Bảo-Thần dịch.

(17) « Bóng người núi Lam », bài hát lịch sử, nhạc : Lương-Ngọc-Châu, lời : Việt-Tiên (1944).

xây đề ngăn mình với đám dân nghèo khó, quê mùa, thiếu học, đã đập nát cái mục đích thấp, hèn : học, học thật nhiều, học thật giỏi, đề cho « mình vinh nhà béo » (...), đoàn kết chặt chẽ, thảo một chương trình làm việc mà anh chị em lần lượt thực hành. Ta đã thấy sinh viên nghiêng mình vào lớp dân đói khó : thợ thuyền, dân quê, đề hiểu rõ họ cùng đời sống, nguyện vọng, hầu giúp ích họ cho có hiệu quả, khiến họ tin, hoàn toàn tin ở đám bạn trẻ có học, có làm (18) ». Họ tổ chức những trại thanh niên : trại Tương-mai ở Bắc, trại suối Lồ-ồ ở Nam ; họ tổ chức những buổi diễn thuyết : « Thanh niên Việt-Nam qua các thời đại ; Sông Bạch-đăng », họ tổ chức những buổi hát lịch sử để kích thích tình yêu nước và lòng tin ở sức sống kiêu hùng của dân tộc : « Nợ Mê linh, Đêm Lam-sơn » (19), mà những bài ca trình bày sau vở kịch làm rung động phần sâu nhất của hồn người dân không còn nước : « *Hát giang trường hận* », « *Bóng người núi Lam* ».

« Nợ Mê-Linh... » « Hát-giang trường hận... »

« Đêm Lam-sơn... » « Bóng người núi Lam... »

SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được :

— **TRẠI BỒ TÙNG LINH** : (tiểu thuyết) của Thế-Lữ do **Nhà xuất bản Nguyễn-Thí** gửi tặng.

Trân trọng cảm ơn nhà xuất bản Nguyễn-Thí và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc thân mến.

BÁCH KHOA

Mười bốn năm qua.

Họ : những sinh viên nam, nữ ; họ : những kẻ cùng lứa hưởng ứng lời kêu gọi ; họ : những đàn anh, đàn chị khuyến khích việc làm ; họ đã cùng nhau « làm sử » khi toàn dân chỗi dậy giữa một mùa Thu...

Tám năm giành độc lập : Non Nước cắt làm hai. Hai thế giới chưa thể hợp thành một được.

« *Thương nhau, nhớ nhau.*

Nhớ nhau xin giữ lời nguyên lúc nào,

*Dù cách bức, rón gìn tâm chí thanh cao,
Vững lòng tranh đấu chó nao... » (20)*

Mười bốn năm qua. Biết bao nhiêu nước chảy qua cầu. Biết bao nhiêu là những điều nghe thấy. Biết bao nhiêu là hi sinh, là phình gạc, là nhóp nhơ, là chết chóc, là ghen ngào, là phản bội.

Thì nay, dầu có còn thương nhau, dầu thỉnh thoảng nhớ nhau, thì giờ đây ai đang tranh đấu cho ai đề mà có thể bảo nhau « *giữ lời nguyên lúc nào* ».

Ai đã chẳng « *giữ lời nguyên lúc nào* », đề Hát-giang còn dài nỗi hận, đề núi Lam còn ẩn hiện bóng mờ ai ?

(18) «Tiếng gọi thanh niên : trại thanh niên ở suối Lồ-ồ : hãy ủng hộ việc làm của sinh viên Nam-kỳ » của N. H. N., Nam-kỳ tuần-báo, số 42, ngày 8-7-1943.

(19) Sau có hội nghị Diên hồng.

(20) Bài hát « *Xin giữ lời nguyên* », nhạc Mĩ-Ca, lời Hoàng-Lưu (1944).

LÊ-LỢI : HÌNH ẢNH CỦA DÂN TỘC VIỆT

Đêm nay, sương mờ bao núi Lam,
Cây cỏ chìm trong cõi mơ màng...
Mờ mờ xa xa kìa ai đứng,
Ai đứng non Lam giải gió sương ..

Trăng khuya bơ phờ buông ánh mờ
Trên núi rừng im phắc như tờ...
Chập chờn xa xa cờ ai cất
Trên đỉnh núi Lam tỏa phất phơ...

Hồn Lê-vương canh khuya hóa thân,
Nhìn giang san xưa kìa vẻ vang...

Cờ Lê-vương kêu quân hiển thân,
Vì non sông ra tay cứu dân...

Hồn đau thở than :

Cờ bay phất phơ

« Vì đâu nước non suy tàn ?... »

Nào ai đứng lên bao giờ... ? (20)

Một đêm không trăng, năm Đinh Dậu

NGUYỄN-HỮU-NGƯ



★ THẾ giới là một trường học lớn ; sự khốn quẫn đau khổ là ông thầy giỏi, là người bạn tốt để rèn luyện ta.

KHUYẾT-DANH.

Khẩu khí của một nhân tài.

TRẦN-BÌNH đời Hán, hồi còn hàn vi, phải khi làng tể, bị làng cắt làm thịt.

Lúc chia xuất thịt, Bình chia rất cân, phụ lão đều khen ngợi.

Bình nói :

— Than ôi ! nếu Bình nay được làm tể thiên hạ (sử trị thiên hạ), thì cũng sẽ làm khéo như chia thịt vậy.

Về sau Bình làm quan tới tể tướng và tài cai trị của Bình nổi tiếng một thời.

NGƯỜI QUÉT ĐƯỜNG

J. ROUSSELOT



Ôi có người bạn thường
nguyện kinh sáng bằng
cách này : anh mở cửa
sờ nhìn người quét đường.

Quét đường thì có
trăm cách quét đường,
cũng như làm bộ trưởng thì có trăm
cách làm bộ trưởng. Người quét đường
mà bạn tôi ngắm mỗi buổi sáng là
một người quét đường lành nghề.
Không những vì khi ông quét xong,
đường sá vỉa hè đều sạch sẽ, mà đến
cả cách quét nữa. Phải xem cách người
ấy quét mới được. Cái thoáng mắt kia, cái
nhát chồi nọ : những « cú » thật là
thần tình !

Khi trời vừa sáng tỏ, người ấy đã
có mặt đấy rồi, không sớm quá,
không trễ quá..., người ấy đến với
ánh dương, cầm chổi trong tay. Và,
thánh vụ bắt đầu liền.

Không kể thời tiết. Mưa gió, giá
rét, lá vàng mùa thu, màu giấy vụn,

chó đánh đồ thùng rác, vật và người...
người quét đường nhận tất cả, trong
thực trạng của chúng. Ông đến đó
không phải là để than vãn, mà để
phụng sự. Điều cần là con đường phải
thật sạch. Và đó là sứ mạng của ông,
trên thế gian ; ông cho sứ mạng ấy là
tốt đẹp. Tôi chẳng biết ông có ý tưởng
gì khi cần thận nhặt từng chiếc vỏ
trái hoặc từng mảnh chai. Có lẽ ông
nghĩ tới bà cụ có thể trượt bước gãy
chân, nếu mai ấy ông không đến ; hoặc
nữa ông nghĩ đến em bé kia, té ngã
và có thể bị thương tích !... Và bạn
tôi bắt gặp ông ta lâu lâu lại tủm tỉm
cười một mình.

Một người bước ra sập mạnh cửa,
rồi lấy một điều thuốc, châm lửa và
vút bao không ra đường. Người quét
đường sẽ cúi nhặt lấy chiếc bao, không
than phiền, cũng không phán đoán.

Người kia không cảm ơn mà cũng
chẳng bao giờ có ai cảm ơn. Đã bao

năm, như thế ! Người ta cho đó là điều dĩ nhiên, khi có người lượm đồ mình vứt bỏ, và quét dọn khi mình đi qua. Người quét đường cũng vậy, ông ta cũng cho đó là điều dĩ nhiên.

Và bạn tôi, trước ngày mới hứa hẹn bao khó nhọc, đã đến « mức » can đảm nơi người quét đường. Và anh còn dám quyết nếu Thiên-Chúa có đi quét đường, chắc cũng chẳng làm hơn được người kia. Anh nói : người quét đường giống Thiên - Chúa, Đấng đã sai Con mình xuống quét các nẻo đường thế gian, « quét sân lúa của Người » như thánh Gioan Tẩy-giã đã nói.

Và bạn tôi còn tiếp : « Chính Thiên-Chúa đã quét cửa nhà tôi mỗi buổi sáng, với tất cả tấm lòng Người yêu dấu tôi », — và Người đến để dạy bảo tôi : « Hãy làm việc, làm việc với lòng khiêm cung nhẫn nại, tha thiết ân cần. Chứ không vì tiền bạc. Người quét đường kia có được mấy đồng lương ? Phải làm để phụng sự anh em ».

Và bạn tôi thêm : « Ước gì các người trong phố tôi, mỗi buổi sáng, ra đứng dí mũi nơi cửa sổ để nhìn, để cho mắt và lòng ngập tràn cử chỉ đơn giản nhỏ nhoi của người quét đường. Người hàng thịt, người hàng bánh — người hàng bánh, để mỗi khi nhào bột trong chậu, thì nghĩ rằng mình đang phục vụ đồng loại, anh em, và phải trộn vào đó tình yêu, chứ không phải chỉ lao lực, với ý nghĩ làm giàu mà thôi. Người nội trợ, người công nhân, cô đánh máy... Tất cả hãy dán đầu nơi cửa sổ mỗi buổi sáng, để rồi cố làm cho bồn phận thường nhật của mình, dù có đôi khi nặng nhọc thật, trở thành ra một động tác làm vì tình huynh đệ.

Tiếc thay lát nữa, khi họ đi ra, vì bận công việc, họ sẽ chẳng để ý ngay cả vỉa hè đã quét sạch cho họ bước trên..., hoặc Thiên-Chúa, Đấng đã từng qua tay người công nhân khó nghèo, đặt một chút tình yêu dưới chân họ. Họ sẽ rẻ rúng cả người quét đường lẫn công tác của ông. Họ tưởng, cái tưởng của họ mới đáng tội nghiệp làm sao ! họ tưởng họ hơn cái người mà họ cho là hèn kém kia.

Nhưng bạn tôi nghĩ khác : « Lát nữa, khi đi tới sở, tôi sẽ được chào nhiều hơn người quét đường kia được chào trong suốt cả một đời, vì tôi có địa vị, có địa vị cao hơn... Bất công : tôi là gì trước người quét đường kia ?

Tôi nói thật với anh : Trên Trời, người quét đường kia sẽ đứng trên tôi.

Ông ta không biết rằng tôi thêm thường số phận ông, chỉ « trên ấy » thôi, ông mới biết tôi đã thêm số phận ông tới mức nào ? Tôi muốn ra khỏi nhà, giật lấy chổi ở tay ông và quét thay ông !

Nhưng có lẽ ông sẽ chẳng hiểu, hoặc giả ông sẽ trả lời đơn sơ : xin chơi mỗi người mỗi việc ! Phải, mỗi người mỗi việc. Ông nói thật chí lý ! Nhưng công việc ấy phải biến thành công việc làm với tinh thần phục vụ ! Không phải là dân công, không phải là do khế ước, không phải vì « cơm gạo » ; chỉ bởi muốn phục vụ mà thôi ».

Không có nghề xấu, không có nghề hèn. Chỉ có nghề cao quý làm với một tâm hồn cao thượng như ông bạn quét đường của tôi ».

VIỆT-TỬ (trích dịch)

VŨNG NƯỚC

*M*ấy hôm trời mưa to,
Nước chảy xuống chỗ trũng,
Trong những khu nhà nghèo,
Nước nhiều đọng thành vũng.

Vũng sâu và vũng nông,
Vũng đục và vũng trong,
Bao nhiêu vũng nước đọng,
Bấy nhiêu khuôn gương lờng!

Chiều ngồi bên cửa sổ,
Vũng nước, tranh mờ tỏ :
Kìa bóng đầu cây xanh,
Kìa ánh mặt trời đỏ.

Vũng nước đẹp làm sao !
Muôn trùng soi trời cao !
Nhưng trời cao đáy nước,
Có thấu cho dân nghèo ?

Dân nghèo ở trong ngõ,
Mùa mưa, cực và khổ,
Ngày lội nước ăn chân,
Đêm nằm chung muỗi bọ !!

Bản-cờ 1957
ĐÔNG-XUYỀN
(Trích « Thuyền Thơ »)

ĐẤT NƯỚC TRONG CA DAO

Thuận-Phong



RẢI hơn bốn ngàn năm lịch sử, ĐẤT NƯỚC ta qua mấy cuộc hưng phế tang thương, vẫn còn vững bền dưới bóng mặt trời Nam-Á, dân tộc ta sống một đời sống dồi dào trên đồng bằng phì nhiêu của dòng sông Nhị và dòng sông Cửu, trên những núi đồi đầy khoáng sản vùng Cao-Bằng, Hòn-Gay, Nông-Sơn, sống một đời sống oai hùng với ngọn Bạch-Đẳng của Ngô-Quyền và Hưng-Đạo, với đất Lam-Sơn của Lê-Lợi và Tây-Sơn của Quang-Trung. Núi sông ấy, ĐẤT NƯỚC ấy, phô bày gấm vóc từ Bắc chí Nam, quay mặt ra biển khơi, từ Hạ-Long kỳ tuyệt đến Hà-Tiên thanh tú : ĐẤT NƯỚC ta mở rộng ra Đông-hải và gồm cả Đông-hải ; vùng nước lai láng

của biển Đông hợp cùng sông sâu núi thẳm, lập thành ĐẤT NƯỚC Việt-Nam ta. Dân tộc ta đã sống một đời sống chan hòa với núi sông, đã sống một đời sống thiết thân với biển giả, Bằng máu đào xương trắng, dân tộc đã gìn giữ núi sông vững bền ; cũng bằng máu đào xương trắng dân tộc đã giữ gìn biển giả lạng thanh.

Dưới nước sản cá tôm, bên bờ phơi ruộng muối, trên hòn có yến sào, biển Đông mở rộng bước tung hoành cho dân tộc ta mặc tình vùng vẫy ra năm châu bốn bể, kết giao với bốn bề năm châu. Biển Đông hiến sản một nguồn sống vô tận vô cùng cho dân tộc và hứa hẹn cho dân tộc một tương lai giàu mạnh vinh quang.



Biển Đông sống dạn

Sống mật thiết với biển khơi, bảo sao ta chẳng cùng biển khơi sống một đời đời dào tình cảm ? Sống no đủ nhờ biển khơi, hẳn nhiên ta phải ghi ơn nhớ nghĩa biển khơi đời đời trong cốt nhục. Mẹ cha ơn to cơm áo ; biển già, nghĩa nặng cá tôm ; ơn mẹ cha lai láng, nghĩa biển già mênh mông. Trong con mắt ta, biển già tượng trưng công đức cha mẹ :

Ơn cha bằng biển, cha ơi !

*Nghĩa mẹ bằng trời, chín tháng
cưu mang,*

Biển ấy là biển hiếu.

Nhưng biển còn là biển tình. Với vẻ biếc màu thanh quyến rũ, biển ép nài ; với gió lành nước sạch khuyến mời, biển hấp dẫn. Thảo nào mặt biển lòng của bạn xuân xanh chẳng khỏi xôn xao theo muôn trùng sóng biển :

Biển đông sống dạn tư mùa,

Ai cho bậu uống thuốc bùa anh mê ?

Tuy người ta quả quyết « dò sông dò biển dễ dò », song biển tình để ai biết đâu là bờ, đâu là đáy ? Thậm chí, đến chính những khách tình đang chìm nổi trong ba đào mà họ cũng phải buột miệng hỏi đố với nhau, qua bao giọng cười tiếng khóc :

Đố anh biết biển bao sâu,

Biết sông mấy ngả, biết cầu mấy nơi.

Ai chẳng biết yêu là khổ ? Ai cũng thử cam khổ tìm vui ! Nên từ xưa, đếm sao cho hết những bạn « cũng cam một thác, với tình » ? Pho tình sử không lẽ chưa biết bao giờ chấm được

dầu chung kết ! Suối thu ba vô tận
vấn long lanh giọt ngọc đầm đìa :

Ngọc sa xuống biển là ngọc thủy tinh,

Anh với em gá nghĩa chung tình,

*Dầu ăn cơm quán, ngủ đình cũng
cam !*

Giọt ngọc cứ sa, cứ sa, sa vào biển
tình đã đầy, thêm đầy, càng đầy càng
quyến rũ, càng thêm sức đắm chìm :

Bướm bay giữa biển, bướm rơi,

*Anh thấy em còn nhỏ nhiều nơi,
anh buồn.*

Biển là chỗ « bướm » rơi, là nơi
người đắm, nhưng từ bao giờ đến bây
giờ, vẫn là nơi gặp gỡ của bạn chung
tình :

Anh như cai vô môn,

Cao không xiết kè.

Ngăn ngoài cửa bể,

Mà đợi cá lý ngư về.

Nếu kiếp tu còn vụng, khôn bề thoát qua.

Vào biển tình, khách tình mong giải
thoát bạn tình với cách lấp biển bằng
giọt lệ, với cách bắc cầu bằng các thứ
cá nối đuôi nhau ;

Cá bóng đi tu,

Cá thu nó khóc,

Cá lóc nó rầu ;

Phải chi ngoài biển có cầu.

Anh ra đến đó giải đoạn sầu cho em !

Thoàn đà đến bến yêng (anh) ơi !

Sao yêng chẳng bắc cầu noi vô bờ ?

Thật sự, biển tình là biển khổ. Biết
rằng khổ mà người ta vẫn tình nguyện
sa xuống biển tình, vì trong lớp ba
đào chuyền động, bao giờ cũng thấp

thoáng một hy vọng sáng tươi ;
 Trời vẫn vũ mây giăng tứ phía,
 Đất biển Đông sóng gợn tư bề.
 Làm sao cho nên nghĩa phu thê,
 Đó chồng, đây vợ, ra về có đôi !

Tuy nhiên, biển tình đồng thời cũng
 là biển đời ; không phải biển đời theo
 quan niệm nhà văn :

Bề thăm mênh mông sóng lụt trời,
 Một mình chèo một chiếc thuyền chơi ;
 Buồm ai ngược gió ; ai xuôi gió,
 Xem lại cùng trong bề thăm thót...
 (Đoàn-Như-Khuê ?)

cũng không phải theo quan niệm nhà Phật :

Nghĩ thân phù thế mà đau,
 Bọt trong bề khờ, bèo đầu bến mê.
 Mùi tục lụy, lưới tẻ tan khờ
 Đường thế đồ, gót rỏ kỳ khu,
 Sóng cồn cửa bể nhấp nhô,
 Chiếc thuyền bào ảnh thấp thoắt mặt
 gành.
 (Nguyễn-Gia-Thiều)

Mà là một biển đời thực tế, là nguồn
 sống của dân tộc ta, là cái rọ tôm cá,
 ai cũng cần đến tìm món ăn hằng ngày,
 dầu cho bạn tình không đoái tưởng :

Con chim trên nhánh cần cây ngậm lá,
 Con cá dưới biển ăn sớ ngậm sao ;
 Gặp mặt anh đây, không hỏi không chào,
 Hay là em có nơi nào, bỏ anh ?

Đã đành biển giả là cái rọ cá tôm,
 nhưng loài chim yến và loài chim nhạn
 lột ồ đẻ trứng ở đó, làm cho hải phẩm
 thêm giàu :

Tháng tư cơn gió ra hòn,
 Muốn ăn trứng nhạn phải lòn
 Hang-Mai.

Hải phẩm đã giàu lại còn quý giá,
 vì biển ta còn sản xuất đồi mồi, như
 ở Côn-nôn và Hà-Tiên, nhứt là ở Hà-
 Tiên, nơi hòn Phú-Dự (có lẽ cũng gọi
 Hòn-Khơi ?) ở trên đường biển từ Réam
 (Cao-Miên) ra hòn Phú-Quốc :

Tháng giêng là tháng ăn chơi,
 Anh đi nằm bãi Hòn - Khơi một mình.

« Đi nằm bãi » là dạng chờ đồi mồi
 bò lên bãi biển, lật nó lên và bắt nó.

Nói tóm lại, biển giả là một « công
 trường » mênh mông của nghề hạ bạc,
 nên bạn chài lưới đã miêu tả thành một
 bức họa đồ :

— Ngó ra Hòn - Chảo, sóng bờ
 lao xao,

Thấy thuyền anh chạy như dao cắt lòng.

— Ngó ra Vàm - Cật lù mù,
 Đông - Hồ, Thị - Dạng, Tô - Châu,
 Rạch-Dừa.

Ngó ra Hòn - Hợ lưa thưa
 Hòn - Chong, Phụ - Tử, trong bờ
 Cà-Săng.

— Thuyền dờ ra khỏi Pháo-Đài,
 Linh đình Hòn - Chảo, dựa ngoài
 Ba-Tron.

— Ngó ra Phú-Quốc, ngó lại Côn-nôn,
 Gió rao rao sóng bủa hết hồn,
 Bền gan sắt đá trừ phồn tà gian.

— Tôi ở Hòn - Khoai,
 Đi về Hòn Đá-Bạc,
 Tôi trương buồm chạy lạc,
 Lại tới Hòn-Nhum (1),

(1) Trừ Côn-Nôn các địa điểm và các hòn
 trên đây thuộc địa phận Hà-Tiên và hải phận
 Việt Nam trong vịnh Thái-Lan.

Thấy ông lão liêu đốn củi lum khum,
Tôi hỏi ông lão, chớ nào nòng tại ai ?
— Ngó lên Hòn-Kê-m (1) đá rùng,
Thương cha nhớ mẹ, quá chừng
ruột đau.

Đó là một phần địa đồ của ĐẤT NƯỚC ta mà giới hạn thực tế, giới hạn tầm hoạt động của dân tộc ta, ở miền cực Nam này, không phải dừng tại Côn-Nôn và Phú-Quốc hay Phú-Dự, mà còn bao choàng sang một phần hải phận của Cao-Miên :

Anh ở Hòn Cồ-Công,
Đi qua Hòn Cồ-Bí.
Trương bươm chạy thí,
Qua Hòn Cồ-Bo.

Thấy bầy con cá lội đã lớn lại to,
Anh tính kể chi bắt đặng đem về
nước Nam,
Như thế, ĐẤT NƯỚC ta lớn thêm
về mặt biển khơi và còn lớn thêm trên
đường bộ ; dân tộc ta đã tiến bước vào
đất nước Cao-Miên, ở biển giả cũng như
ở đồng bằng, một cách hòa bình theo
sanh kế :

— Nam-Vang đi dễ khó về :

Trai đi có vợ, gái về có con. (2)

— Ngó lên trời thấy mây bay vẩn vù,
Ngó xuống âm phủ thấy đủ mặt bá quan.
Ngó về Nam-Vang thấy bốn chữ vàng.
Ngó xuống Cà-Mau sóng bủa lao xao.
Anh thương em ruột thắt gan bào.
Biết em có thương lại chút nào
hay không ?

— Nam-Vang nước chảy thấm thương,
Gặp mình lụy ứa, cần bước nương
theo mình.



Người trong một nước...

Người ta bảo dân tộc ta nguyên từ miền Nam Trung-Hoa tiến về miền cực Nam, hỗn hợp cùng người bản thổ, như Thái, Mèo, Mán, Mường, Thô, rồi Chăm, Miên... lai sanh ra chúng ta. Nguồn gốc đó còn phải nghiên cứu thêm và phải đư c chứng thật hơn, nhờ công trình khảo cứu lịch sử và địa chất học. Dầu sao cái dân tộc hiện sống chung trên ĐẤT NƯỚC ta, từ dân Việt đến các dân thiểu số, chúng ta đều con ruột một nhà, đã trên mấy ngàn năm sống chung trong MỘT ĐẤT NƯỚC, đồng nhục, đồng vinh, đồng cam cộng khổ, nên cùng nhau thông cảm tương thân ; nên, với một tinh thần công bình, đồng đẳng đáng khen, chúng ta phải nhìn nhận những ưu điểm của dân tộc thiểu số và khuyết điểm của chính dân ta :

Ở kinh cũng có người rồ,

Man-ri cũng có sinh đồ trạng nguyên.

Đáng khen hơn nữa, chúng ta không ngại gì mà đề cao đạo đức của họ :

Em như cây quế giữa rừng.

Thơm tho ai biết, ngát lừng ai hay !

Hơn thế nữa, chúng ta còn sẵn lòng bình vực quyền lợi của họ :

Con cu ăn lúa bà Mên (Miên),

Bà Mên bắt đặng lột mề con cu !

Tuy khác chủng tộc nhưng quan niệm là bình đẳng và đồng bào, nên luồng

(1) Thuộc tỉnh Quảng-Nam.

(2) Có khi hát : « Trai đi bạn biển (Biển-Hồ), gái về tào kê ».

thông cảm tương thân tạo ra một luồng tiếp xúc thân ái, một mối đoàn kết vững vàng giữa miền xuôi và mạn ngược :

— Muốn tắm mát lên ngọn sông đào.
Muốn ăn sim chín phải vào rừng xanh.
— Cam ngon, quít ngọt đã từng,
Chỉ còn khế rụng trên rừng chưa ăn.

Mặc dầu ĐẤT NƯỚC đâu cũng là nhà cửa, và mặc dầu thăm thía một mối tình tương thân tương ái, người Kinh đến miền Thượng không khỏi lạ cảnh lạ nơi, mà lòng sanh ra một nỗi bơ vơ buồn bã :

Tới đây những suốt cùng khe,
Chân sim bóng núi tiếng ve gọi sầu.
Vả chẳng tiếng gọi thân yêu từ đồng bằng
hãy còn bên tai vắng vắng :

Anh đi ba bữa anh về,
Rừng cao nước độc, chớ hễ ở lâu !

Đồng thời, người núi xuống biển sao cho khỏi ngỡ ngàng đối với khách đồng bằng, cũng như mực măng giang của núi rừng nấu chung với cá ngạnh nguồn của biển giả :

Măng giang nấu cá ngạnh nguồn,
Đến đây nên phải bán buồn mua vui.

Sự tiếp xúc thân mật được thực hiện như thế, cũng nhờ một quan niệm đúng đắn chọn thành :

Rằng : xa ; cửa ngõ cũng xa,

Rằng : gần : . Vĩnh - Điện, La-Qua
cũng gần.

Thật thế, người ở trước cửa ngõ mình mà không hạp ý thì người gần thế mấy cũng hóa ra xa ; trái lại, nơi xa ngàn dặm trở gần mà vừa lòng thì

xứ xa thế mấy cũng hóa ra gần vậy, khác nào người thượng du Quảng-Nam vẫn thấy mình gần gũi một bên tỉnh lỵ của Quảng-Nam là La-Qua hay Vĩnh-Điện, tuy là họ bị núi non cách trở : « Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ, vô duyên đối diện bất tương phùng » là thế.

Cuộc tiếp xúc giữa Kinh và Thượng tạo thành một mối đoàn kết thân yêu ;

Muốn cho có đây có đây :

Sơn lâm chưa để một cây nên rừng.

Nên chẳng lạ gì họ hợp tác cùng nhau chặt chẽ để sống còn với nhau, để tranh đấu với thiên nhiên, để chống ngăn xâm lược như chúa Mường đã từng góp công hiệp sức với nhà Trần đánh đuổi quân Nguyên. Bởi là con chung của ĐẤT NƯỚC, họ phải sống chung với nhau, sống chung trong một ĐẤT NƯỚC, sống chung theo ĐẤT NƯỚC và vì ĐẤT NƯỚC không lòng phản phúc giết hại lẫn nhau :

Rủ nhau xuống biển mò cua.

Đem về nấu quả mơ chua trên rừng,

Em ơi ! chua ngọt đã từng,

Non xanh, nước bạc, ta đừng quên
nhau !

Hợp nhứt trong lòng ĐẤT NƯỚC, dân tộc ta lại còn dồi dào một tinh thần phóng khoáng, không chịu bó buộc gổ bó sau lũy tre xanh, tuy không có óc phiêu lưu mạo hiểm, nhưng nhìn lợi ích của du lịch đó đây, không tuân hành lời dạy của Khổng giáo :

« Phụ mẫu tồn, bất khả viễn du ! » :

Đi cho biết đó biết đây :

Ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn ?

Họ chủ trương đi xa, đi cho khắp
ĐẤT NƯỚC, cho biết cùng ĐẤT
NƯỚC, để thương yêu ĐẤT NƯỚC
hầu phục vụ ĐẤT NƯỚC :

Bỏ em khô héo như nhành từ bi !
Họ ra đi dẹp lại cây bừa, bỏ lại
ruộng vườn, mặc tình cha già, mẹ yếu,
con thơ, vợ dại, dang dẫu, bơ vơ :

Làm trai cho đáng
nên trai,

Phú Xuân (1) cũng
trải,

Đồng Nai cũng từng.

Người ta có đi
đi, lại lại mới biết
nhau ; dân tộc có
tiếp xúc nhau, mới
biết thương yêu nhau;
có vậy mới thông
cảm kết tình giữa
Nam và Bắc :
Nối đồng, lại úp vung
đồng :

Con gái xứ Bắc lấy
chồng Đồng-nai,

Và có vậy mới có
thông thương từ xứ
Quảng ngang qua
Thuận - Hóa chỉ
những Hà-Tiên :

Thăng (?) Hóa-
Quảng trở về Quảng-

Hóa, «Họa đồ chỉ bước đi của dân tộc Việt-Nam».

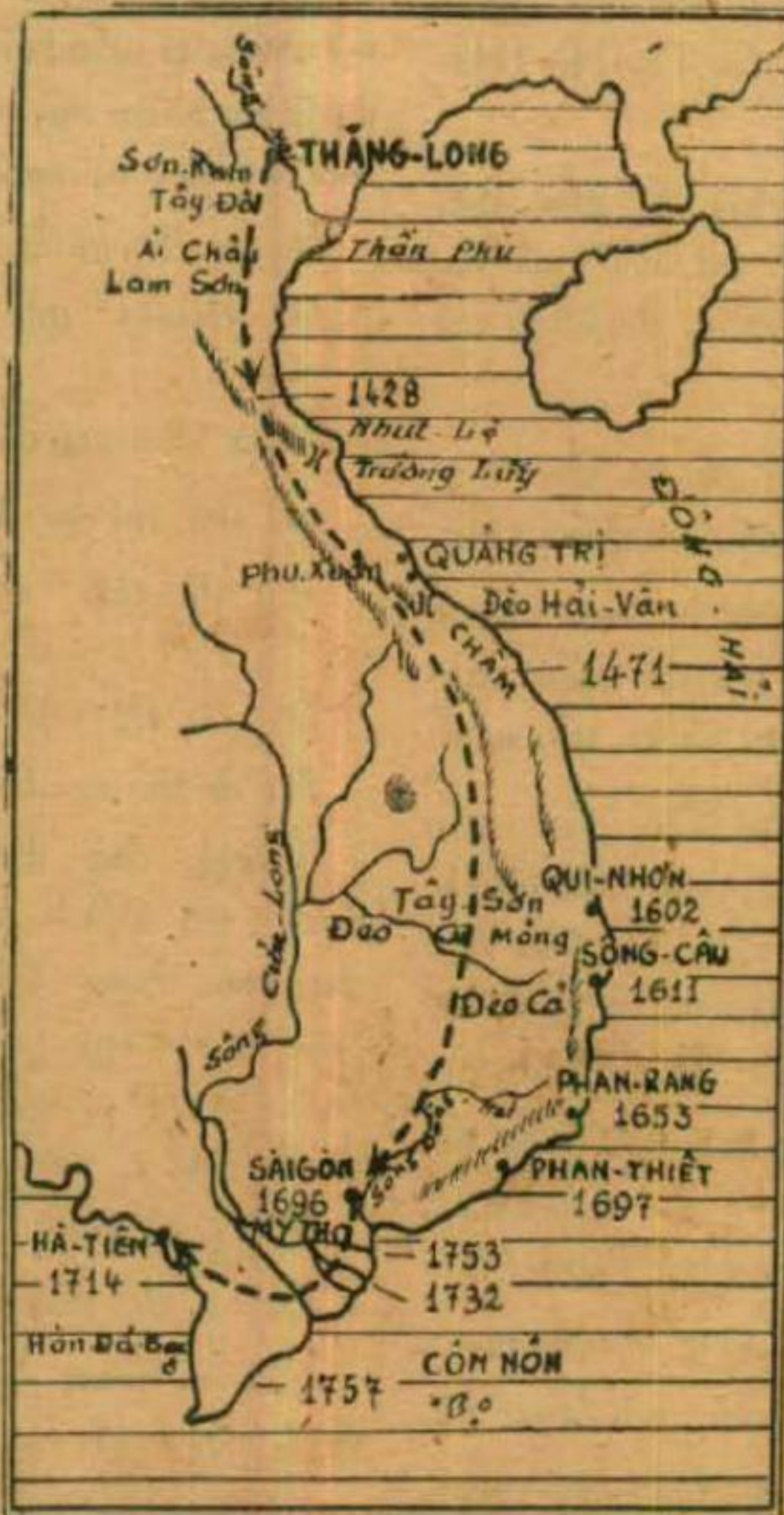
Bạn hiền ta trở lại Hà-Tiên,

Làm sao rõ được căn nguyên,

Dầu sông, dầu biển đi liền tới nơi.

Rồi có vậy, khi miền Bắc bị xâm
lăng, đồng bào Nam, Trung mới đem
thân ra chống giữ ĐẤT NƯỚC :

Anh đi lưu thú Bắc-Thành,



Buồn tình cha chả
buồn tình :

Không ai về Bắc
cho mình gửi thơ !

Bật đường lui tới,
dứt nẻo cá chim,
nhưng kẻ đi người
ở, một dạ chung tình,
kiên trung sắt đá,
chẳng vì cách mặt
xa lòng, chẳng để
vắng người mà phụ
nghĩa :

Bao giờ cạn lạch
Đồng-Nai,
Nát chùa Thiên-Mụ,
mới sai lời nguyện !

Muôn dặm xa xôi,
đôi đường cách trở,
người ta nuốt cay
ngậm đắng mà đợi
chờ nhau :

Tay bưng đĩa muối
chấm gừng,

Gừng cay, muối mặn xin đừng bỏ nhau !

Đừng bỏ nhau, vì e cái thảm cảnh
« hát Bắc đờn Nam không đúng nhịp,
nổi tròn vung méo khó in khuôn » :

(1) Phú-Xuân, tức Huế, theo nghĩa xưa, chỉ cả miền Trung ; Đồng-Nai, tức Sai-Gon, cũng theo nghĩa xưa, chỉ cả miền Nam.

Chàng về Hồ, thiếp cũng về Hồ,
Chàng về Hồ-Hán, thiếp về Hồ-Tây !

Hồ-Hán tức là Hồ-Hán-Thương, một uy quyền mới thành lập ở đất Tây-Đô (Thanh-Hóa) chống đối với uy quyền cổ hữu của nhà Trần ở Tây-Hồ (Hà-Nội), là chốn cố đô.

Lâm phải cái cảnh chia lìa như thế, người ta có vì ĐẤT NƯỚC mà tìm về với nhau, chưa dễ được thuận đường xuôi bước :

Đường vô xứ Nghệ quanh quanh,
Đường ra Hà-nội như tranh vẽ rờng,
Cái cảnh chia đôi sơn hà ấy, một là
đã vì lòng người gây tạo tự ngàn xưa,
hay cũng bởi núi non tự nhiên trở ngại.

Thật vậy, ĐẤT NƯỚC vẫn gặp phải nhiều vật chướng ngại thiên nhiên, mà bức tường ngăn cách đầu tiên trên đường Nam Tiến là dãy núi Thần Phù, chia hai Ninh Bình và Thanh Hoá :

Phân cõi Nam - Châu (1), đất Ái-Châu (2),
Bút Vương khôn mạc cảnh Thần Phù :
Muối pha bãi bạc, sông sâu hoá,
Chàm nhuộm cây xanh, núi tuyết mù.
Khói quán, mây ngàn, luôn ngút ngút,
Chợ quê, só g bẻ, rục ù ù.
Kìa ai rửa sạch cong (trong) niềm tục ?
Một chiếc thuyền câu chở nguyệt thu.
(*Hồng-Đức Quốc Âm thi tập*)

Chính dãy núi Thần Phù đã dựng cao một chướng ngại vật trên đường bộ, không dễ vượt qua, lại còn ngăn ngang ngoài cửa biển bằng một vách sóng nguy hiểm :

Linh đình qua cửa Thần Phù,
Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm.

Nhưng ĐẤT NƯỚC chẳng phải duy có một dãy núi Thần Phù làm cho ngăn đường chặn lối ; cái thiên nhiên mà chúng ta luôn luôn phải chiến thắng còn dựng lên nhiều bức «vạn lý trường thành», trên núi đèo và ngoài biển cả. Nào là :

Đi bộ thì khiếp Hải-Vân. (3)

Đi thuyền thì khiếp sóng thần
Hang Dọt.

Nào là đèo cao dốc đứng

Ở nhà thì sợ bạn trông,
Ra đi thì sợ Dốc Ông, Dốc Dài.

Ở nhà thì nhớ bạn hoài,
Ra đi thì sợ Dốc Dài, Dốc Ông (4)

Những đèo dốc ấy do thiên nhiên dựng lên ĐẤT NƯỚC làm trở ngại cho cuộc Nam Tiến, làm cách bức cho cuộc lưu thông, gây gian lao khổ cực cho dân tộc : nào ai nghe đâu những tiếng khóc nỉ non của người chinh phụ :

Tiếng ai than khóc nỉ non ?
Là vợ chú lính treo hồn Cù-Mông. (5)

Nào ai trông rõ những giọt lệ âm thầm của bạn vọng phu :

Chiều chiều mây phủ Hải-Vân,
Chim kêu gành đá, gấm thân lại buồn.

(1) Nam-Châu : một phần đất nước ta gồm Hà-Đông, Hưng-Yên, Hà-Nam, Nam-Định, Ninh-Bình, gọi là Sơn-Nam hồi thời Lê-Thánh-Tôn.

(2) Ái châu : Thanh-Hoá.

(3) Hải-Vân : dãy đèo ngăn cách Thuận-Hoá (Thừa-Thiên) Quảng-Nam.

(4) Dốc Ông, Dốc Dài, ở Quảng-Trị —

(5) Đèo Cù - Mông ở giữa Qui - Nhơn và Sông - Cầu.

Tuy thế mà, thêm vào những ngăn ngại thiên nhiên ác nghiệt kia, con người, con người tranh quyền thủ lợi, lại còn nở dang tâm dựng thêm những thành lũy kiên cố như Nhứt - Lệ, Trường - Dục, đào sâu thêm những dòng nước vơi vơi như sông La, sông Gianh :

*Khôn ngoan qua cửa sông La,
Để ai có cánh bay qua Lũy Thầy !*

Những vật chướng ngại nhân tạo thêm vào những vật chướng ngại thiên nhiên, tạo cho ĐẤT NƯỚC nhiều cảnh ngang trái, gây cho dân tộc nhiều nỗi éo le :

*Nhớ anh, tôi cũng muốn vô,
Sợ truông nhà Hồ, sợ Phá Tam-
Giang ;
Phá Tam-Giang rày đây đã cạn,
Truông nhà Hồ, Nội-lán (1) cấm
nghiêm.*

Nhưng, dầu cho « người trong một nước chẳng thương nhau cùng » nở gây ra những cảnh cách ngăn, hoặc là kẻ ngoại xâm ngang nhiên đem khói lửa mà chia sông cắt núi, lịch sử đã viết rành rành rành rành, nêu rõ rệt tấm lòng sắt đá của một dân tộc kiên trung, không xiêu lòng vì bị hăm dọa, không xiêu lòng vì bị chuộc mua :

*Đứng bên ni Hà-Thân,
Ngó qua bên tê Hà-Thân,
Nước trong xanh như tàu lá ;
Đứng bên tê Hà-Thân
Ngó qua đất Hàng (2) phố xá nghinh
ngang.
Kể từ ngày Tây lại đất Hàng,
Đào sông Cú-Nhí, (3) đắp đàng Bông
Miêu ; (4)*

*Dặn tấm lòng em bậu đừng xiêu,
Gắng công nuôi thầy mẹ ; sớm chiều
đá có anh. (5)*

Thật vậy, chẳng hạn như trước cảnh đất Lục-Tĩnh phải cắt hai bị mất một nửa, chúng ta vẫn một lòng sắt đá hy vọng thâu hồi độc lập ở tương lai, dầu cho cái tương lai xa những tám chín mươi năm khổ cực :

*Chẻ tre bện sáo cho dài,
Ngăn ngang sông Mỹ (6) có ngày
gặp nhau.*

Sở dĩ dân tộc vững bền sắt đá tin tưởng ở cái tương lai tươi sáng ấy, là vì hơn bốn ngàn năm lịch sử đã mấy lượt chứng minh :

*Nước non là nước non trời,
Ai phân được nước, ai đời được non !*



ĐẤT NƯỚC trên bốn ngàn năm, dân tộc hơn hai mươi triệu, lịch sử chánh thức đã nêu lên :

*« ... Có thịnh, có suy,
Hang sâu, núi cả có khi đời đời.*

(1) Nội-tán, tức là Đào - Duy - Từ, người đã xây lũy Nhứt-Lệ và đồn Trường-Dục để phân hai địa phận của Chúa Trịnh và Chúa Nguyễn.

(2) Hàng là cửa Hàng : Tourane, Quảng - Nam

(3) Sông Cú - Nhí là một con sông trong 9 con sông từ cửa Hàng vào đến Chợ Củi, Điện-Bàn và thông bên nguồn hơn 100 cây số (theo ô. Tùng-Lâm, Báo Thần-Chung, 6-5-54)

(4) Đường Bông - Miêu do người Pháp đắp từ huyện Hoà-Vang lên mỏ vàng Bông - Miêu. (cũng theo ô. Tùng-Lâm)

(5) Có nghe hát : « giả như Kim - Trọng. Túy-Kiều thuở xưa » thay vì : « gắng công »

(6) Mỹ, tức Mỹ-Tho.

Trước sau lính lại trăm đời,
 Có trời, có đất, có người chủ trương.
 Khai tiên là họ Hồng-Bàng,
 Thục thay, Triệu đổi, thường thường
 suy đi.
 Rồi ra hợp hợp chia chia,
 Trái Đỉnh, Lê, Lý, Trần, Lê mấy đời.
 Thiếu chi chuyện vãn đầy vơi ?
 Hiếm điều đặc thất, hiếm người
 thị phi ».

(Đại-Nam Quốc Sử Diễn Ca
 bản của Hoàng-Xuân-Hân)

Nhưng dân tộc, ăn trong tình yêu vợ
 chồng, đã nói lên tình yêu ĐẤT NƯỚC,
 nói lên tấm lòng kiên trung đối với
 ĐẤT NƯỚC :

Non non, nước nước, khơi chừng,
 Ai ân đôi chữ xin đừng có quên.
 Tình sâu mong trả, nghĩa đền,
 Đừng vui chốn khác mà quên chốn này !
 Nước vơi, rồi nước lại đầy,
 Tình kia chưa trả, nghĩa này chớ quên !

THUẦN-PHONG

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S . O . A . E . O .)



DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
 — Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

Notre service technique d'application est à la disposition de la
 clientèle pour toutes études et installations.

NHẬP THIÊN THAI

của Vũ - khắc - Khoan

Cô - Liều



Đã lâu lắm, lâu lắm, con người văn nghệ của tôi bỗng đứng từ biệt ra đi không kèn không trống. Nhớ lại ngày biệt nhau là ngày ở Saigon, người ta hề nhau đưa phim SADKO lên hàng một nghệ phẩm giá trị đề đề cao những cái ngớ ngẩn, lỏng lẻo về bố cục, thô sơ, khuôn sáo về tâm trạng nhân vật, tóm lại những cái quá ư tầm thường của một nghệ thuật sơ đẳng. Ngày ấy là ngày nhà văn Sao-Mai gửi lại tặng bà con Hà Thành cuốn « Nhìn xuống » rồi lẳng lẳng ra đi. Rồi các bộ môn văn học khác, hầu như bị những danh từ xây dựng và lành mạnh ám ảnh quá, nên ngập ngừng nói không lên tiếng.

Ôi ! Khó lý hội thay là ý nghĩa chân thực của những danh từ ấy !

Nhưng một ngày kia, dưới trời gay gắt nắng hè, tôi mở một cuốn sách ra coi, mà bắt đầu đọc ngay những trang cuối, trúng bài Nhập Thiên Thai của Vũ-khắc-Khoan. Đọc trang đầu tôi đã muốn kêu lên :

— Biết rồi, khổ lắm, nói mãi !

Lại chuyện Cộng sản. Nhưng trang nọ tiếp trang kia, tôi đọc một hơi hết. Trang cuối cùng đã lật đi mà bài văn còn đề lại một cảm giác chơi vơi, phiêu bồng. Không có vấn đề cú pháp, hình ảnh, danh từ, phân tích tâm lý ; không có những vấn đề ấy vì người ta đứng trước một hình thái văn chương khác hẳn những hình thái văn thường

thấy hàng ngày. Chỉ có hơi văn man mác, chỉ có khí văn lướt nhẹ, để người đọc lý hội chân lý toàn một khối. Mà chính vì thế mà tôi phải viết bài này.

CÂU CHUYỆN

Câu chuyện cũng không phải là câu chuyện mới lạ. Nhập Thiên Thai là một câu chuyện cổ — chuyện hai chàng Lưu Nguyễn lạc vào động tiên — đem trình bày với những cạnh khía riêng, theo quan niệm của tác giả.

Một ngày kia hai chàng được thỏa nguyện, nhưng than ôi ! đến cõi tiên, họ đến trước một sự thật ngao ngán : người tục không phải sanh ra để sống ở cõi tiên. Các nàng tiên đã diệt hết tình, không biết yêu, đương rung cảm là chi hết, họ không còn là người. Mắt xanh gợn sóng, nụ cười hoa nở chỉ để hòa nhịp với tiếng thông reo, quên nhạt mà thôi. Hai chàng đã cầm những bàn tay như bàn tay bằng đá, ôm ấp những pho tượng đồng. Khờ nữa ! Gia pháp động tiên nghiêm ngặt bắt họ ngừng sự yêu thương ở chỗ ấy không được đi xa hơn. Chẳng bao lâu, những áng nhan sắc tuyệt vời trở nên những vật trêu người, những cái gai trước mắt, những quả cây cấm, càng chọc cho Lưu Nguyễn thêm bức mình, cuốn gói trở về thì cảnh cũ người xưa đã không còn, vì đã 600 trăm năm qua rồi. Hai chàng khóc chán lại cười, cười chán lại khóc. Khóc khóc, cười cười, phải chăng đó là hình ảnh muôn thuở của kiếp phù sinh !

QUAN ĐIỂM TRIẾT LÝ

Nhà văn Armand Lanoux, người chiếm giải Interallié 1956, có nói rằng :

« Văn chương cũng là một phương tiện để thăm dò cõi mệnh mông của học văn ».

Quan niệm như thế thì thiên chuyện này đã biết văng mình vào thám thính một địa hạt thâm sâu của nhân thức. Triết lý và khoa học, với phương tiện thực nghiệm và lý luận, không thể làm được vì còn phải uốn mình vào khuôn khổ những kỷ luật khắc khổ.

Lời văn thánh thót gợi cảm giác chơi vơi phiêu bồng đã giúp nhiều cho tác giả đạt được mục đích, là đưa con người phiêu lưu vào cõi hư hư thực thực của tiềm thức.

Nhưng chính chỗ thành công của tác giả lại phản bội tác giả. Là vì tác giả vô tình đề cao một ý tưởng mà chính tác giả đề nghị vạch rõ sự sai lầm. Tác giả đem Thiên Thai là cuộc sống lý tưởng, cõi đời tuyệt đối, đề ngụ ý nói thế giới đại đồng của Mác-xít, thành ra cho văn minh Mác-xít là một tuyệt đối, một vô thượng.

Thực ra, thế giới đại đồng của Mác-xít không phải là một tuyệt đối, mà chỉ mới là một tương đối. Vì rằng Mác-xít từ khước những giá trị tinh thần và vật chất của văn minh cổ hữu, còn đang lập ra những giá trị khác để thay thế, cái ấy mới là tương đối. Bao giờ văn minh Mác-xít được thành toại, thế giới đại đồng có thực và đủ thời gian tiềm nhiễm vào tiềm thức con người, bấy giờ mới có thể quan niệm được cõi đời lý tưởng của họ, cái đó mới là tuyệt đối, cái đó mới có thể ví với Thiên Thai là cái tuyệt đối của nếp sống tự do.

Thực ra, Mắc-xít chỉ lật ngược những giá trị tinh thần và vật chất cố hữu, chứ chưa có sáng kiến gì mới lạ. Một vài thí dụ : Mắc-xít lấy mâu thuẫn nội tâm là động lực của tiến hóa, trong khi chúng ta chủ trương tiến hóa là cố gắng dung hòa hay xóa bỏ những mâu thuẫn nội tâm, đề lập ra một thể quân bình. Thể quân bình ấy luôn luôn tạo ra và luôn luôn bị vượt, do đó có tiến bộ. Mắc-xít lấy đoàn thể làm cứu cánh, con người làm phương tiện, chúng ta lấy con người làm cứu cánh, đoàn thể làm phương tiện. Tất cả chỉ là một sự đảo ngược trên mọi hình thức, trong mọi lãnh vực hoạt động và tổ chức mà thôi. Như thế, Mắc-xít ruồng bỏ là ruồng bỏ những giá trị tổ chức của xã hội cũ chứ vẫn thừa nhận những nguyên lý cơ bản như những phát minh khoa học, những khám phá về tâm lý học. Họ lấy làm nguyên liệu để kiến trúc tòa nhà khác. Tòa nhà ấy chưa thành hình, vì thế họ chưa có thể ý niệm được một tòa nhà lý tưởng theo mẫu của họ.

Lỗi lầm của tác giả là so sánh cái tuyệt đối với cái tương đối, vì thế không thể làm công việc so sánh ấy, mà kết cục là vô tình đề cao một « bản dự thảo về nhân sinh » mà giá trị học thuật chưa được xác định.

SỰ THÀNH CÔNG CỦA TÁC GIẢ

Điểm thành công của tác giả về văn chương là điểm tôi muốn nhấn mạnh. Cá tính văn nghệ của nhà văn họ Vũ cần có một sự phân tách tâm lý. Văn ông nhuốm một thi vị tâm lý. Văn ông nhuốm một thi vị đặc biệt của Á - Đông : chữ, lời, hình ảnh, âm

thanh, bút pháp, tất cả đều chìm trong cái nhịp điệu huyền ảo của toàn diện bài văn. Tiềm thức con người trực tiếp liên lạc với thiên nhiên nhờ cái sinh khí sáng tác của thi sĩ. Vì thực ra Nhập Thiên Thai chỉ là một bài thơ bằng văn xuôi.

Kỹ thuật viết văn ngày này có một hình thái đặc biệt. Văn nghệ Á-Đông, từ Trung-Hoa đến Nhật-Bản, qua các nước khác ở Đông-Nam-Á, đều in hằn kỹ thuật Tây phương, đó cũng là một hình thức xâm lấn của văn minh Âu - Tây. Kỹ thuật Tây phương rõ rệt trên sân khấu, trong âm nhạc, hội họa, văn học. Đó là một cái mốc của thời đại mà các dân tộc phóng theo, chưa nêu lên vấn đề giá trị của những kỹ thuật ấy.

Về văn chương, qua các xu hướng lãng mạn, tả chân, tả thực, hiện thực, siêu thực, v. v..., người ta nhận thấy một hình thái chung của văn nghệ Tây phương dường như là sự phân ly giữa ý niệm và sự vật. Kỹ thuật của văn nghệ sĩ là biểu hiệu cái chân tướng của sự vật, qua những màu sắc và hình tượng tạo ra bởi những ý niệm về sự vật. Đông phương không biểu hiệu chân tướng của sự vật qua ý niệm về sự vật, mà qua ngay sự vật. Đông phương đã nhìn thẳng vào cái lý cao minh của sự vật, cho nên chất văn nghệ không nặng nề về hình thức, mà thanh thoát hòa mình vào sự vật, để làm thể hiện chân tướng. Văn chương và sự vật là một toàn bộ để người đọc lĩnh hội một chân lý.

Nói ngay một văn phẩm Việt-Nam như truyện Kiều. Kiều không tượng

trung cho một xu hướng nào nhất định, nhưng nếu đem phân tích thì người ta thấy có những xu hướng lằng mạn tinh vi, có những xu hướng tả thực, tả chân, điền hình. Nhưng tất cả những chi tiết đó đều chìm trong cái sinh khí sáng tác làm cho tác dụng của văn chương là tác dụng toàn bộ. Đó là tinh thần văn nghệ Á-Đông, do cơ cấu tinh thần đặc biệt của những dân tộc quan niệm một cuộc sống gần thiên nhiên.

Điều thứ hai tôi muốn nói đến, là địa vị của văn chương trong khung cảnh xã hội ngày nay.

Các nhà tâm lý xã hội học cho rằng văn nghệ liên lạc mật thiết với nhu cầu của đời sống và tâm trạng của một dân tộc. Sự thay đổi khung cảnh sống và tâm trạng con người dẫn theo sự chuyển hướng của văn nghệ, do đó thời đại nào có giai phẩm của thời đại ấy.

Phải chăng người xưa bị tín ngưỡng khu xữ, mỗi bận tâm quan trọng nhất của họ là thờ cúng. Trung tâm văn hóa của người ta là đền miếu. Vì thế kiến trúc và điêu khắc về thờ cúng này nở đến mức độ tinh vi, ngày nay không có tác phẩm nào bì kịp. Thi ca, hội họa, cũng có thời đại của chúng rồi. Người ta nghiệm thấy nửa đầu thế kỷ này hội họa xuống, ấy là vì người ta trở lại xử dụng kỹ thuật của một thời đại đã qua, mà diễn đạt tâm tình của một thế hệ không giống trước kia về quan niệm đời sống cũng như về tâm trạng. Đối tượng của mỹ thuật ngày xưa, nay đã hóa ra những cái phù phiếm

vô dụng, không thể cấu tạo nên chất văn nghệ có sinh lực.

Theo sự nhận xét của nhà triết học Gustave Lebon, thì các dân tộc trẻ trung thường tiến mạnh về phương diện văn học mỹ thuật, các dân tộc đã già quay về với những sáng tác có tác dụng thực tiễn, chính trị, binh bị.

Thời đại của chúng ta bị bao vây bởi cái tinh thần khoa học, nghệ thuật của chúng ta sẽ nhiễm tính cách cơ khí. Kiến trúc của thời đại này không phải là đình miếu mà là những tòa nhà chọc trời, là cầu cống, xưởng máy. Mỹ thuật của thời đại này không còn là vẻ đẹp của pho tượng, bức tranh, mà là vẻ đẹp của tàu bay, xe hơi. Văn nghệ của thời đại là cuốn phim màu, nôi hình, đại vĩ tuyến.

Sự chuyển hướng chung của nếp sống kim thời dẫn theo sự chuyển hướng của văn nghệ, có lẽ vì thế mà diễn tả tư tưởng bằng những kỹ thuật của thời xưa như văn, thơ, họa, không có sức hấp dẫn, bằng kỹ thuật của thời đại như điện ảnh. Quan niệm như thế thì trước sự phát triển của những kỹ thuật kim thời, đời sống của nhà văn, thơ, truyện, đếm từng ngày rồi. Nhưng nói vậy e sớm quá, vì con người chưa hóa ra cái máy bằng xương thịt, thì điện ảnh còn thô sơ, còn bất lực về nhiều phương diện như diễn tả tâm tình. Bao giờ điện ảnh có khả năng phát ra những sóng điện ảnh hưởng đến trí não, đề trực tiếp làm cho người xem hiểu những tác động tâm lý của nhân vật trên màn bạc, thì nhà văn mới phải xếp bút.

Tuy nhiên, nếu muốn theo kịp thời đại, muốn cạnh tranh với kỹ thuật mới, muốn kiếm mảnh đất đứng đề tròn sứ mạng với văn minh, văn chương phải tự tạo lấy một hướng đi, phải biết nhận định đâu là lãnh vực của mình. Vấn đề của chúng ta, trong quan niệm phát huy một nền văn hóa Á - Đông, lại còn là vấn đề kiểm điểm lại những giá trị kỹ thuật văn nghệ Đông Tây — tôi muốn nói những xu hướng văn nghệ, những

bút pháp nói ở trên kia. Chính vì đọc Vũ-khắc-Khoan mà tôi có ý nghĩ này.

Có người sẽ nói : bàn về văn nghệ chung có thể là xa xôi, viển vông, trong khi tình hình Việt-Nam lúc này đòi hỏi mọi người tập trung tư tưởng vào vấn đề văn nghệ cứu quốc.

Để trả lời sự thắc mắc ấy, chúng tôi thiết tưởng tìm hướng đi cho văn nghệ của ta trong sự chuyển hướng lớn lao của văn nghệ thời đại, cũng là một cách mở thêm đường lối, tìm nguồn cảm hứng cho văn nghệ cứu quốc, vì vấn đề tác dụng văn nghệ, vấn đề đối tượng của văn nghệ, vấn đề kỹ thuật văn nghệ, cũng chỉ là một cạnh khía của vấn đề tìm hướng đi cho văn nghệ.

ĐÍNH CHÍNH

Trong bài « XÁC ĐỊNH NGUYÊN NHÂN CỦA CUỘC KHỦNG HOẢNG », đăng Bách Khoa số 16 có mấy chỗ sai lầm, xin sửa lại như sau :

Trang 2, cột trái, giòng 16 : Tiến bộ, xin đọc là : Tiền tệ.

Trang 2, cột trái, giòng 23 : đồng bào, xin đọc là : đồng đảo.

B. K.

Cỏ-Liêu

★ TA hãy khảo cứu lịch sử, vì khảo cứu lịch sử giúp ta biết được rất nhiều thành kiến.

GABRIEL PALAU

★ THÀNH công, đó là cách khuyến khích ta cố gắng làm những việc lớn lao hơn nữa.

Thất bại, đó là cách cổ lệ ta làm lại việc ta đã làm, với nhiều hy vọng hơn.

GABRIEL PALAU

TRANVANTHI

Số 7, đại-lộ Nguyễn-Huệ (lầu ba) — SAIGON

Hãng xuất nhập-cảng - Số vốn VN\$ 3.000.000

Xuất-cảng : Ngũ-cốc và nông-sản khác.

Nhập-cảng : Thực-phẩm, hàng vải, kim khí, đồ đồng, đồ sắt, đồ điện, các loại máy.

ĐẠI - LÝ ĐỘC - QUYỀN

- | | |
|------------------------------|------------------------------------|
| ZUNDAPP DELPHIN (Đức) | — Máy gắn ghe lườn và tam bản. |
| BAUSCHER (Đức) | — Máy kéo diesel, nằm và đứng. |
| FACIT (Thụy-điển) | — Máy tính, quay tay và chạy điện. |
| ROCKET (Nhật-bồn) | — Máy làm nước đá và cà-rem. |



1957

Ráp tại Việt-Nam

TỔNG PHÁT - HÀNH

CÔNG-TY VẬN-TẢI **PHI-MÃ**

9, - Phạm - hồng - Thái — SAIGON

Điện-thoại : 21.670

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

CẢI CHÍNH

Trong Bách Khoa số 18, có nhiều chỗ sai lầm, xin đính chính lại như sau, và thành thật cáo lỗi cùng độc giả :

★ Bài « Ché độ dân chủ cò điển : nước Anh » :

— Trang 4, dòng thứ tư bên phải :

« Khi quếp . . . thật sự », xin đọc là :

« Khi đến với một nhà luật sư, họ sẽ đi đến một viện có quyền «hãm» lại trong một tháng. Quá hạn đó, nếu qui tắc viện không đơn thuần chấp thuận dự luật đã đưa lại nghị viện biểu quyết, vẫn được đệ lên nhà vua thừa chuẩn và trở thành đạo luật thật sự ».

— Trang 5, dòng 15, bên trái :

« đều được nhà thừa chuẩn cả », xin đọc là : «Đều được nhà vua thừa chuẩn cả ».

— Trang 5, dòng 16 và 28 bên trái :

« kiểm soát », xin đọc là « kiểm sát ».

★ Bài « Nhạc phương Đông, nhạc phương Tây » :

— Trang 20, cột 2, dòng 9 :

Run giọng, xin đọc là rung giọng.

— Trang 21, cột đầu, dòng 13 :

Cô gái dò, xin đọc là : cô lái dò.

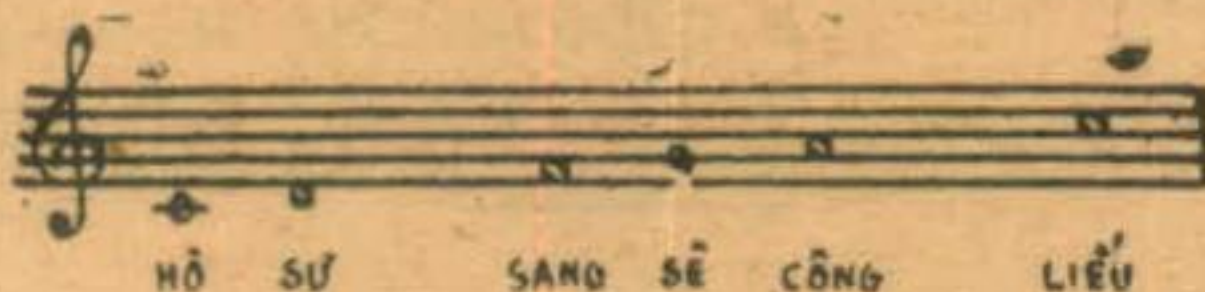
— Trang 22 cột đầu, dòng 3 :

Luận, lữ, xin đọc là : luật, lữ

— Trang 22, cột đầu, dòng 28 :

Một bộ, xin đọc là : một bộ.

— Trang 23, bản vẽ « âm giai ngũ cung », xin sửa như sau :



— Trang 24, cột nhì, dòng 10 :

Trung Lữ, xin đọc là : Trọng Lữ

B. K. 16

— Trang 27, cột đầu dòng 20 :

Cược-xát, xin đọc là : Cuộc Zắc.

— Trang 29, cột nhì, dòng 25 :

Bồng các anh cho hay rằng, xin đọc là : Bồng các anh cho rằng.

— Xuất xứ (4) : Papley, xin đọc là : Popley.

— Trang 30 cột đầu, dòng 28, mở dấu ngoặc trước chữ (giữa các nước... và đóng lại sau chữ chẳng hạn).

B. K. 17

— Trang 28 :

— Xuất xứ (1), xin đọc là : Lễ-ký, trang 90

• (3), Belviannes, trang 63-64, xin đọc là : 3

• (4), Belviannes, trang 62, xin đọc là : 64

• (5), Trang 64, xin đọc là : Belviannes, trang 65

✱ Bài « Trần-Hung-Đạo » :

— Trang 42, hai hàng cuối cột 1, và vài hàng đầu cột 2, xin đọc :

« Công sở nghỉ việc; học đường nghỉ dạy. Không xem ngày lễ này như một ngày chủ nhật, tôi mong được dự vào một cái gì để sống lại chút nào cái không khí lịch sử hơn sáu trăm năm về trước, để cho tâm hồn nhuần gội cái hào khí của ông cha ... nhưng tôi đành chịu ».

— Cuối trang 42, cột 2, và đầu trang 43, cột 1, xin đọc :

« Vì nhiều người đã thờ, đã cúng, đã kỷ niệm người đuổi giặc xâm lăng Bắc phương với tinh thần ... vụ lợi, tôi muốn nói tinh thần mê tín, dị đoan.

— Trang 46, chú thích (8), xin đọc :

« Hi-Ứng dịch bài «Bạch-đăng-phú» của Trương-Hán-Siêu.

✱ Trang 47, trong danh ngôn của GUIZOT : kẻ bàng quang, xin đọc là « bàng quan »

✱ Chuyện «Chim Họa mi và bông Hường đỏ» :

— Trang 57, cột 2 xin đọc :

« Suốt buổi chiều, tôi lòng khắp vườn, chẳng gặp một bông nào đừng nói chi đến một bông hường tươi thắm.

— Trang 58, cột 1, dòng 25 và 26 ; « chỉ khiêu vũ với một mình tôi thôi, nàng đã hứa thế ».
Cũng trang đó, cột 2 dòng 20 và 21 ;

« Tối mai, giàn nhạc sẽ trôi những bài mơn trớn, mê hồn »

— Trang 59, cột 2, dòng 13, : «... và trắng như lòng người trinh nữ ngập ngừng ở ngưỡng cửa Tình Yêu».

Bao giờ, dù sao, ta cũng chỉ là người .

K Ể khiêm nhượng không bao giờ khinh rẻ anh em, và khi thấy anh em sa ngã, không những không bao giờ lên án mà lại lấy đó làm cơ hội để hạ mình.

Vì theo thánh Augustin, không có tội lỗi nào anh em phạm mà ta lại không thể phạm được. Có vị ẩn sĩ mỗi khi nghe nói người nào sa ngã thì khóc rưng rức, ông nói : « hôm nay người ấy sa ngã thì mai có thể sẽ tới phiên tôi, tôi cũng là người như người ấy vậy ». Bởi vậy người thật biết mình không hề dám khinh rẻ ai và giận dữ ai. Có một vị ẩn sĩ khác tự thú đã nghiêm khắc xét đoán kẻ khác ba lần thì đã ba lần sa ngã trong những trường hợp tương tự.

Âu cũng là trời muốn nhắc ông bao giờ và dù sao, ông cũng chỉ là người.

NGUYỄN

VĂN - QUANG



NGƯỜI con gái nhìn chúng tôi mỉm cười như thường lệ. Tôi biết nụ cười hồn nhiên ấy không có ý chế giễu, không có một ác ý nào ngoài sự ca tụng mỗi tình đậm thắm của chúng tôi. Bởi vì mỗi sáng chúa nhật, tôi thường hay đợi Hằng của tôi ở đầu ngõ và sáng chủ nhật nào Hằng cũng đến tôi vào đúng tám giờ. Mỗi tình của chúng ôi cứ êm đềm như một dòng sông nhỏ không sóng gió. Mỗi lần tiễn Hằng ra về, chúng tôi thường nắm tay nhau đi dưới hàng cây, và lần nào cũng vậy, chúng tôi thường bắt gặp nụ cười hồn nhiên của người con gái ấy.

Hằng thường bảo tôi:

— Cô ấy đẹp đấy chứ, anh nhi ?

Tôi thì tôi nhận thấy rằng nàng có duyên nhiều hơn là đẹp. Đôi mắt long lanh hình như trong sáng lắm thì phải, nhút là hàm răng trắng muốt với nụ cười của nàng ám ảnh tôi hoài. Đã bao nhiêu lần tôi đem nụ cười ấy so sánh với bất cứ nụ cười nào tôi gặp, ngay cả Hằng của tôi, tôi vẫn thấy nụ cười của nàng tuy chất phác như con người, nhưng có một sức thu hút lạ lùng. Vì vậy tôi đã khát khao được ngắm nét môi nàng cười. Và rất có thể tôi sẽ say mê như một họa sĩ say mê tác phẩm đầu tay. Tôi biết là không đời nào tôi lại yêu nàng, không đời nào nàng lại yêu một người khác, hoàn cảnh quá xa như tôi, ý nghĩ

ấy khiến tôi có thể tự do giao thiệp với nàng mà không hề nghi ngại. Nhưng tôi đến ở đây đã gần một năm, nhà tôi ở cách nhà nàng hai gian phố hẹp, thế mà mãi đến hôm qua đây tôi mới có dịp làm quen. Tôi biết tên nàng là Nguyễn, nhưng chỉ mới được gọi tên nàng hôm qua. Nguyễn nói chuyện dí dỏm và bạo dạn. Nàng nhìn rất thẳng thắn khiến những người được nhìn phải e ngại và kính trọng.

Sáng nay, sau khi tiễn Hằng về, tôi trở lại chiếc quán nhỏ của Nguyễn để hy vọng lại được thấy Nguyễn cười. Quả nhiên, vừa thấy tôi, Nguyễn đã đón dả hỏi ngay :

— Đúng mười giờ ba mươi phút phải không ông ?

Tôi dơ tay xem đồng hồ. Nguyễn đã tỉnh quái tiếp ngay :

— Đúng chưa ?

— Vâng, đúng...

— Tôi biết, bởi vì lần nào ông cũng tiễn cô ấy về vào giờ này. Đẹp đôi quá ! Cô ấy xinh đấy chứ, ông nhỉ ?

Tiếng Nguyễn như một thứ tiếng chim líu lo mà nhẹ nhàng, vui vẻ nhưng êm ấm, rộn ràng nhưng trong sáng. Tôi định nói : « Cũng không đẹp bằng cô », nhưng sợ rằng câu nói ấy là suông sã nên tôi lại thôi, tôi lại nhìn Nguyễn... rồi im lặng. Nguyễn không để cho tôi im, nàng nói ngay :

— Hạnh phúc của ông cứ êm đềm như một dòng sông nhỏ không sóng gió. Người ta bảo « tình chỉ đẹp, những khi còn dang dở », tôi thì không tin thế, ông ạ.

Tôi kinh ngạc, không ngờ rằng người con gái này lại có thể nói được những câu văn hoa như thế, lý luận một cách tinh tế như thế. Ngồi xuống chiếc ghế kê bên một góc bàn để dựa lưng vào bức tường bằng gỗ cũ, tôi đỡ ly nước trên tay Nguyễn, tôi chợt nhận thấy Nguyễn đeo một chiếc nhẫn đã cũ, nhưng còn rõ nét chữ. Tôi không nhận rõ nét chữ ấy là chữ gì. Tôi cũng không dám hỏi Nguyễn, tôi chỉ thấy le lói một cái gì khác lạ.

Nguyễn vẫn tiếp câu chuyện của tôi :

— Bao giờ ông định cưới ?

— Chưa biết cô ạ. Bởi vì tôi...

— Ông chưa thích ?

Tôi gật đầu thú nhận. Nguyễn cười ròn tan :

— Tuổi các ông phần đông là như thế cả. Một là lấy vợ từ năm hai mươi, hăm một, hay là đợi đến ba mươi hay xít xóat ba mươi. Làm sao thế, ông nhỉ ?

Tôi không trả lời được Nguyễn câu này vì chính lúc này tôi mới để ý đến lớp tuổi chúng tôi. Có lẽ Nguyễn đã nói đúng. Tôi trả lời một câu gần như vu vơ :

— Tôi hai mươi lăm rồi.

— Hai mươi lăm ? Ồ, hai mươi lăm... tuổi đậu.

Tiếng Nguyễn hỏi như có một động lực nào từ nội tâm, nó mạnh bạo nhưng yếu dần đi. Tôi hỏi lại :

— Vâng, tuổi đậu, Cô ngạc nhiên lắm sao. Tôi già trước tuổi quá chẳng ?

Nguyễn hơi bối rối :

— Không... à không... tôi tính tuổi cho ông đấy chứ.

Rồi Nguyễn xóa hẳn nét trầm tư thoáng qua khuôn mặt, nàng lại duyên dáng tiếp :

— Tuổi đậu là tuổi con gà đấy ông nhi. Đàn ông mà tuổi gà là... anh hùng lắm. Ông xem, con gà sống có oai phong, lắm liệt không. Nhưng... ông ạ, phàm đã là « anh hùng » thường hay vất vả, giang hồ, nhất là tình duyên phải biết là rắc rối.

— Cô nói như một thầy bói tử vi. Số tôi vất vả từ hồi còn bé và cũng giang hồ từ năm 17 tuổi. Còn tình duyên thì chấp nối năm bảy lần vẫn chẳng đi đến đâu.

— Thế lần này ?

Tôi lắc đầu :

— Chưa biết ra sao, cô ạ.

Nguyễn lại cười :

— Tôi thì tôi biết ra sao rồi đấy. Tôi tin là lần này ông sẽ không viết : « *Truyện trăm năm vẫn chưa thành. Quàn quanh viết mãi chuyện mình cô đơn* » nữa. Tôi xem câu ấy trong một tờ báo mà ông đã viết cách đây vài tuần. Tôi không tin như thế. Bởi vì ông đã lăn lộn nhiều với cuộc sống rồi, ông yêu nhiều lắm rồi phải không ? Ông đã từng bị phản bội.

Nguyễn lại ngừng lại, nhìn tôi mỉm cười, tôi gật đầu, nàng tiếp :

— Và đã từng phản bội người ta nữa. Bây giờ ông chán những trò hú tìm ấy và ông quay về với cuộc sống nội tâm của bản chất nghệ sĩ của ông. Để rồi ông lại yêu và lại yêu rất say mê, rất chân thành. Ông đã yêu « cô ấy », yêu như mối tình đầu thơ dại, thật ra

khi yêu người ta thơ dại cả, nhưng dang này mối tình đầu ở một lần yêu cuối cùng thì nhất định... nhất định sẽ thành.

Nghe Nguyễn phân tích cuộc đời tôi như một giáo sư giảng tâm lý học, tôi bỗng cảm thấy mình bé đi trước Nguyễn. Tôi không chối cái gì với Nguyễn vì rằng tôi hiểu nàng biết tôi quá rõ ràng. Tôi tưởng tâm tình tôi chỉ có Hằng của tôi biết, chỉ có tôi biết. Nhưng thật ra lòng tôi lúc nào cũng trống trải lắm. Muốn hiểu tôi, người ta chỉ việc đọc tôi, chỉ việc tìm tôi qua vài hàng chữ, chỉ cần xét qua cuộc sống của tôi. Cuộc sống luôn luôn cởi mở, bởi vì tôi trót sinh ra để thích tự do, và thích tự do là bằng lòng cởi mở một cách chân thành. Tôi nghĩ thế, nên không cần biết tại sao Nguyễn lại có thể hiểu tôi quá tường tận như vậy. Tôi không còn ngỡ trước những câu nói ý nhị của Nguyễn nữa, tôi tin rằng Nguyễn không phải là người con gái tầm thường như tôi tưởng, nàng không phải chỉ đẹp bề ngoài, mà cái tâm hồn kia tôi chắc còn đẹp hơn nhiều. Có lẽ Nguyễn cho là tôi chưa hiểu nàng, tôi đang ngạc nhiên vì lối xét đoán của nàng, nên nàng giảng giải thêm :

— Ông ạ, chính tôi đã gặp trường hợp ấy. Trường hợp của một người nghệ sĩ đã... yêu tôi và chúng tôi đã yêu nhau đến rồi yêu nhau mãi mãi. Nhưng bây giờ thì...

Nguyễn im lặng, đôi mắt đẹp trở thành một đôi mắt nào nùng. Tôi tìm thấy một hình ảnh tan vỡ loang trong ánh mắt. Nguyễn cố lãng chuyện cũ, cố quên

chuyện cũ, tôi thì cố đòi nghe bằng được. Tôi khấn khoản nói với nàng :

— Tôi kính trọng tâm tình cô, cô Nguyễn. Cô không thể coi tôi như một người bạn hay sao ?

Giọng Nguyễn nhỏ và ảm lại :

— Vâng, tôi mến ông bởi vì ông là một người rất giống người tôi yêu trước kia. Mỗi tình của ông và « cô ấy » cũng gần như mỗi tình của chúng tôi.

Ngừng một lát như để suy nghĩ điều gì hay là để tìm lại dĩ vãng, nàng lắc đầu :

— Thôi, ông ạ, chuyện của tôi chẳng có gì đáng nói và chẳng có gì đáng viết. Nó chỉ là một chuyện tình, một chuyện tình ủy mị. Quên đi là hơn, chôn đi là hơn. Tôi nghĩ, nó lỗi thời rồi.

Tôi ngoan ngoãn nghe theo Nguyễn, tôi biết rằng Nguyễn đã đối với tôi bằng một cảm tình đặc biệt của người bạn tâm đầu ý hợp. Muốn biết chuyện nàng không khó, bây giờ chưa phải là lúc kể lại mà thôi. Tôi chào Nguyễn ra về, lần đầu tiên Nguyễn cười với tôi bằng một khoảnh khắc gương gạo, nổi buồn thoáng đi như một cơn mưa bóng mây.

Thế rồi một chiều, tôi đã đến với Nguyễn đúng lúc, Nguyễn cũng biết trước rằng thế nào nàng cũng phải kể với tôi câu chuyện tâm sự của đời nàng. Chúng tôi ngồi trong một căn phòng nhỏ hẹp, thiếu ánh sáng nhưng có hoa có lá đơn sơ trên bức tường gỗ mộc, có cả một bức họa giai nhân trong khung kính treo ở một góc tối đầu giường. Nguyễn ngồi gần tôi hơn, đến nỗi tôi có cảm tưởng như nghe rõ từng hơi thở, giọng Nguyễn hơi lạc đi ;

— Ngày xưa, chúng tôi cũng hay ngồi với nhau thế này đây, anh ạ.

Hoà yêu tôi lắm, tình yêu say mê cũng như anh với Hằng. Chỉ khác cái là chúng tôi không được tự do đi bên nhau, không có nhiều thời giờ tâm sự mà thôi. Chúng tôi bị cấm đoán, bị giam hãm, phải lén lút gặp nhau...

— Tại gia đình Nguyễn hay tại gia đình Hoà ?

— Không, không tại gia đình, không tại ai cả. Tại thời thế 'anh ạ.

— Thời thế ?

— Vâng, thời thế...!

Đôi mắt Nguyễn ướm át một cách đáng yêu, tôi tìm dĩ vãng nàng trong đôi mắt ấy. Tiếng Nguyễn nhỏ nhẹ như một hơi gió dài buồn mênh mang :

— Chúng tôi gặp nhau trong một nhà tù. Chúng tôi đều là « chính trị phạm », mặc dầu chưa từng biết thế nào là chính trị. Người ta bắt chúng tôi trong một cuộc hành quân. Thế là chúng tôi trở thành những người tù chính trị ! Chúng tôi ở trong tù lẫn lộn với hàng trăm thứ người khác nhau, nhưng chúng tôi vẫn gặp nhau để rồi yêu nhau. Hoà là một họa sĩ, một hôm trong buổi làm « có vẽ », Hoà nhìn tôi rất lâu rồi đến làm quen. Sau đó Hoà vẽ một bức tranh « sinh hoạt trong tù ». Bức tranh đẹp lắm, tôi thấy người ta khen thế. Bức tranh vẽ trên giấy lộn của một bao bánh bisquit, và chỉ có màu đen của than, màu hồng của gạch non và màu đỏ của máu. Hoà giảng cho tôi cảnh sinh hoạt trong tù thật là tế nhị. Ông bác sĩ là hiện thân của một thứ bệnh tật, tiêu tụy ; chàng văn nhân thì trở nên một triết

nhân hung hăng vui tính ; anh du côn lại là một anh hùng nhất khoảng, một anh hùng đáng kính phục ; còn anh hoạ sĩ như Hoà thì lại trở thành yêu đời ghê gớm. Nhà giáo hiền lành trở nên một thứ đáng thương hại... Cái « xã hội nhà pha » ấy lột trần được tất cả sự thật, một mặt trái của cuộc đời.

Nguyễn ngừng lại như đề cổ lục lại những kỷ niệm cũ :

— Thế rồi Nguyễn yêu Hòa từ đấy ?

— Vâng, có lẽ thế. Tôi yêu Hòa vì trong bức tranh tôi nhận thấy một nét son đỏ như máu, nét son nổi lên như ánh mặt trời. Tôi hỏi, Hòa chỉ nói là môi son của Nguyễn đấy. Tôi và Hòa đã yêu nhau thầm lặng, chúng tôi gặp nhau trong một buổi làm đêm gần phi trường, tình yêu cời mở, và chúng tôi đã ngồi với nhau như thế này, ngồi như thế này dưới một đêm sáng trăng.

Tôi giật mình nhích xa Nguyễn ; nhưng Nguyễn thì cứ ngồi sát vào tôi, nàng yên lặng đề tưởng rằng kẻ ngồi bên nàng là người yêu. Tôi phải đợi một lát Nguyễn mới nói tiếp :

Mối tình trong tù thật là đẹp anh ạ. Chúng tôi có một thế giới riêng. Chăm nom cho nhau từng manh áo cũ, từ một tiếng ho.

— Vâng, yêu nhau thì ở đâu chả sung sướng, hở Nguyễn. Cứ gì phải ở trong tù.

— Không, phải ở trong trong tù mới là tình yêu thật. Phải có một xã hội thật mới sống thật được.

— Thế Nguyễn định nói là tình yêu của tôi và Hằng là giả dối ?

— Không, tôi có định nói thế đâu. Trái lại tôi chỉ muốn anh nghĩ như anh đã viết. Vì... vì... nghệ sĩ bao giờ cũng đòi hỏi

nhiều quá, mà đòi hỏi nhiều quá thì không bao giờ được thỏa mãn, còn nếu thỏa mãn thì lại hết là nghệ sĩ. Cho nên những con người như anh lúc nào cũng phải ở tù. Ở tù phần thể xác thì tự do tâm hồn, ở tù tâm hồn thì tự do thể xác. Anh Hòa thường nói với tôi như thế. Phải rồi, năm ấy Hòa cũng chỉ hai lăm tuổi, bằng tuổi anh bây giờ. Cái tuổi đang làm việc rất khỏe và... yêu rất hăng.

Nguyễn cười nhẹ, hình như nàng cho là đã nói đúng tâm tình tôi. Tôi không trả lời, Nguyễn lại quay về với những kỷ niệm lộn xộn :

— Hồi ấy, có một bác sĩ được ra tù, ông ấy đến đòi mua bức tranh, nhưng Hòa không bán. Hòa bảo tôi rằng bức tranh trong tù nếu mang ra ngoài ánh sáng đô thành sẽ bị người ta cho vào tù lần thứ hai. Hay nếu không cho vào tù thì người ta cũng lợi dụng bức tranh ấy rằng «*ta đây cũng biết thương kẻ xấu số*», rằng «*ta đây cũng biết chơi tranh*».

— Con người đáng kính phục, phải không Nguyễn ?

Nguyễn lắc đầu :

— Chưa chắc đâu anh ạ. Cái khí khái của một kẻ ở tù lại khác, chớ nên tin vội. Anh có biết bức tranh ấy hiện nay ở đâu không ? Ở nhà ông bác sĩ : chưa chắc chưa anh !

— Tại sao. Tại sao lại...

— Vâng, nguyên do thế này. Chúng tôi gần nhau được ba tháng thì tôi được tự do. Trước khi ra khỏi nhà giam, chúng tôi đã hẹn ngày tái ngộ. Hòa đeo cho tôi một chiếc nhẫn rồi từ biệt nhau mỗi người một ngả. Tôi trở lại đây đề nối tiếp cuộc sống như anh đã biết. Còn Hòa thì

vẫn ở trong nhà giam, một tháng sau Hòa cũng được trở về. Tôi đón Hòa cùng với ông bác sĩ. Hòa đau ốm mà hoàn cảnh tôi thì nghèo túng. Ông bác sĩ mời Hòa đến ở. Chúng tôi không từ chối được vì tình thân đã được gắn bó từ một kiếp sống khác khờ. Chúng tôi tin ở tình thương yêu nhau. Hòa ở đấy rồi Hòa thay đổi, anh ạ. Tôi tưởng không cần kể lại chuyện đổi thay của Hòa vì chỉ là một chuyện dĩ nhiên. Khi người ta đầy đủ, khi người ta được hoàn toàn sung sướng thì người ta phải đổi thay.

— Cô cho cứ phải ở tù mới có thể có tình yêu chân chính hay sao ? Cô khinh giá trị thẳng người nghệ sĩ của Hòa đến thế kia à ?

Nguyễn nhìn tôi hiền từ như một người chị, nàng dịu dàng bảo tôi :

— Không, tôi chỉ yêu Hòa khi Hòa còn là một nghệ sĩ, còn là một kẻ luôn luôn bị dồn nén, luôn luôn đòi hỏi, luôn luôn phải cố vượt lên, con người nghệ sĩ đầy dục tìm

mọi lối thoát. Thề xác bị chà đạp thì tâm hồn vùng vẫy. Chứ bây giờ đã làm con bác sĩ giàu có, là sinh viên một trường luật khoa, tâm hồn phơi phới như một kẻ tự do, mãn nguyện, tôi không còn yêu Hòa nữa ?

— Nghĩa là cô cho rằng phải ở tù . . .

— Ít ra cũng thế. Hay là phải biết mình ở vào vị trí nào của cuộc đời.

Tôi nhìn Nguyễn như nhìn một người chị bí mật, nhiều tư tưởng kỳ quái.

Không biết rằng nụ cười của Nguyễn gửi cho chúng tôi mỗi sáng chủ nhật có dấu một ý nghĩ nào không ? Hình như đoán được ý tôi, Nguyễn lại cười.

. . . Tôi nghĩ đến bức tranh tù nằm trong một khung kính bóng nhẵn, treo trên tường nơi phòng khách nhà ông bác sĩ . . .

Saigon, tháng 9 năm 57.

VĂN-QUANG

Tác pháp tự tệ

NGƯỜI Thương - Ưởng đời Tần đặt ra luật cấm dân không cho người lạ vào trú nhà.

Đến sau, chính Thương-Ưởng bị tội đi dầy phải vào nhà một người dân xin trú, mà người ấy không cho. Ưởng phải đi suốt đêm ngày, khổ sở vô cùng. Bấy giờ, anh ta ngửa mặt trên trời, than rằng : « Tác pháp tự tệ ! » (làm ra pháp luật để tự hại mình).

Về sau người ta dùng câu ấy để chỉ người lập ra pháp luật rồi lại tự mình phạm vào pháp luật để đến nỗi mắc tội.



CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu.

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.

KHỎI LỬA KINH THÀNH

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG

(VI-HUYỀN-ĐẮC dịch)

LUỢC DẪN. — Nhân cuộc nội loạn quyền phi và việc tiến quân của chín nước liên minh để đánh Bắc-Kinh, ông Diêu-Tư-An, một phú thương, phải đem gia quyến đi lánh nạn. Chẳng may giữa đường, có con gái lớn của ông, là Mộc-Lan, bị thất lạc.

Đã tốn công tìm kiếm mà không ra manh mối, ông đành cùng vợ con về thẳng Hàng-Châu, nơi quê hương, sau khi phái người đi tìm lời.

Vừa tra may, ông Tăng-Văn-Phát, một vị quan kinh, về thăm quê nhà, được hay tin buồn của Diêu-gia, chỗ quen biết, nên ông ra công tìm thấy Mộc-Lan và chuộc cô ra khỏi tay của quân buôn người trên Vận-hà. Ông liền báo tin mừng cho Diêu-gia và tiện đường, ông đem Mộc-Lan và vợ con ông cùng về Thái-An, nơi nguyên quán của ông.

Ông bà Tăng có ba cậu con trai là Bân-A, Khâm-A và Tân-A.

Cũng là thiên duyên tiền định mà nhân việc hội ngộ đó, Mộc-Lan, sau này, sẽ về làm dâu nhà họ Tăng.

Dưới đây, là đoạn tả sinh hoạt của Mộc-Lan giữa gia đình họ Tăng tại Thái-An.

THỜI thường, trò gái học giỏi hơn trò trai, trừ Bân-A; cậu này đọc thuộc lòng vượt tể cả các trò. Cậu nhớ sách vanh vách và khi đọc bài, không bao giờ cậu bị vấp vấp.

Quả tình, trong những giờ học, Man-Ny không được thu thích, nàng thường hay bị kích động vì các bạn đồng học trai quấy nhiễu. Khi đọc bài và giảng nghĩa xong, thì tới giờ viết tập nên cụ đồ về phòng riêng để nghỉ. Lúc đó là lúc mấy chú trò trai, thi nhau nói

chuyện gẫu và bông đùa, nhiều khi làm cho Man-Ny bị thẹn đến đỏ mặt, lía tai. Nàng chỉ ngồi nóng lòng mong cho mau hết giờ học, để cùng Mộc-Lan trở về phòng riêng của mình.

Cũng được cái may, là cụ Cổ lão thái thái, vẫn chủ trương nên giảm bớt giờ học tập cho các trò gái, vì Cổ bảo, không nên cho con gái học chữ một cách quá phận, chừng sẽ vì sự học văn cao mà mất hẳn cái thiên tính thuần thực, chất phác đi; đối với con gái,

ĐÂY LÀ MỘT KIỂU

TRONG CÁC LOẠI XE

AUSTIN



MÀ QUÍ NGÀI CÓ THỂ ĐẶT MUA NGAY

T A I

HÃNG GARAGES CHARNER

131 - 133, ĐẠI - LỘ NGUYỄN - HUỆ — SAIGON

Đ. T. 20.423 và 22.531

HÃNG



Giấy nôi : 305

*51A-53A, đại-lộ Hồng-Bàng
CHOLON*

Giấy thép : KOL CHOLON

SẢN XUẤT :

- Kem và xà-bông đánh răng
- Các loại nút-ve, hộp, nắp, ống đựng thuốc cho các dược-phòng bằng chất nhựa Phénoplaste, mélamine, polyéthylène,
- Các thứ bàn chải đánh răng bằng nylon,
- Các thứ ống nước bằng chất vinyle
- Nút áo
- Các thứ vật-dụng điện-khí
- Dao bào râu, chén.

sự học tập thêu thùa, vá may, cần hơn nhiều.

Sau giờ học buổi sáng, Man-Ny và Mộc-Lan, hoặc kéo nhau tới buồng của cụ Cố, hoặc tới buồng của Tăng phu nhân để tập tành đường kim, mũi chỉ, và khâu thêu, nghe Cố và phu nhân giảng dạy cho tất cả các việc về nội trợ.

Những lúc này, Man-Ny thấy vui thích nhất, vì nàng cho các công việc kim chỉ mới là công việc của đàn bà, con gái. Mộc-Lan thì thích thêu thùa hơn khâu vá; cô rất ưa hân thưởng những sắc thái rực rỡ, thứ nhất, đem những sợi tơ màu điều hợp cái nọ với cái kia, để chế biến thành những màu: phi hồng, lạc nhật, tăng vân, châu ngọc, bảo thạch, anh vũ, vũ hậu tiêu hoa; cô ưa nhất màu trong óng ánh, của hồ phách. Cô đã tìm ra rất nhiều bản tấu hợp của sắc thái là nhờ ở cái « tam lăng kính » mà trước đây, cha cô đã mua cho cô. Cái tam lăng kính là một thứ ống nhòm, gồm có ba mảnh kính ghép lại thành một cái giác trụ, rồi ở một đầu người ta bỏ vào đó một số những mảnh thủy tinh xanh, đỏ, vàng, đen, tím, v.v... còn một đầu để nhòm; khi vừa xoay nó đi, vừa nhòm, các mảnh thủy tinh, ngẫu nhiên chồng chất lên nhau và do sự phản chiếu của các tấm kính mà kết hợp thành những hình với những màu rất thần tình, kỳ ảo.

Có một hôm, đương giờ học, cậu Tân-A lần trốn và lón vào phòng của bà mẹ. Tăng thái thái hỏi sao đương giờ học mà cậu lại lón xuống đây? Cậu trả lời rằng, cậu bị đau bụng.

Quế-Cô nói:

— Em nó còn nhỏ dại quá, ai lại bắt nó học tập suốt ngày như vậy! Tôi cũng chẳng hiểu vì lẽ gì mà người ta lại bắt một đứa bé mới mười tuổi đầu, phải học thuộc tất cả các sách đã có ở trên đời?

Tân-A nói:

— Chị ạ, chị nói với Ba hộ em đi, mỗi ngày, tới giờ này, em đã học thuộc bài của em rồi... em thuộc rồi mà cứ phải ngồi ỳ ra đấy, buồn quá, chị ạ!... Em có phải theo anh Cả và anh Hai để học « Ấu học quỳnh lâm », với « Mạnh-Tử » đâu kia chứ!

Quế-Cô tủm tỉm cười và bảo cậu:

— Thế em muốn cái gì nào? Có phải em muốn lón xuống đây để chơi với Mộc-Lan, chứ gì?

Thiệt tình, Tân-A có vẻ mến Mộc-Lan lắm, nhưng, Mộc-Lan vẫn gồm gồm cu cậu, chỉ vì cu cậu có đôi phần trăn tráo và cứng đầu, cứng cổ.

Cậu nhìn thấy cô đương thêu một cái túi đựng thuốc nhỏ, cậu liền tiến đến và ngó ý cũng muốn thử học thêu, xem sao? Mộc-Lan không nghe, cậu liền giơ tay định giật lấy chiếc túi, nên làm tuột sợi chỉ ở cây kim ra.

Mộc-Lan kêu lên: « Ờ ờ! thế là tuột mất chỉ rồi, cậu phải khâu lại đèn tôi đi »?

Tân-A loay hoay mãi mà không sao khâu nổi, cả các cô nương lẫn bà thân mẫu cậu đều khúc khích cười. Cậu không biết làm thế nào, mới hướng về phía Man-Ny và khàn cầu: « Chị cả ơi! Chị làm ơn khâu giúp em với, từ nay, em cam đoan không dám quấy nhiễu chị nữa »...

91010210

AIR LAOS

VIENTIANE — BANGKOK : Lundi, Jeudi, Samedi
BANGKOK — VIENTIANE : Mardi, Jeudi, Samedi
VIENTIANE — HONGKONG : Mardi
HONGKONG — VIENTIANE : Mercredi

VIENTIANE — SAIGON — VIENTIANE

par Quadrimoteur

STRATOLINER

Jeudi et Samedi

par Douglas DC 3

Mardi et Dimanche



VIENTIANE-XIENGKHOUANG : Lundi, Mercredi, Vendredi

VIENTIANE — LUANGPRABANG — LUONG NAM THA —

MUONGSING : Lundi, Mercredi, Vendredi.

Renseignements et Réservations

65, rue Lê-Thanh-Tôn — SAIGON — Tél : 22.102

Hãy Mua Phân Thần-Nông

sẽ được kết quả tốt đẹp

với phân THẦN-NÔNG

Quý Ngài sẽ được nhiều lợi

Bán tại hãng

LOUISOGLIASTRO & C^{ie} S.A.R.L.

50, Bến Chương-Dương — SAIGON



Công-Ty Độc-Quyền ở Việt-Nam



Khâm-A và Tân-A vẫn giả ngộ gọi Man-Ny bằng « chị cả » để ngầm chế giễu nàng vì nàng là vị hôn thê của Bân - A.

Tuy nàng làm ra vẻ nghiêm trang nói :

— Thiệt, tôi chưa thấy ai như hai anh em chú, đấy nhá !

Nhưng, trong thâm tâm nàng, nàng không khỏi không mừng thầm rằng, chính sự xưng hô thân mật đó đã ám xác định cái địa vị của nàng trong Tằng - gia.

Mộc - Lan nói :

— Chị cả à ! thôi, chị cứ xâu giùm cậu ấy đi !

Gọi Man-Ny bằng chị cả, chẳng qua, cô thuận miệng mà nói, chứ cô có phải là quyến thuộc của Tằng-gia đâu mà xưng hô như vậy. Cô đã hờ ghen rồi !

Man-Ny tủm tỉm cười bảo Mộc-Lan :

— Lại cái cô ả này nữa !... Ừ, mà biết đâu đấy, rồi đây, rất có thể chúng mình chẳng là chị em dâu với nhau hay sao ?

Quế-Cô cũng nói góp vào :

— Đúng đấy, chứ lại, rất có thể như vậy thật đấy. Thì hiện nay sự ngẫu nhiên chẳng đã dun dủi cho cô em về đây làm thân quyến của Tằng-gia nhà ta. là gì ?

Mộc-Lan ta, cứ thế, đỏ ửng mặt lên.

Mà nào Tân-A đã chịu rút lui cho đâu. Cậu cứ nằng nặc đòi thêu thử ; Mộc-Lan từ chối, cậu liền giựt phắt lấy chiếc túi. Cô tức lắm, vắt cả kim lẫn chỉ xuống trước mặt cậu, và bảo :

— Cái túi này, tôi thêu hầu Tò mẩu đấy, cậu làm làm sao cho hồng di thù làm, tôi không biết đâu !

Nghe thấy vậy, Tân-A chỉ xuyên thủng vài mũi kim rồi đưa trả Mộc-Lan.

Quế-Cô nói :

— Thêu thùa không phải công việc của con trai ; nếu cậu cố ý muốn ra công thi thố tài nghệ thì sao không lập bện hóa, tết chỉ có hơn không ?...

Thế lại cũng là lần thứ nhất, Tân-A và Mộc-Lan cùng nhau cộng tác.

Bện tết bằng chỉ màu những túm bùa tua và giây tòng là một trò chơi rất thú vị. Sự phối hợp các màu cũng đẹp mắt chẳng kém việc thêu, và có rất nhiều kiểu, theo đủ các hình thức, có thể tự ý lấy óc thẩm mỹ ra mà biến chế : nào bộ « giây tua » của quạt tay, của túi đựng thuốc, của ống điếu đồng và bao nhãn kính, bao này có cả một sợi giây chuyền mà các Cổ lão buộc vào nút áo để tùy thân ; mấy kiểu giây kẻ trên dây, có thể dùng giây tơ đủ các màu để bện, kết thành hoa ngoài giây tơ, còn có cả kim tuyến và ngân tuyến, trông rất ngoạn mục. Ở trong tay mềm mại của con trẻ, sự xử dụng rất dễ dàng và khéo léo. Mộc-Lan và Tân-A thi nhau học tết đủ các kiểu hoa, bướm, song hỉ, bát bảo, tàn, lọng, lý ngư, liên hoa, với cả thứ nút tết, gọi là « nút tết thần tiên », không có đầu, mà cũng chẳng đuôi. Rồi hai cô, cậu, kết chỉ lên những đồng tiền cò, vì kiểu này vừa đơn giản, vừa dễ coi. Họ đua nhau làm xem ai khéo để trọn lấy một bộ, đem biếu Tằng thái thái.

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS —

Hàng-Hải

RISQUES DIVERS

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

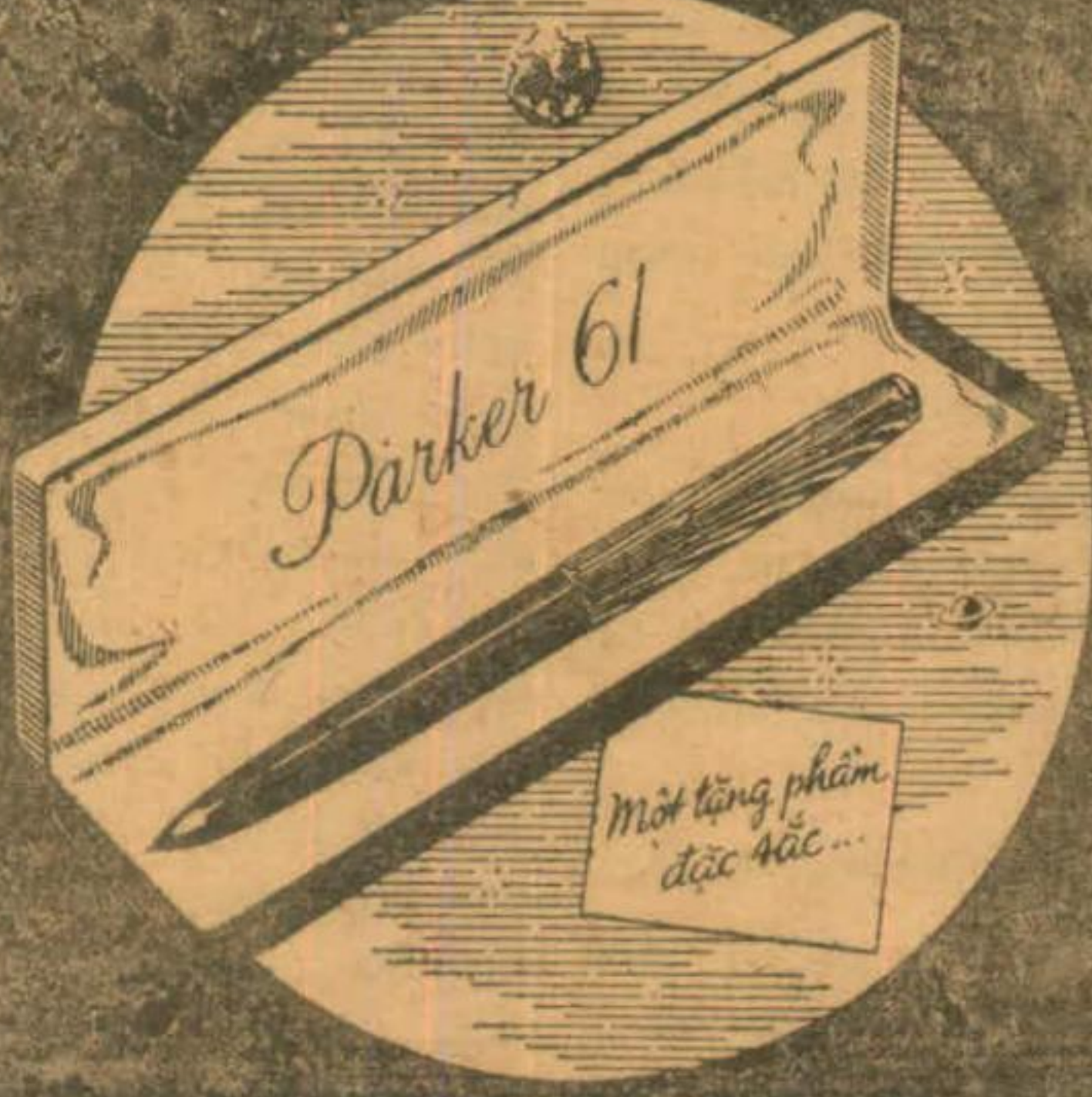
MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngánh : PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO
HONGKONG — TANANARIVE



Parker 61

Bút máy Parker 61 là một sự đồng ý của bộ phận
nhà chế.

Một phần (1/2) của cách sử dụng đơn giản của bút máy Parker 61 (1/2) thành một tặng phẩm
bằng đồng. Chỉ (1/2) hoàn toàn đối với bút máy Parker 61. (1/2) đồng, tiền bạc, giấy, và
đồng hồ tuyệt vời, hơn nữa nó tự động rửa lấy khi mua vào hàng này.
Mỗi một bút máy Parker 61 là một chiếc của một tặng phẩm mà nó đã và nên
được cái đẹp của phần này.



Một phần (1/2) của hàng hóa này là một tặng phẩm Parker 61 và bút máy Parker 61.

THE PARKER PEN COMPANY, JANESVILLE, WIS., U. S. A.

Tổng đại lý: L'U.C.I.A. 135, ĐẠI LỘ NGUYỄN-HUỆ - SAIGON

Vốn Tân-A là cậu con trai út ít của gia đình nên ít khi Tăng phu nhân xa cậu; bà luôn luôn săn sóc tới cậu. Khi bà thấy cậu con bà và cô Mộc-Lan cùng nhau, sánh vai, hí hoáy bên giây, tết hoa, bà có cái cảm tưởng là cái cô bé đó thông minh hơn hẳn cậu con cưng của bà. Trong thâm tâm bà bỗng nảy ra một ý niệm và từ đó, bà lại càng yêu dấu, quý mến Mộc-Lan bội phần.

Bữa trưa hôm ấy, vừa cơm nước xong, Man-Ny đã vội vã giở đồ thêu ra làm, Tăng phu nhân thấy vậy liền bảo :

— Này con, con vừa ăn, buông bát, buông đĩa xong, đã vội cầm cút thêu thùa như vậy, có thể dễ sinh bệnh đấy, con à. Suốt ngày ngồi yên một nơi, không vận động, rất có hại. Hôm nay là ngày hàn lộ, bắt đầu có sương lạnh, con nên rủ các em ra vườn chơi, và nhân thế, bảo chúng nó đi lượm lông hạc về cho mẹ, vì hễ có sương lạnh thì hạc nó thay lông. Mà, hình như đã lâu, con không ra vườn chơi với Mộc-Lan, thì phải ?

Tuy, bốn mặt vườn hoa đều có tường bao vây, nhưng, Man-Ny, không bao giờ dám ra đó một mình, trừ những khi có bạn đi theo. Đây cũng là một sự ty hiềm đã từng nói rõ trong khước huấn. Nàng không thể không tuân thủ. Và, chính ông thân nàng cũng hằng kể cho nàng nghe, trong hầu hết những bản hí kịch đều lấy nơi hoa viên làm bối cảnh miêu tả những cuộc tình duyên bất chính, những đoạn tình sử lãng mạn, cũng vì vậy mỗi khi các cậu con trai ra chơi ngoài vườn hoa, thứ nhất trong bọn lại có cả Bân-a, nàng

không có can đảm ra đó, nàng cố ý tránh sự ty hiềm.

Man-Ny quay, hỏi Mộc-Lan : « Thế nào ? Mộc-Lan có muốn ra hoa viên chơi không ? Nếu Mộc-Lan ưng ý, chúng ta sẽ cùng đi ».

Tăng phu nhân dục Mộc-Lan : « Đi đi, con ạ ! Ra đó mà chơi và nhân tiện, rủ lũ em trai, chúng nó cùng đi với cho vui. Mà, các con nhớ, đừng cho chúng nó bắt để chơi đấy nhé... Thôn hoặc, chúng nó có bắt, thì chỉ để chơi ở ngoài vườn, chứ không được mang về vào trong nhà, các con nghe không ?

Có gì đâu, hôm trước đây, cũng vì mấy con để đó mà ông Tăng-văn-Phát đã tức giận và quát mắng rầm rí cả nhà lên.

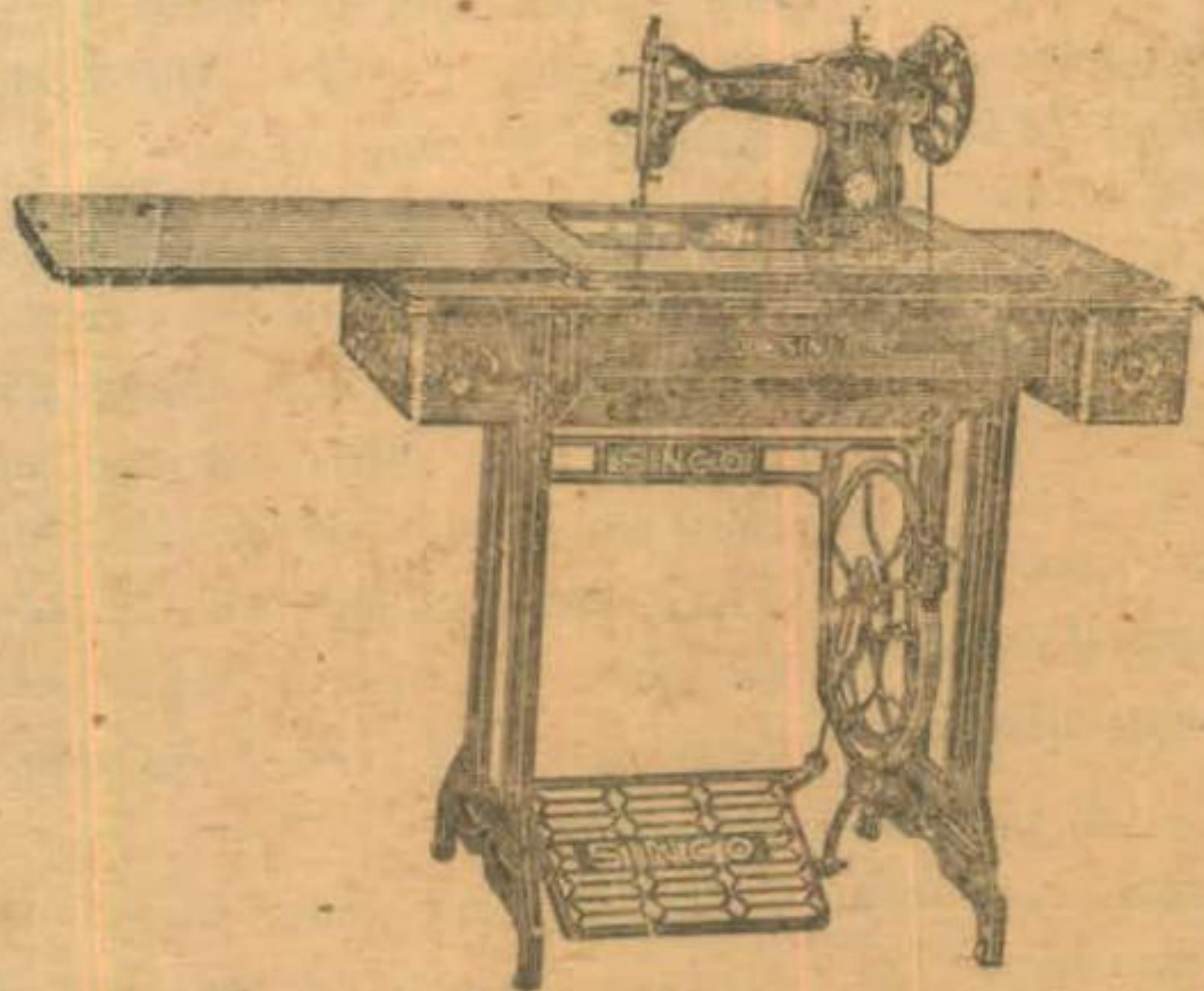
Mấy tuần lễ vừa qua, khi ông về tới Thái-An thì gặp kỳ thu tế. Ông là một vị quan Kinh, lại hiện nay có mặt tại chốn quê nhà, nên ông không thể từ chối không tới dự lễ tế thần.

Cuộc thu tế này, thời thường vẫn cử hành, hoặc trước, hoặc sau ngày thu phân; thu phân vào khoảng trong vòng tháng tám. Ở vùng này, có tương truyền rằng : thu phân sớm trước ngày thu tế thì năm đó dân gian sẽ được phong đăng, hòa cốc, hơn cơm, rẻ gạo; mà trái lại, nếu chậm, thì thế nào cũng mất mùa và đói kém. Vừa ra may, năm nay, thu phân đã khá lâu rồi mới đến ngày thu tế, bởi vậy, dân chúng tin vào cái điềm lành đó mà hết đổi vui mừng. Họ hân hoan, tấp nập, trừ liệu cái điền lễ này một cách thiết trọng sự thế.

CHỈ CÓ :

Máy may hiệu SINCO

BỀN BỈ ! NHẸ NHÀNG ! ÊM ÁI !
VỚI SỰ BẢO ĐẢM 20 NĂM



chắc chắn quý
Ngài sẽ rất hài
lòng về công dụng
của nó trong khi
may hoặc thêu.

TỔNG PHÁT HÀNH :

HÀNG MÁY MAY

SINCO

SAIGON : số 1 tới 5, đại-lộ Trần-hưng-Đạo
CHOLON : số 155 tới 157, đại-lộ Đồng-Khánh

- DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF -



à la fois treuil et palan!

*peut lever, tirer,
tirer, tendre
attacher etc...*

Toutes forces
par mouflage
facile

6
avantages du
TIRFOR
(BREVETÉ)

- 1) Portatif
- 2) Mise en batterie rapide
- 3) Course de câble illimitée
- 4) Toutes orientations et positions
- 5) Précision millimétrique de manœuvre
- 6) Sécurité : organes essentiels doublés

Modèle "SUPER"
Universel
Force : 1.500 kgs
Poids : 18 kgs



Modèle "MINES"
Traction seule
Forces : 1.500 et 3.000 kgs
Poids : 18 et 21 kgs

*Tirfor rend
1000 services!*
Demandez-nous la
brochure.

Denis Frères

Số 4 đường Tự-do Sài-gòn — Đại lý độc quyền tại Việt-Nam

- DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF -

Sau cuộc tế đó, ông Tăng-văn-Phát trở về nhà và bỏ phàm phục ra. Bộ lễ phục này chỉ dùng trong những dịp quan trọng mà thôi; nó có một tính chất thiêng liêng; thần, thánh, bất khả xâm phạm; bọn trẻ con, không đứa nào được phép sờ mó tới. Tăng phu nhân phải chính tay mình, phơi phóng, gấp và cất đi cẩn thận. Cả nhà, từ bé đến lớn, ai cũng được biết bộ phàm phục của ông là cái tiêu chức của quyền vị; nó do đức Hoàng-Đế và Triều đình ân-tứ, nó gồm có một cổ mũ, một cái áo, một đôi hia và mấy chiếc quạt quý giá, tất cả xếp gọn gàng ở trong một cái tủ. Ở đó cũng tàng trữ cả những di vật của cụ tổ phụ; xưa, cụ giữ chức thị lang ở Bộ Lại. Lũ con cháu trong nhà trông các vật đó bằng những cặp mắt đầy sợ sệt, kính cần, không bao giờ dám giơ tay đụng tới.

Thế rồi, kể đó vài hôm, lại có một vị khâm sai đại thần đi qua hạt Thái-An, ông Tăng-văn-Phát lại bắt buộc phải đi đón tiếp. Tới khi đem bộ lễ phục ra thì, ôi thôi, cả một đám lông công thêu trên cổ mũ, bị sâu, một, nhấm nát mất hẳn một mảng khá dài, hai bên vành bị xơ cả ra và cái chòm thì bẹp dúm hẳn xuống. Ông tái mặt đi và gọi cả nhà ra hỏi. Cả phu nhân lẫn lũ trẻ con cũng chẳng hiểu duyên cớ bởi đâu mà ra, vì từ bấy nhần nay, đã có lần nào xảy tới một tai biến như thế này mà biết được và trả lời ông bây giờ. Mấy mẹ, con, chỉ nhìn nhau rồi đứng chờ ra đó. Thì, ô lạ, bỗng đâu, ở phía chân tủ văng lên một chuỗi tiếng dế ngâm. Ve ve ve!

... tích tích! ... ve ve! ... ông nhòm xuống tìm kiếm và tóm ngay được một chú « dế mèn ». Ngay bên vách tủ có cả một cái lỗ nhỏ; thôi, không thể nào sai được, cái lỗ này tức là « thông đạo » mà những côn trùng quái ác đó đã dùng để « đột nhập » vào trong tủ và tha hồ phá phách!

Ông nghiêm nghị hỏi:

— Tại sao lại có con dế đó ở nơi đây?

Tân-A, tuy hết sức sợ sệt nhưng cũng đem hết can đảm để trả lời một cách thẳng thắn:

— Thưa, thưa... con dế này của con, con cũng không hiểu tại sao nó lại xông được ra đây!...

Nói xong, cậu đứng thần người ra, không dám nghĩ tới chạy trốn. Cậu đau đớn nhìn thân phụ cậu cầm con dế ném xuống đất rồi lấy chân đi bét nó ra. Hoài của! Cái con dế này là con dế rất quý của cậu; nó đã từng chiến đấu với con dế của Khâm-A, mỗi lần « chọi » là một lần « thắng ». Cậu không dám khóc nhưng cậu thấy đau lòng, xót dạ! Mà, lạ thật! Rõ ràng cậu đã nhốt nó cẩn thận vào cái ống tre, ấy thế mà làm sao nó lại xông ra được và chui xuống dưới gầm tủ áo? Cậu nghĩ hoài không ra manh mối!

Thân phụ cậu lại quát:

— Mày không còn chỗ nào khác để nhốt dế hay sao mà lại đem nó vào tận trong phòng này là nghĩa làm sao?

Cũng vì cậu là út út nên cha cậu có đôi phần dong dưng đối với cậu, chứ nếu hai người anh cậu mà ở trong trường hợp này thì phải biết! không phải họ chỉ bị mắng nhiếc qua loa như thế mà thôi đâu, đấy nhé.

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE
PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(Hội năcdanh với số vốn 400.000.000 quan)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện-thoại : 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín: Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG - VIỆC NGÂN - HÀNG



**Đại - diện các Ngân - Hàng
trên thế-giới**



*Ngân-Hàng thừa-nhận do Viện
Hội - Đoài Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

Đến hôm sau, ông Tăng-văn-Phát vẫn còn bức tức vì trong khi đi thù tiếp vị Khâm sai, suốt cả bữa tiệc ông thấy mất hết tự nhiên và thư thích; ông cứ tưởng chừng như, tất cả quan khách đều chú mục vào cái lông công thêu ở cổ mũ nó bị xơ ra mất hẳn một đám khá dài. Nhưng, ông quá lo xa đấy thôi, ở đám tiệc chẳng có ai lưu ý tới phẩm phục của ông hoặc nói cạnh, nói khoé gì cả.

Ấy cũng vì cái tai họa gây ra bởi mấy con dế quái ác đó mà Tăng phu nhân phải căn dặn Man-Ny và Mộc-Lan, trước khi họ ra vườn chơi.

Lúc đó, ngoài hai cô, chỉ có Tân-A và Ái-Liên, cùng kéo nhau ra hoa viên. Họ phải đi qua một cái cầu nhỏ mới tới chỗ nuôi hạc. Sau khi đứng xem đôi hạc, chán mắt, mấy cô, cậu cùng nhau đi đi, lại lại, trên đám cỏ xanh nó sắp chuyển sang vàng dưới nắng hanh.

Rồi, Man-Ny đi kiếm hoa « Thủy kim phượng » để về nhuộm móng tay. Tân-A chẳng nghĩ tới việc đi lượm lông hạc, hay đi theo mấy cô để hái hoa; cậu còn mê mãi đi bắt dế nên lúi thủi một mình chạy tới sang đầu cầu phía bên kia và lắng tai nghe xem ở chân tường hay kẽ đá, có tiếng dế ngâm không.

Bỗng, các cô nương nghe thấy một tiếng chim kêu lanh lảnh. Các cô quay đầu lại thì thấy hai cậu Bán-A và Khâm-A đang dắt díu nhau đi tới; thì ra, cái tiếng chim kêu đó do cậu Bán-A bắt chước chim, huýt lên; Tân-

A cũng chúm môi huýt sáo đáp lại. Hai cậu anh liền rảo cẳng, vừa bước đến vừa hô to :

— Hôm nay nghỉ học ! Cụ đồ nhà chúng ta mắc bệnh lị, cụ vừa đi về nhà cụ rồi.

Bỗng Tân-A giơ tay lên bảo tất cả hãy lặng yên một tý cho cậu nhờ, cậu vừa chột nghe thấy tiếng dế ngâm, một tiếng ngâm cực kỳ rần rỏi, mệnh dạn.

Nguyên do, người ta chỉ nghe tiếng ngâm cũng có thể phán đoán một cách vững chắc, con dế vào hạng khỏe hay yếu. Với lại nếu thêm vào tiếng ngâm cứng cỏi, nó lại có một cái đầu và một cặp giò « hùng kiện », nó nhất định là một tay đấu thủ vô địch, đánh chết nó cũ g là một vị « kiện tướng ! ».

Trong khi đó, các cô nương vẫn đi kiếm hoa thủy kim phượng của các cô. Man-Ny vớ được một cây, đây rồi ! Mộc-Lan liền xoắn xuýt hỏi Man-Ny cách nhuộm móng tay ra sao ?

Man-Ny nhuần nhả cát nghĩa :

— Trước hết, chúng ta phải hái cho được khá nhiều thứ hoa đó đấy, đoạn ta nghiền nó cho thiệt nhuyễn ra, rồi cho vào đó một nhúm phèn chua và cứ thế, ta đem sát vào cái móng của cái « vô danh chỉ » tức ngón tay đeo nhẫn, ấy mà, cùng là ngón út; phải sát chừng mấy hôm và cuối cùng lấy một ít sương buổi sáng mà « chiết » đi, thì đẹp vô cùng, lại không bao giờ phai được nữa.

Ấy, sở dĩ Mộc-Lan ái mộ Man-Ny cũng vì Man-Ny biết rất nhiều những

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 3.500.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.000.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Dĩ-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

việc tỉ mỉ trong gia đình; sự thông thạo của nàng thiết không ai bì kịp, cái gì nàng cũng hiểu biết rành rẽ.

Về việc nhuộm móng tay, quả tình, trước đây, Mộc-Lan cũng đã từng thấy Thúy-Hà làm đấy, nhưng cô chưa hề được ai giảng cho nghe cách thức nhuộm nhứt ra sao; vả San Thu vốn là cô gái hóa, mà thân mẫu cô thì đã ngoài tứ tuần, nên chẳng một ai ở gia đình cô, nghĩ tới cái trò chơi phù hoa đó cả.

Trong yên lặng, đột nhiên, vang lên một tiếng hoan hô đặc thảng. Tất cả liền hướng về phía Tân-A và chạy lại chỗ cậu. Cậu ta vừa tóm được một con dế cừ khôi! Đầu nó và cặp giò của nó vừa lớn, vừa cân đối. Đôi râu của nó dài và cứng nhắc, nó cứ vênh ngược lên, trông có vẻ hiên ngang, đứng được vô cùng. Da nó màu nâu sẫm, hơi hung hung đỏ.

Bân-A ra dáng thông thạo nói:

— Các em có biết không, con dế này thuộc vào loại « hồng-linh-tử », đây! tiếng ngâm của nó vang vang như tiếng chuông và nó có một sức chiến đấu rất hùng mãnh.

Cậu ngỏ ý với em, muốn đem nó chơi thử một keo với con dế của mình, xem sao. Cậu nói xong, quay quả chạy về nhà để đem « đấu thủ » của mình ra.

Tân-A, tuy không ưng cho con dế vừa bắt ược của mình chiến đấu một cách xốc nổi như vậy, nhưng cậu không chịu mang tiếng là nhút nhát và kém cạnh, nên cậu đành phải nhận lời thách thức. Cậu liền bắt con dế của cậu bỏ từ bàn tay này, qua bàn

tay kia để khiêu khích cho nó phát cáu tức như điên lên. Cặp râu của nó cứ vênh ngược lên, hai mắt nó long lanh như muốn nẩy lửa, và đôi nanh của nó mở ra, khép vào, nhịp nhàng một cách hết sức hung bạo, tàn nhẫn.

Bân-A đã đem « chiến đấu viên » của mình ra.

Họ liền quét sạch và dàn phẳng một đám đất rồi để hai đấu thủ đối diện nhau, nhưng họ không cho chúng tiếp xúc với nhau vội, họ chỉ cho chúng châu đầu gần sát nhau rồi lại lùi chúng xa nhau ra, cốt ý để cho chúng dương râu, nhe nanh, thị uy lẫn nhau; khi nào chúng thiết cuồng nộ mới thả chúng ra, cho chúng chọi nhau.

Sau mấy hiệp, ta đã thấy rõ, cuộc đấu không phải « kỳ phùng địch thủ ». Sức chiến của hai đối phương quá chênh lệch. Cứ bình tĩnh mà nói, nếu ở trên trường đấu thật sự, không khi nào lại có một cuộc đấu bất công như vậy. Trước khi nhập cuộc, mỗi đấu thủ phải được cân lên cân thận và, chỉ những đấu phương cùng một trọng lượng mới được chọi nhau mà thôi. Tuy con dế của Bân-A cũng là một « tướng quân », đã từng « vào sinh ra tử » trên vũ đài đôi phen, nhưng cái thân hình đen nhánh như mun đó, quá nhỏ bé, nên không sao tranh cường được với con « kiện tướng » của cậu Tân-A. Tiếp chiến được ba, bốn hiệp, thì con dế của Bân-A bị gãy mất một bên râu.

(Còn nữa)

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

J.M. MOHAMED ISMAEL FILS AZIZ & C^o

Import — Export



REPRÉSENTATION



Téléphone : 21.219

Ad. tél. : JASMIN

175 - 179, đường Tự-Do — SAIGON

THE BANK OF EAST ASIA, LTD
(DONG - A NGAN - HANG)

Agence de Saigon : 6, Đường Võ-Dĩ-Nguy

Téléphone : 20.565 — 20.566 — Ad. Télégr. : Bankeasia

Siège Social : N^o 10, Des Voeux Road Central, Hongkong

TOUTES OPERATIONS DE BANQUE
ET DE CHANGE

Agences et Correspondants dans toutes les grandes villes du Monde

COFFRES - FORTS A LOUER

(Avec Conditionneur d'air)

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

HÀNG CHÍNH :

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Đại-diện tại Việt-Nam :

11, Nguyễn-Công-Trứ (Lefèbvre cũ) — Saigon

Đ. T. 21.549 — Saigon : 55

58, Đại-Lộ Khổng-Tử (Gaudot cũ) — Cholon

Điện-Thoại : 904

ĐIỆN-BÁO : *COMMUBANK*



Đảm-nhiệm tất cả nghiệp-vụ về

Ngân-Hàng và giao-dịch.

Có đại-lý thiết-lập trên các thành-thị

lớn khắp thế-giới.

BUTAGAZ, hơi đốt dùng nấu nướng
tốt nhất



**SẠCH - SẼ
TIỆN - LỢI
ÍT TỐN KÉM**



- B** – Đốt cháy liền
U – Khởi mát ngay giờ
T – Không khói, không bụi
A – Dùng nấu nướng các thứ
G – Không làm nhứt dầu hay cay mắt
A – Khởi phải coi chừng ngọn lửa
Z – Một bình hơi dùng:

TỔNG PHÁT HÀNH:
POINSARD & VEYRET

bằng 120 kí-lô than
hoặc 2 thước củi
hoặc 135 ki-lô-vát điện

DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

HÀNG RƯỢU BÌNH TÂY



Eaux de Cologne et Lotion

de

PREMIÈRE QUALITÉ



Rượu luyện-tinh hảo-hạng làm bằng rượu nếp. Các thứ nước hoa đều chế bằng rượu luyện-tinh, tốt bậc nhất hoàn-cầu, cùng các chất hoa ở bên Pháp thuộc vùng Grasse (Alpes Maritimes).

Bán sỉ và lẻ tại : 135, Pasteur — SAIGON

Bán lẻ tại khắp các nhà buôn đứng-dẫn.



Các nhà buôn muốn lãnh bán (dư trả lại), do nơi Văn - Phòng Công - Ty
135, Pasteur — SAIGON

CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

TẠP-CHÍ BÁCH-KHOA

XUẤT-BẢN MỖI THÁNG HAI KỲ

DIỄN-ĐÀN CHUNG CỦA TẤT CẢ
NHỮNG NGƯỜI THA-THIỆT ĐẾN CÁC VẤN ĐỀ
**CHÍNH-TRỊ, KINH-TẾ, VĂN-HÓA,
XÃ-HỘI.**

Chủ-nhiệm : HUYNH - VAN - LANG

hợp-tác cùng các bạn :

LÊ-ĐÌNH-CHÂN
TĂNG-VĂN-CHI
ĐỖ-TRỌNG-CHU
LÊ-THÀNH-CƯỜNG
TRẦN-LƯU-DY
LÊ-PHÁT-ĐẠT
NGUYỄN-VĂN-ĐẠT
NGUYỄN-LÊ-GIANG
PHẠM-NGỌC-THUẦN-GIAO
NGUYỄN-HỮU-HẠNH
LÊ-VĂN-HOÀNG
NGUYỄN-VĂN-KHẢI
PHẠM-DUY-LÂN
NGUYỄN-QUANG-LỆ
TRẦN-LONG

BÙI-BÁ-LƯ
DƯƠNG-CHÍ-SANH
NGUYỄN-HUY-THANH
BÙI-KIẾN-THÀNH
HOÀNG-KHẮC-THÀNH
PHẠM-NGỌC-THẢO
BÙI-VĂN-THỊNH
NGUYỄN-TẤN-THỊNH
VŨ-NGỌC-TIẾN
VÕ-THU-TỊNH
NGUYỄN-TẤN-TRUNG
PHẠM-KIM-TƯƠNG
HOÀNG-MINH-TUYNH
BÙI-CÔNG-VĂN